

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-THKH
V/v tổ chức lấy ý kiến cử tri đối
với việc thành lập thị trấn Hà
Long và thị trấn Hà Lĩnh thuộc
huyện Hà Trung.

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

Kính gửi:

- Sở Nội vụ;
- UBND huyện Hà Trung.

UBND tỉnh nhận được Tờ trình số 883/TTr-SNV ngày 09/11/2023 của Sở Nội vụ về việc tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với việc thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh thuộc huyện Hà Trung. Để đảm bảo trình tự, thủ tục tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với hồ sơ Đề án nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đồng ý với đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 883/TTr-SNV ngày 09/11/2023 nêu trên; giao UBND huyện Hà Trung chỉ đạo, hướng dẫn UBND xã Hà Long và UBND xã Hà Lĩnh tổ chức lấy ý kiến cử tri đối với việc thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh theo quy định tại Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ.

Kèm theo các tài liệu lấy ý kiến cử tri như sau:

1.1. Mẫu phiếu lấy ý kiến cử tri:

- Mẫu 01: Dùng cho lấy ý kiến cử tri đối với việc thành lập thị trấn Hà Long.
- Mẫu 02: Dùng cho lấy ý kiến cử tri đối với việc thành lập thị trấn Hà Lĩnh.

1. 2. Tài liệu phục vụ lấy ý kiến cử tri gồm có:

- Đề án thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh.
- Bản tóm tắt Đề án.

2. Giao Sở Nội vụ hướng dẫn UBND huyện Hà Trung và các đơn vị liên quan tổ chức lấy ý kiến cử tri; tổng hợp, lập báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri; hoàn chỉnh đề án, thực hiện trình tự, hồ sơ thủ tục, báo cáo UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Huyện ủy, HĐND huyện Hà Trung;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, THKH, CN.

CHỦ TỊCH



Đỗ Minh Tuấn

**¹ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HÀ LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Long, ngày tháng năm 2023

PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỬ TRI
Về việc thành lập thị trấn Hà Long thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

Theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ; sau khi Đề án thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh thuộc huyện Hà Trung được xây dựng, đề nghị cử tri cho ý kiến về việc thành lập thị trấn Hà Long thuộc huyện Hà Trung.

Địa chỉ hộ gia đình:

TT	Họ và tên	Thành lập thị trấn Hà Long trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hà Long		Tên thị trấn sau khi thành lập là thị trấn Hà Long		Ký tên
		Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	
1	Nguyễn Văn A					
2	Nguyễn Thị B					

Ý kiến khác (nếu có):

Lưu ý:

1. Phiếu dùng cho các cử tri trong một hộ gia đình;
2. Nếu đồng ý thì đánh dấu "x" vào ô đồng ý, nếu không đồng ý thì đánh dấu "x" vào ô không đồng ý, nếu không đánh dấu hoặc đánh dấu vào cả 02 ô không đồng ý và đồng ý là phiếu không hợp lệ đối với cử tri đó.

¹ Đóng dấu treo của UBND xã Hà Long.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HÀ LĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Lĩnh, ngày tháng năm 2023

PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỬ TRI
Về việc thành lập thị trấn Hà Lĩnh thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

Theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính và Nghị định số 66/2023/NĐ-CP ngày 24/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ; sau khi Đề án thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh thuộc huyện Hà Trung được xây dựng, đề nghị cử tri cho ý kiến về việc thành lập thị trấn Hà Lĩnh thuộc huyện Hà Trung.

Địa chỉ hộ gia đình:

TT	Họ và tên	Thành lập thị trấn Hà Lĩnh trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của xã Hà Lĩnh		Tên thị trấn sau khi thành lập là thị trấn Hà Lĩnh		Ký tên
		Đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý	Không đồng ý	
1	Nguyễn Văn A					
2	Nguyễn Thị B					

Ý kiến khác (nếu có):

Lưu ý:

- Phiếu dùng cho các cử tri trong một hộ gia đình;
- Nếu đồng ý thì đánh dấu "x" vào ô đồng ý, nếu không đồng ý thì đánh dấu "x" vào ô không đồng ý, nếu không đánh dấu hoặc đánh dấu vào cả 02 ô không đồng ý và đồng ý là phiếu không hợp lệ đối với cử tri đó.

² Đóng dấu treo của UBND xã Hà Lĩnh.

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

ĐỀ ÁN

**Thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh
thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa**

*(Tài liệu phục vụ lấy ý kiến cử tri kèm theo Công văn số:/UBND-THKH
ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Phần thứ nhất

CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
2. Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
3. Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
4. Nghị quyết số 58 NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
5. Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030;
6. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016;
7. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016;
8. Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ về việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC;

9. Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030; tầm nhìn đến năm 2045;

10. Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

11. Quyết định số 1252/QĐ-UBND, ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2030;

12. Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Hà Trung đến năm 2045;

13. Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

14. Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

15. Kế hoạch số 275/KH-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về phát triển hệ thống đô thị tỉnh đến năm 2025 đạt mục tiêu đô thị hóa 40%;

16. Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 20/01/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Chương trình công tác năm 2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa;

17. Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công nhận khu vực dự kiến hình thành đô thị Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chí đô thị loại V;

18. Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công nhận khu vực dự kiến hình thành đô thị Hà Lĩnh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chí đô thị loại V.

II. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT

1. Huyện Hà Trung là địa phương có lịch sử hình thành lâu đời, giàu truyền thống cách mạng; cách về phía Bắc thành phố Thanh Hóa khoảng 25 km, thuộc vùng trung tâm động lực Thạch Thành - Bỉm Sơn; có lợi thế nổi trội về giao thông như đường cao tốc Bắc - Nam với 02 nút giao trên địa bàn huyện, Quốc lộ 1A, 217, 217B, đường sắt và đường sắt cao tốc (quy hoạch) Bắc - Nam. Cùng với thị xã Bỉm Sơn, huyện Hà Trung được xác định là trung tâm vùng phía Bắc của tỉnh Thanh Hóa với các chức năng chủ yếu: Công nghiệp - tiểu thủ công

ngiệp, thương mại - dịch vụ; văn hóa - thể dục thể thao, du lịch văn hóa tâm linh, đầu mối giao thông quan trọng vùng động lực phía Bắc của tỉnh nói riêng, của tỉnh Thanh Hóa với vùng Bắc Trung Bộ và Nam Bắc Bộ nói chung.

Tuy nhiên, hiện nay huyện Hà Trung vẫn chưa phát huy được hết các tiềm năng, lợi thế nêu trên. Một trong những nguyên nhân, bất cập là hệ thống đô thị trên địa bàn vẫn còn hạn chế, chưa có nhiều trung tâm kinh tế, trung tâm đô thị tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay, toàn huyện hiện chỉ có 01 đô thị huyện lỵ, tỷ lệ đô thị hóa thấp. Vì vậy, thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh là để phát huy tiềm năng, vị trí, vị thế; lan tỏa quá trình phát triển, quá trình đô thị hóa của huyện; hình thành các trung tâm, đô thị động lực góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hà Trung.

2. Xã Hà Long là vùng đất có nhiều giá trị lịch sử - văn hóa, là nơi phát tích của các vua, chúa và vương triều Nguyễn nên có nhiều cơ hội để hình thành đô thị du lịch văn hóa lịch sử, sinh thái gắn với bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử Quốc Miếu nhà Nguyễn. Bên cạnh đó, xã Hà Long có một nút giao cao tốc Bắc - Nam và Quốc lộ 217B (là một trong bảy nút giao đường cao tốc qua địa phận tỉnh Thanh Hóa), đồng thời, xã cũng được quy hoạch phát triển dịch vụ cao cấp (du lịch, nghỉ dưỡng, sân golf...). Vì vậy, xã Hà Long có lợi thế vừa là cửa ngõ phía Tây Bắc của huyện Hà Trung; vừa là điểm kết nối các huyện vùng đồng bằng ven biển như Nga Sơn, Bỉm Sơn, Hậu Lộc; các huyện miền núi như Thạch Thành, Cẩm Thủy, Bá Thước đi các tỉnh lân cận và các đô thị lớn như Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; là lợi thế để địa phương phát triển đô thị theo hướng dịch vụ thương mại, logistic. Mặt khác, xã Hà Long tiếp giáp trực tiếp với một trong bốn đô thị động lực của tỉnh, đây là cơ sở quan trọng để hình thành đô thị công nghiệp trong tương lai với sự lan tỏa mạnh mẽ của đô thị công nghiệp thị xã Bỉm Sơn, cụm công nghiệp Hà Long - Bỉm Sơn.

Xã Hà Lĩnh ở phía Tây Nam, cách trung tâm huyện lỵ Hà Trung khoảng 09 km, thuộc vùng kinh tế phía Nam huyện, có đường cao tốc Bắc - Nam với một nút giao và Quốc lộ 217 chạy qua, xã Hà Lĩnh được xác định là đầu mối giao thông vùng Đông Bắc tỉnh Thanh Hóa gắn với dịch vụ kho vận, thương mại cấp vùng; dịch vụ du lịch văn hóa lịch sử, tâm linh, thắng cảnh và sinh thái; công nghiệp tiểu thủ công nghiệp gắn liền với các cụm công nghiệp Hà Lĩnh I, II; trung tâm động lực khu vực vùng phía Nam của huyện Hà Trung.

3. Phát huy những tiềm năng, lợi thế và để định hướng cho phát triển đô thị, quy hoạch chung xây dựng đô thị Hà Long và đô thị Hà Lĩnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt từ năm 2015 và điều chỉnh, mở rộng năm 2021, làm tiền đề cho phát triển đô thị trên địa bàn các xã trong thời gian qua.

Thực hiện các quy hoạch đô thị đã được phê duyệt, cùng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư của tỉnh, của huyện, sự nỗ lực của cấp ủy, chính

quyền và nhân dân nên các xã Hà Long và Hà Lĩnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo tiền đề cho sự phát triển toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; đời sống vật chất tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng cao, kết cấu hạ tầng kỹ thuật được hoàn thiện, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững. Cùng với quá trình phát triển kinh tế xã hội, lễ lối sinh hoạt của Nhân dân trên địa bàn các xã cũng đã có nhiều thay đổi tích cực theo hướng đô thị; các khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ, điểm dân cư từng bước được xây dựng; hệ thống hạ tầng ngày một hoàn thiện, tiến tới đồng bộ; đường giao thông cơ bản được rải nhựa và bê tông hóa; tất cả các hộ gia đình đều được sử dụng điện lưới, nước hợp vệ sinh; tuyến đường chính được chiếu sáng; rác thải được thu gom và xử lý; góp phần đưa các xã đạt chuẩn nông thôn mới và đạt các tiêu chí đô thị loại V.

Những thay đổi về kinh tế - xã hội, quá trình phát triển dịch vụ, thương mại và đô thị hoá đã làm thay đổi quá trình tổ chức dân cư theo hướng tập trung với mật độ cao, hình thành lối sống đô thị trong nhân dân; tổ chức sản xuất có sự chuyên môn hóa, lao động dịch chuyển từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp; công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, quy hoạch, xây dựng, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự, bảo vệ môi trường... của chính quyền nông thôn hiện nay gặp nhiều khó khăn; cần phải có chính quyền đô thị với cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp để thay thế cho chính quyền nông thôn như hiện nay. Vì vậy, thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã là tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, nhằm đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn; không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế, góp phần đảm bảo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính theo quy định.

Phần thứ hai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN

Huyện Hà Trung được hình thành từ rất sớm, là một trong những cái nôi của dân tộc Việt Nam: Thời thuộc Hán, là miền đất thuộc huyện Dư Phát. Thời Tam Quốc - Lưỡng Tấn - Nam Bắc triều, là miền đất thuộc huyện Kiến Sơ. Thời Tùy - Đường, là miền đất thuộc huyện Nhật Nam và một phần thuộc huyện Sùng Bình. Thời Trần - Hồ, huyện Hà Trung thuộc châu Ái, trấn Thanh Đô; phần đất phía Bắc huyện Hà Trung ngày nay nằm trong huyện Tống Giang, thuộc châu Ái. Thời thuộc Minh, là phần đất chủ yếu của huyện Tống Giang. Thời Lê, đổi Tống Giang thành Tống Sơn và đặt phủ Hà Trung gồm 4

huyện: Tống Sơn, Hoàng Hóa, Hậu Lộc, Nga Sơn (trong đó, huyện Tống Sơn là huyện Hà Trung ngày nay). Thời Nguyễn, huyện Tống Sơn do phủ Hà Trung kiêm lý. Tống Sơn là đất phát tích của triều Nguyễn.



Ảnh: Huyện Hà Trung trong mối liên hệ vùng tỉnh

Sau năm 1945, phủ Hà Trung được đổi thành huyện Hà Trung, gồm 10 xã. Đến năm 1954, giải thể 10 xã để thay thế bằng 25 xã, lấy chữ "Hà" làm chữ đầu, trong đó có các xã Hà Long, xã Hà Lĩnh.

Ngày 08/3/1967, thành lập thị trấn nông trường Hà Trung.

Ngày 29/6/1977, thành lập thị trấn Bỉm Sơn trên cơ sở một phần các xã Hà Dương, Hà Lan thuộc huyện Hà Trung.

Ngày 05/7/1977, huyện Hà Trung sáp nhập với huyện Nga Sơn thành huyện Trung Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 29/8/1980, chia xã Hà Dương thành 2 xã: Hà Dương, Quang Trung.

Ngày 18/12/1981, thị trấn nông trường Hà Trung và 2 xã Hà Lan, Quang Trung được sáp nhập vào thị xã Bỉm Sơn.

Ngày 30/8/1982, huyện Hà Trung được tái lập gồm 24 xã.

Ngày 16/10/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Thanh Hóa. Sau khi sắp xếp huyện Hà Trung có 1 thị trấn và 19 xã trực thuộc.

1. Xã Hà Long

1.1. Lịch sử hình thành, phát triển

Hà Long là một xã miền núi, phía Tây Bắc của huyện Hà Trung, với khoảng 18% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Mường) cùng sinh sống. Quá trình hình thành và phát triển, vùng đất thuộc xã Hà Long đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của huyện Hà Trung như ngày nay.

Gia Miêu ngoại trang (thuộc thôn Gia Miêu xã Hà Long ngày nay) là ngôi làng cổ thuộc huyện Tống Sơn (nay là huyện Hà Trung). Đây được xác định là nơi phát tích của vương triều Nguyễn. Từ thời nhà Nguyễn (năm Gia Long thứ 3) đã gọi Gia Miêu ngoại trang là đất Quý hương, gọi huyện Tống Sơn là Quý huyện. Sử sách ghi chép lại, có 5 vị vua triều Nguyễn đã về Gia Miêu ngoại trang nền Phương Cơ dưới núi Triệu Tường (hay còn gọi là núi Thiên Tôn) tế bái tổ tiên, gồm: Gia Long, Minh Mệnh, Thiệu Trị, Thành Thái và Bảo Đại. Cũng chính nơi đây vào tháng 02/1947, trong lần về thăm quê hương Thanh Hóa anh hùng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về dâng hương, tưởng nhớ các vị tiền nhân của vương triều Nguyễn.

Là vùng đất mang nhiều giá trị lịch sử, với quỹ đất rộng lớn, có vị trí tiếp giáp với đô thị công nghiệp động lực của tỉnh. Xã Hà Long được định hướng hình thành đô thị du lịch văn hóa lịch sử, sinh thái, và cũng là đô thị vệ tinh của thị xã công nghiệp Bỉm Sơn. Năm 2013, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chung đô thị Hà Long đến năm 2025. Đây là cơ sở quan trọng đánh dấu sự hình thành đô thị Hà Long như hiện nay. Ngày 24/12/2015, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 5424/QĐ-UBND công nhận trung tâm xã Hà Long, huyện Hà Trung đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

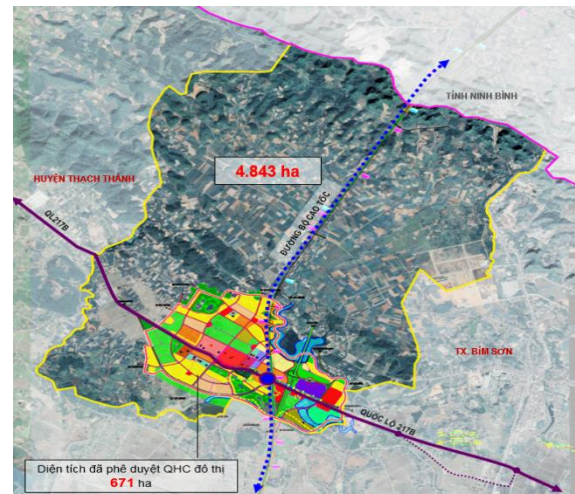
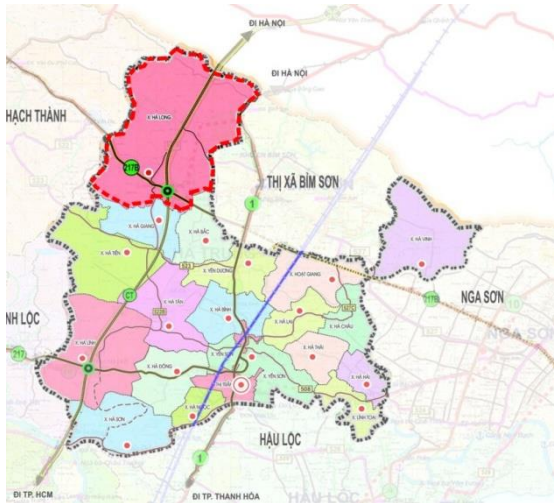
Đứng trước những thời cơ mới, định hướng mới. Ngày 08/6/2021, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1945/QĐ-UBND phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Hà Long đến năm 2045. Đô thị Hà Long được tiếp tục được mở rộng quy mô cả về thời gian và không gian phát triển đô thị.

1.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

Hà Long là xã nằm ở phía Tây Bắc của huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, cách về phía Tây Bắc trung tâm huyện lỵ khoảng 15 km, cách về phía Bắc trung tâm tỉnh lỵ (thành phố Thanh Hóa) khoảng 40 km.

Địa giới hành chính xã Hà Long như sau:

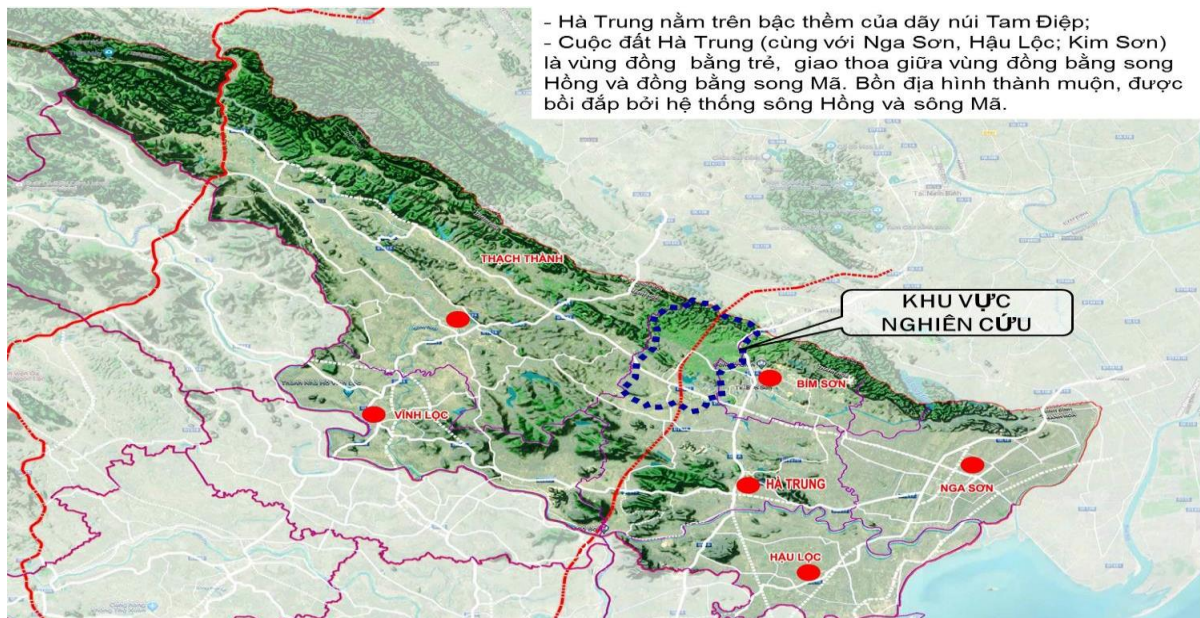
- Phía Bắc giáp thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình;
- Phía Nam giáp xã Hà Bắc, Hà Giang, huyện Hà Trung;
- Phía Đông giáp các phường Ngọc Trạo, Bắc Sơn thuộc thị xã Bỉm Sơn;
- Phía Tây giáp huyện Thạch Thành.



Vị trí xã Hà Long

1.3. Đặc điểm, điều kiện tự nhiên

1.3.1. Địa hình - địa mạo:



Địa hình xã Hà Long

- Xã Hà Long có địa hình bán sơn địa nằm về phía Đông Bắc của huyện Hà Trung, tiếp giáp với huyện miền núi Thạch Thành, dãy núi Tam Điệp.

Hướng dốc chung từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông; Địa hình được phân thành hai phần chính: Phần phía Bắc và phần phía Nam.

+ Phần phía Bắc: Địa hình chủ yếu là đồi núi cao ở phía Bắc dốc dần về phía Đông và Đông Nam. Đặc biệt phía Bắc được bao bọc bởi dãy núi đá Tam Điệp.

+ Phần phía Nam địa hình tương đối bằng phẳng: Là địa bàn phân bố các khu dân cư, đồng ruộng canh tác chủ yếu của xã, phần đất này phía Tây được bao bọc bởi sông Vạn Bảo, phía Đông được bao bọc bởi sông Long Khê, địa hình dốc dần về hướng Đông Nam. Ở giữa hai phần đất được chắn bởi dãy núi Dương Lăng kéo dài từ đập Đầm Đầm đến giáp thị xã Bỉm Sơn.

- Nền địa chất đảm bảo cho việc kiến thiết, xây dựng các công trình, xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh tế- văn hóa- xã hội và phát triển công - nông nghiệp.

- Khu vực quy hoạch đô thị cũ thuộc vùng đất bằng xã Hà Long bao gồm các khu dân cư, khu di tích và khu vực sản xuất nông nghiệp.

- Đặc điểm địa hình tương đối cao, có độ dốc từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông.

- Cao độ đặc trưng như sau:

+ Cốt cao nhất : 63,99 m (dãy núi Dương Lăng)

+ Cốt trung bình : 8 m - 9 m (Tỉnh lộ 522)

+ Cốt thấp nhất : 1,97m (ruộng)

+ Cốt ngập lũ : 4,54 m

1.3.2. Địa chất, thủy văn:

Nền địa chất đảm bảo cho việc kiến thiết, xây dựng các công trình, xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh tế - văn hóa - xã hội và phát triển công nông nghiệp.

1.3.3. Khí hậu:

Hà Long nằm trong vùng khí hậu trung du miền núi tỉnh Thanh Hóa (tiểu vùng Ib) có các đặc trưng chủ yếu như:

- Nhiệt độ: nhiệt độ trung bình vào mùa hè từ : 28 - 35o C, vào mùa đông từ : 14 - 22o C biên độ giao động nhiệt năm 10 - 120C, biên độ nhiệt độ ngày từ 6 -7o C.

- Lượng mưa: lượng mưa trung bình hàng năm 1600 mm, tập trung vào tháng 6 - 10 chiếm đến 86% - 88% lượng mưa cả năm, tháng 9 có lượng mưa lớn nhất (gần 400 mm), tháng có lượng mưa ít nhất là tháng 1 và tháng 2.

- Độ ẩm không khí: Độ ẩm không khí trung bình 85% - 86%

- Gió bão: tốc độ gió trung bình 1,5 - 1,8m/s, tốc độ gió mạnh nhất đo được trong bão lên tới 35 - 40m/s và trong gió mùa Đông Bắc là 25m/s.

- Thiên tai: Bão lụt gây ngập úng, rét đậm kéo dài, ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

1.3.4. Các nguồn tài nguyên của xã:



Tổng quan về xã Hà Long

- Tài nguyên đất đai: Tổng diện tích tự nhiên là 4.841,05 ha, trong đó:

+ Đất nông nghiệp: 2.855,50 ha (gồm: đất trồng lúa 358,95ha; Đất trồng cây hàng năm còn lại khác: 933,19 ha; Đất trồng cây lâu năm: 267,74 ha; Đất rừng sản xuất : 1024,5 ha; Đất rừng phòng hộ: 235,05 ha; Đất nuôi trồng thủy sản: 16,23 ha; Đất nông nghiệp khác: 19,83ha).

+ Đất phi nông nghiệp: 1403,52 ha (gồm: Đất ở: 119,75 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp: 1,44ha; Đất quốc phòng: 597,23 ha; Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp : 96,5ha; Đất có mục đích công cộng: 2,07 ha; Đất tôn giáo, tín ngưỡng: 34,3 ha; Đất di tích lịch sử, văn hóa: 6,24ha; Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 12,37 ha; Đất sông, suối và mặt nước chuyên dùng: 166,3ha).

+ Đất chưa sử dụng: 583,99 ha

- Tài nguyên rừng: tổng diện tích đất lâm nghiệp là 1473,44 ha, trong đó:

+ Đất rừng sản xuất: 1024,5 ha chiếm 21,15% diện tích tự nhiên.

+ Đất rừng phòng hộ: 235,05 ha chiếm 4,85% diện tích tự nhiên.

+ Đất đồi núi: 213,89 ha chiếm 4,4% diện tích tự nhiên.

- Tài nguyên nước:

+ Diện tích mặt nước: 182,53 ha. Trong đó, đất nuôi trồng thủy sản: 16,23ha; đất mặt nước chuyên dùng, mặt nước, sông ngòi kênh rạch: 166,3 ha.

+ Nguồn nước mặt có sông Vạn Bảo, sông Long Khê và hồ Bến Quân và hồ Đầm Đầm. Đủ khả năng cung cấp nước phục vụ cho sản xuất.

+ Nguồn nước phục vụ nông nghiệp: Chủ yếu được lấy từ hồ Bến Quân do Cống Đập và trạm bơm Ông Ấm ở thôn Gia Miêu qua hệ thống kênh tưới dải đều trên địa bàn toàn xã. Ngoài ra còn sử dụng một phần nguồn nước tưới từ hệ thống cống xả nước tưới từ hệ thống cống xả hồ Đầm Đầm.



Tài nguyên đất, tài nguyên nước xã Hà Long

- Tài nguyên khoáng sản: Có nguồn khoáng sản đa dạng, dễ khai thác và đang có thị trường tiêu thụ tốt: Quặng Silic, Spilit, quặng sắt làm nguyên vật liệu phụ gia xi măng, đá ốp lát, đá xây dựng... chủ yếu là khoáng sản dùng làm phụ gia xi măng, đất san lấp mặt bằng xây dựng.

1.4. Tính chất, chức năng và vai trò

Là đô thị dịch vụ, du lịch phía Tây Bắc huyện Hà Trung, gắn với các di tích lịch sử (Quốc Miếu nhà Nguyễn), Khu công nghiệp và nút giao (giữa Quốc lộ 217B và đường cao tốc Bắc Nam). Các chức năng chính bao gồm:

- Đầu mối giao thông vùng Đông Bắc tỉnh Thanh Hóa (giữa Quốc lộ 217B và cao tốc Bắc Nam) gắn với các dịch vụ thương mại, logistic;

- Dịch vụ du lịch văn hóa lịch sử và sinh thái gắn với bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử (Quốc Miếu nhà Nguyễn);

- Công nghiệp gắn liền với Khu công nghiệp Hà Long, Bỉm Sơn.

- Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cao cấp.

- Trung tâm vùng với chức năng, vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng phía Tây Bắc huyện Hà Trung.

1.5. Diện tích tự nhiên, dân số

1.5.1. Diện tích tự nhiên:

Tổng diện tích khu vực lập đề án là 48,41 km². Cơ cấu đất đai như sau:

- Đất nông nghiệp có diện tích 33,71 km², chiếm 69,63%.
- Đất phi nông nghiệp có diện tích 12,41 km², chiếm 25,80%.
- Đất chưa sử dụng có diện tích 2,21 km², chiếm 4,57%.

Bảng thống kê diện tích đất đai xã Hà Long năm 2022

TT	Loại đất	Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính	48,41	
1	Đất nông nghiệp	33,71	69,63
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	16,19	33,44
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	13,38	
	Đất trồng lúa	3,83	
	Đất trồng cây hàng năm khác	9,55	
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	2,8	
1.2	Đất lâm nghiệp	16,89	34,89
1.2.1	Đất rừng sản xuất	14,54	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	2,35	
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0	
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	0,43	0,89
1.4	Đất làm muối	0	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,2	0,41
2	Đất phi nông nghiệp	12,49	25,80
2.1	Đất ở	1,25	2,58
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	1,25	
2.1.2	Đất ở tại đô thị	0	

2.2	Đất chuyên dùng	9,66	19,95
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,02	
2.2.2	Đất quốc phòng	3,88	
2.2.3	Đất an ninh	0	
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	0,09	
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	2,35	
2.2.6	Đất có mục đích công cộng	3,32	
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	0	-
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,02	0,04
2.5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	0,14	0,29
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	0,77	1,59
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	0,64	1,32
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	0	-
3	Đất chưa sử dụng	2,21	4,57
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	0,03	0,06
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	0,01	0,02
3.3	Núi đá không có rừng cây	2,17	4,48
II	Đất có mặt nước ven biển (quan sát)	0	-

1.5.2. Quy mô dân số, lao động:

Dân số trên địa bàn xã Hà Long năm 2022 là 10.679 người, trong đó dân số thường trú 10.327 người, dân số tạm trú 352 người. Thành phần dân số gồm khoảng 18% là dân tộc Mường, còn lại là dân tộc Kinh.

Xã có 9 thôn gồm các thôn: Gia Miêu, Hoàng Vân, Yên Vỹ, Quảng Bình, Đồng Hậu, Đồng Toàn, Khắc Dũng, Nghĩa Đụng, Đại Sơn.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên và cơ học trên địa bàn hàng năm năm 2020 là 1,45%; năm 2021 là thời điểm dịch bệnh bùng phát mạnh, chỉ đạt 1,21%; đến

năm 2022 đạt 1,78%. Trong đó tỷ lệ tăng dân số tự nhiên được duy trì tương đối ổn định ở mức lần lượt là 0,65%, 0,65% và 0,63%.

Năm 2022, tổng số lao động trên địa bàn xã Hà Long là 7.011 người, trong đó lĩnh vực nông nghiệp là 2.285 người, lĩnh vực phi nông nghiệp là 4.726 người. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn xã đạt 67,41%.

1.6. Tình hình phát triển kinh tế

Xã Hà Long có nền kinh tế phát triển khá so với mặt bằng chung của toàn huyện. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2020-2022 ước đạt 16,37%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Cụ thể: Tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 34,2% xuống còn 27,5%; công nghiệp - xây dựng tăng từ 27% tăng lên 31%; Dịch vụ thương mại tăng từ 38,8% lên 41,5%. Năm 2022 tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng so với cùng kỳ 3% và vượt so với kế hoạch đề ra 1,5%. Thu nhập bình quân đầu người trong năm 2022 đạt 58,3 triệu/người/năm (bình quân toàn huyện 52 triệu/người/năm), tăng hơn so với năm 2020 là 13 triệu (tăng 30%). Tổng giá trị sản xuất trong khu vực năm 2022 đạt 926,2 tỷ đồng, tăng 9,79%.

Công tác phát triển và quản lý thu, chi ngân sách đảm bảo dự toán cấp trên giao hằng năm. Tổng thu ngân sách nhà nước trong khu vực đạt 43,56 tỷ đồng, tổng chi ngân sách địa phương là 35,125 tỷ đồng. Nguồn vốn ngân sách chủ yếu được đầu tư cho xây dựng cơ sở vật chất, chính sách xã hội. Các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn khu vực được thực hiện từ nguồn vốn địa phương và xã hội hóa từ các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh.

1.6.1. Về sản xuất nông - lâm - thủy sản:

a) Nông nghiệp: Tổng diện tích gieo trồng 1.794 ha, đạt 108% so với KH. Trong đó Vụ chiêm xuân 1.100 ha, vụ thu mùa 648 ha, vụ đông 46 ha. Tổng sản lượng lương thực đạt 3.960 tấn, đạt 100% KH. Trồng Mía nguyên liệu vụ ép 2021-2022 là 50ha đạt 100% so với KH. Năng suất bình quân đạt 80 tấn/ha, sản lượng 4.000 tấn, tổng giá trị đạt 4,4 tỷ đồng. Cây màu khác 140 ha, giá trị đạt: 7,5 tỷ đồng.

Một số sản phẩm nông nghiệp có giá trị kinh tế cao, hướng đến sản xuất hàng hóa, tập trung như: Lúa nếp cái hoa vàng có diện tích 195,2 ha (đạt 89% KH), năng suất bình quân vụ thu mùa đạt 45 tạ/ha, sản lượng 878 tấn. Tập trung



Nếp cái hoa vàng Gia Miêu Ngoại Trang đã được công nhận sản phẩm OCOP 3 sao.

chỉ đạo, mở rộng diện tích Ôi Lê Quý Hương lên 90ha (KH 50 ha) có 5 ha đạt tiêu chuẩn Vietgap. Cây Dứa 650ha, giá trị ước đạt 163 tỷ đồng, lập hồ sơ đề nghị UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn Vietgap.

- Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc gia cầm trên địa bàn toàn xã cả năm là 145 nghìn con, đạt 102% KH. Trong đó: Đàn trâu, bò 780 con, đàn lợn 2.600 con, đàn Dê 564 con, đàn chó 2.056 con. Gia cầm các loại 139 nghìn con. Tổng giá trị chăn nuôi gia súc, gia cầm ước đạt khoảng 56,1 tỷ đồng. Thực hiện tốt công tác vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, phòng chống bệnh dịch cho đàn gia súc gia cầm trên địa bàn xã. Tỷ lệ tiêm phòng đạt 81%.

- Trang trại - Nuôi trồng thủy sản: Tổng số trang trại trên địa bàn xã 52 trang trại. Trong đó có 12 trang trại tập trung, 40 trang trại phân tán. Giá trị thu nhập của trang trại tập trung, bình quân đạt: 250 trđ/năm. Diện tích nuôi trồng thủy sản 60 ha, giá trị đạt trên 10 tỷ đồng.

- Lâm nghiệp: Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Hướng dẫn nhân dân khai thác, trồng, chăm sóc rừng bảo vệ rừng theo quy định.

1.6.2. Công nghiệp - Xây dựng:

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng giai đoạn 2020-2022 đạt : 633,5 tỷ đồng, đạt 159% so với kế hoạch. Đến nay, tổng số hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn xã là 745 hộ đạt, 102,6% kế hoạch.

Thực hiện tốt công tác, quản lý giám sát các công trình xây dựng trên địa bàn xã. Năm 2021, 2022 đã khởi công xây dựng 21 công trình, tổng giá trị các công trình xây dựng 75,1 tỷ đồng, bằng các nguồn vốn, ngân sách xã và nguồn huy động hợp pháp khác. Ngoài ra, trên địa bàn có các dự án quan trọng của Trung ương, của tỉnh, của huyện đã và đang vào giai đoạn hoàn thành như: Đường cao tốc Bắc - Nam (Mai Sơn - QL45); bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lăng miếu Triệu Tường và tuyến giao thông quan trọng khác.

1.6.3. Hoạt động thương mại - dịch vụ:

Tổng giá trị ngành thương - mại dịch vụ giai đoạn 2020 - 2022 ước đạt 432 tỷ đồng đạt 162%KH. Đầu tư nâng cấp Chợ Đền đảm bảo tiêu chí chợ an toàn thực phẩm nhằm thúc đẩy thương mại - dịch vụ phát triển.

- Dịch vụ Nông nghiệp: Chỉ đạo HTX DVNN làm tốt công tác dịch vụ, hướng dẫn sản xuất, bao tiêu sản phẩm nông nghiệp cho nhân dân, bảo vệ hệ thống GTTL nội đồng, đảm bảo nước phục vụ sản xuất. Phối hợp thu mua lúa Nếp cái hoa vàng với tổng khối lượng 313,6 tấn, trong đó: Công ty Sao khuê 236 tấn, Công ty Lựu Sướng 77,5 tấn. Tổng số tiền thanh toán 3,7 tỷ đồng.

- Dịch vụ thương mại: Năm 2022, dịch Covid-19 cơ bản được khống chế, hoạt động thương mại, dịch vụ đã đi vào hoạt động ổn định cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn xã. Các ngành nghề, dịch vụ vận tải, làm đất, vật tư nông nghiệp, hoạt động thương mại trên địa bàn xã đã có bước chuyển biến đáng kể. Tỷ lệ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp đạt 98%.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động các hộ đủ điều kiện thành lập doanh nghiệp, trong năm đã thành lập được 4 doanh nghiệp và 1 hợp tác xã, nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn xã là 33 doanh nghiệp (KH 3 DN).

- Dịch vụ Tín dụng: Phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng Chính sách xã hội, tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn đầu tư phát triển sản xuất. Tổng số hộ vay vốn: 1.800 hộ (tăng 454 hộ so với năm 2021); tổng dư nợ 187,6 tỷ đồng; tăng 102,6 tỷ đồng. Phối hợp với các ngân hàng, quản lý vốn vay, hướng dẫn các hộ sử dụng đúng mục đích, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Thông kê giá trị sản xuất giai đoạn 2020 - 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
	Mức tăng trưởng kinh tế	%	15,5	16,2	17,4
	Tổng giá trị sản phẩm	Tỷ đồng	721,2	843,6	926,2
	Tỷ trọng các ngành kinh tế				
1	Nông, lâm, thủy sản	%	34,20	31,00	27,50
2	Công nghiệp, xây dựng	%	27,00	29,00	31,00
3	Ngành dịch vụ, thương mại	%	38,80	40,00	41,50

1.7. Công tác văn hóa - xã hội

1.7.1. Công tác giáo dục, đào tạo:

Trong những năm gần đây, cơ sở vật chất, thiết bị trường học được tăng cường, đáp ứng nhu cầu dạy và học, đến nay có 68 phòng học kiên cố, đạt 100%, đội ngũ giáo viên có trình độ trên chuẩn đạt 96%. Đầu tư cơ sở vật chất, xã hội hóa giáo dục xây dựng 10 phòng học 2 tầng trường mầm non đáp ứng nhu cầu của người dân. Duy trì, giữ vững phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, phổ cập THCS mức độ 2. Tỷ lệ hoàn thành chương trình Tiểu học bình quân hàng năm đạt 99,8%; tốt nghiệp THCS bình quân 98,1%; tỷ lệ học sinh thi đậu vào lớp 10 THPT, THPT đạt 96%. Tổng số học sinh thi đậu các trường đại học, cao đẳng: 15 học sinh.

Năm học 2021 - 2022, tổng số học sinh của 3 cấp là 1.914 học sinh, 56 lớp. Trong đó trường Mầm non 589 Học sinh; 19 lớp, Trường Tiểu học 1 có 472 học sinh, 13 lớp; Trường Tiểu học 2 có 398 HS; 12 lớp, Trường THCS có 455 HS; 12 lớp. Tổng số Học sinh lớp 9 tốt nghiệp đạt tỷ lệ 100%; Học sinh thi đậu vào trung học phổ thông đạt tỷ lệ 78,5%. Năm học 2022-2023 tổng số học sinh của 3 cấp là 1.905 học sinh, 57 lớp. Trong đó: Trường Mầm non có 536 Học sinh; 19 lớp, Trường Tiểu học 1 có 472 học sinh, 13 lớp; Trường Tiểu học 2 có 410 học sinh; 12 lớp. Trường THCS có 487 học sinh; 13 lớp.

Hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng ngày càng có hiệu quả. Năm 2022 đã tổ chức được 12 lớp tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, có 2.368 lượt người tham gia.

1.7.2. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân và các vấn đề xã hội:

Đảm bảo thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Chất lượng khám, chữa bệnh ngày càng được nâng lên, giữ vững, nâng cao chất lượng Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế giai đoạn 2011 - 2020 và xã phù hợp với trẻ em. Trong 5 năm gần đây đã khám và điều trị 58.742 lượt người. Thực hiện tốt công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn xã, phối hợp quản lý tốt hoạt động y dược tư nhân.

Thực hiện tốt công tác dân số KHHGD, Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên duy trì ở mức 0,65%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể cân nặng 8,3%; Tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao 10,8%. Tỷ lệ người có thẻ BHYT: 93,3%. Triển khai kế hoạch tạo lập hồ sơ sức khỏe điện tử người dân trên địa xã, đến thời điểm đã lập được 42%, tỷ lệ nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 90,5%.

Công tác xóa đói giảm nghèo luôn được quan tâm thực hiện. Số hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trên địa bàn xã năm 2020 là 49 hộ, chiếm 1,82%. Đến năm 2021 thực hiện rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn mới (2021 - 2025) số hộ nghèo trên địa bàn tăng thành 108 hộ; chiếm 4,04%. Đến năm 2022, số hộ nghèo trên địa bàn còn 74 hộ, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,77% (bình quân chung toàn huyện là 2,95%).

1.7.3. Công tác văn hóa, thông tin tuyên truyền, thể dục thể thao:

Lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao phát triển sâu rộng; phong trào xây dựng đời sống văn hoá cơ sở đã tập trung vào xây dựng đơn vị văn hoá, gia đình văn hoá, xây dựng nếp sống văn minh được phát động thường xuyên; tổ chức thực hiện tốt phong trào "toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"; xây dựng "công dân kiểu mẫu, gia đình kiểu mẫu, thôn kiểu mẫu, làng xóm kiểu mẫu"; đến nay, tỷ lệ gia đình văn hóa của xã đã đạt 90%. Có 9/9 thôn giữ vững danh hiệu thôn văn hóa cấp huyện; 4/4 trường được công nhận cơ quan văn hóa cấp tỉnh. Hoạt động thể dục, thể thao diễn ra sôi nổi ở các thôn, tỷ lệ người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên tại địa bàn đạt trên 50%.

Tổ chức bình xét "gia đình văn hóa, gia đình thể thao", "làng văn hóa" năm 2022. Kết quả có 2.304 gia đình văn hóa năm 2022 (chiếm 95,9%) và 1.981 gia đình văn hóa 3 năm từ năm 2020-2022 (chiếm 82,4%). Có 9/9 thôn đạt thôn văn hóa năm 2022.

1.8. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

1.8.1. Công tác Quốc phòng:

Duy trì tốt chế độ trực sẵn sàng chiến đấu gắn với xây dựng cơ sở vững mạnh, an toàn làm chủ, nhiệm vụ quân sự địa phương; phối hợp với Công an xã bảo vệ các ngày lễ lớn, các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tổ chức huấn

luyện Dân quân năm thứ nhất cụm số 4; Tham gia Hội thao Trung đội dân quân cơ động năm 2022. Thực hiện tốt công tác huấn luyện, diễn tập phương án đánh địch đổ bộ đường không tại điểm cao đồi Cao Các thôn Yên Vỹ.

Phối hợp Trung đoàn 64, Sư đoàn 390 tổ chức phúc tra quân nhân dự bị và bàn giao 16 đồng chí quân nhân dự bị tham gia huấn luyện Dự bị động viên. Tổ chức giao quân năm 2022 là 12 thanh niên hoàn thành 100% chỉ tiêu huyện giao. Quản lý tốt công dân trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ 2023.

Xây dựng kế hoạch Quân sự - quốc phòng, kế hoạch phòng chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn, kế hoạch phòng chống cháy rừng, chương trình phối hợp giữa Ban CHQS xã với các ban, ngành, đoàn thể thực hiện nhiệm vụ năm 2022.

1.8.2. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:

Thực hiện tốt công tác phối kết hợp với Ban Chỉ huy quân sự xã làm tốt công tác bảo vệ ANCT, TTATXH trên địa bàn xã. Công tác phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, tăng cường công tác tuần tra, canh gác, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả 02 Dự án cơ sở GLQG về DC và Dự án sản xuất cấp và quản lý CCCD gắn chip điện tử; 02 Đề án “nâng cao hiệu quả công tác nghiệp vụ cơ bản của Công an tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2019 - 2024”; “ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt công tác giai đoạn 2019 - 2021, tầm nhìn đến năm 2030”. Triển khai cao điểm phòng chống tội phạm về ma túy và trộm cắp tài sản; Cao điểm phòng chống tội phạm cố ý gây thương tích và tội phạm giết người.

Tình hình ANCT-TTATXH được đảm bảo, an ninh nông thôn ổn định. Thực hiện công tác lập hồ sơ đính chính thông tin nhân khẩu; hệ thống số hộ. Thực hiện kế hoạch tổng kiểm tra cư trú, rà soát đối chiếu, bổ sung thông tin về nhân hộ khẩu lên hệ thống giữ liệu quốc gia về dân cư.

Công tác tiếp dân, xử lý và giải quyết đơn thư kịp thời, đúng quy định của pháp luật. Tập trung giải quyết các mâu thuẫn phát sinh ngay từ cơ sở.

1.9. Cơ sở hạ tầng và phát triển đô thị

1.9.1. Nhà ở:

Nhà ở dạng đô thị chủ yếu tập trung trên tuyến đường 217B, đường 522B và các tuyến đường trục liên thôn, trục xã khu vực trung tâm xã, khu dân cư mới. Dạng nhà này chủ yếu là nhà ở chia lô, diện tích từ 100-150m², tầng cao từ 2 tầng trở lên, vừa ở vừa kinh doanh.

Nhà ở dạng nông thôn là các dạng nhà ở thấp tầng, diện tích bình quân 250 - 300m²/hộ. Các khu dân cư thường tập trung liên kết giữa các thôn liên tiếp từ đầu xã đến cuối xã, không có khu dân cư biệt lập, các khu dân cư được kết nối liên hoàn với mạng giao thông liên thôn, liên xóm.

Tổng số nhà ở trên địa bàn xã là 2.680 căn. Tổng diện tích sàn nhà ở toàn xã là khoảng 264.127m². Số nhà ở kiên cố trên địa bàn là 2.491 căn, đạt tỷ lệ 92,95%; diện tích sàn nhà ở bình quân đạt 27,06 m² sàn/người.

1.9.2. Cơ sở Y tế:

Trên địa bàn có trạm Y tế xã với diện tích 4.900m², quy mô 08 giường bệnh. Xã đã đạt và duy trì tiêu chí Quốc gia về y tế. Với cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ Y bác sĩ có chuyên môn đã cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân trên địa bàn.

1.9.3. Cơ sở giáo dục:

Cơ sở vật chất giáo dục luôn được quan tâm đầu tư, nâng cấp, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng dạy và học trên địa bàn. Hệ thống các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã gồm 01 trường mầm non, 02 trường tiểu học và 01 trường trung học cơ sở. 100% các trường trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia. Tổng diện tích cơ sở giáo dục trên địa bàn là 34.218,3m².

1.9.4. Cơ sở vật chất Văn hóa - Thể thao:

Hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở đã được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sử dụng. Các công trình văn hóa, thể dục thể thao quy mô cấp đô thị đã được đầu tư xây dựng như: Trung tâm Văn hoá TDTT xã, sân vận động xã Hà Long. Tại các thôn khu thể thao và sân bóng đá đã được đầu tư từ hỗ trợ của xã và các nguồn vốn xã hội khác. Các nhà văn hóa thường kết hợp với sân thể thao, sân bóng đá được bố trí tại khu vực trung tâm các thôn. Tổng số nhà văn hóa cấp đơn vị ở trên địa bàn là 12 công trình với quy mô diện tích bình quân hơn 380m²/công trình. Số công trình thể thao cấp đơn vị ở là 10 công trình, diện tích bình quân đạt gần 1.500m²/công trình. Các sân thể thao bố trí các chức năng như sân bóng đá, sân cầu lông, sân bóng chuyền.

1.9.5. Công trình di sản, văn hóa lịch sử và kiến trúc tiêu biểu:

Là nơi phát tích của các Vua Chúa và Vương triều Nguyễn. Xã Hà Long có 6 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng trong đó có 3 di tích cấp Quốc gia, 3 di tích cấp tỉnh và các di tích lịch sử - văn hóa đình, đền khác. Đây là hệ thống công trình văn hóa lịch sử và kiến trúc tiêu biểu không chỉ trong phạm vi của huyện Hà Trung mà có tầm quan trọng, ảnh hưởng trong tỉnh và cả nước. Hàng năm, địa phương luôn quan tâm, tập trung huy động các nguồn lực, làm tốt công tác trùng tu, tôn tạo, các di tích lịch sử văn hóa, các lễ hội truyền thống. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, quảng bá, khuyến khích phát triển mạnh các loại hình dịch vụ du lịch (đặc biệt là dịch vụ du lịch tâm linh), xây dựng các điểm du lịch trên địa bàn xã gắn với hệ thống các tuyến du lịch của huyện và khu vực. Hiện tại, đang thực hiện trùng tu, tôn tạo Đình Gia Miêu và Lăng Miêu Triệu Tường.

Bảng thống kê di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn xã Hà Long

TT	Tên di tích	Số lượng	Xếp hạng Cấp
Tổng cộng			
1	Đình Gia Miêu	1	Di tích cấp quốc gia (QĐ13/QĐ-BTBVH ngày 28/7/2002)
2	Lăng Miếu Triệu Tường	1	Di tích cấp quốc gia (35/QĐ-BVHTTDL ngày 03/8/2007)
3	Nhà thờ họ Nguyễn	1	Di tích cấp quốc gia (QĐ39/QĐ-BTBVH ngày 30/12/2002)
4	Cụm di tích Lịch sử văn hóa xã Hà Long:	1	Cụm Di tích cấp tỉnh (QĐ62/VHQĐ ngày 12/3/1993)



Hình ảnh khu Lăng Miếu Triệu Tường trước năm 1945 và những hạng mục đã, đang được phục dựng, trùng tu, tôn tạo lại.



Đình Gia Miêu



Lăng Trường Nguyên

	Đền Đức Ông	1	
	Đền Rồng - Đền Nước	1	
5	Hồ Bến Quân	1	Di tích lịch sử cấp tỉnh
6	Lăng Trường Nguyên	1	
7	Đình thôn Nghĩa Đụng	1	

1.9.6. Hệ thống giao thông:

- Hệ thống đường đối ngoại:

+ Tuyến cao tốc Bắc Nam: Đoạn qua địa phận xã Hà Long dài khoảng 7,8km; Đoạn tuyến qua địa bàn tỉnh đạt tốc độ 80km/h, quy mô 4 làn xe.

+ Tuyến QL217B chiều dài tuyến qua đô thị khoảng 6,0Km. Quy mô cấp đường quy hoạch được giữ nguyên đường cấp III đồng bằng, 04 làn xe cơ giới.

+ Tuyến đường tỉnh 522B: chiều dài đoạn qua xã Hà Long 7,4km; đang được quản lý đường cấp VI: Bnền= 8,0m, mặt đường nhựa.

- Hệ thống đường đối nội:

+ Hệ thống đường trục thôn, liên thôn: Tổng chiều dài khoảng 29,29km, trong đó có khoảng 11,3km đường có bề rộng 7m. Cứng hoá đạt tỷ lệ 100,0%.

+ Giao thông nội đồng: Tổng chiều dài 18,92km, đã bê tông hoá 4,8 km đạt 25,37%; còn lại là đường đất và cấp phối. chiều rộng nền đường 2,0 - 3,5m.

1.9.7. Hiện trạng thoát nước mưa:

Nước mưa hiện tại đang được thoát ra các ao hồ xung quanh. Hướng thoát nước chính là thoát tập trung vào giữa khu vực nghiên cứu và thoát vào sông Long Khê đổ ra sông Tống; một phần nhỏ phía Tây thoát về suối Vạn Bảo đổ ra sông Hoạt. Hiện trạng thoát nước chính chia thành 6 lưu vực.

- Lưu vực 1 (diện tích 2529,1 ha): Nằm phía Bắc khu quy hoạch thuộc phần lớn diện tích đất nông trường Hà Trung qua suối đập tràn thu về hồ bên Quân sau đó thoát ra sông Long Khê đổ ra sông Tống.

- Lưu vực 2 (diện tích 513,1 ha): Nằm phía Bắc núi Thiên Tôn và phía Tây khu quy hoạch nước mưa thông qua trục tiêu suối Lợi về suối suối Vạn Bảo sau đó thoát vào sông Hoạt.

- Lưu vực 3 (diện tích 354,9 ha): Nằm phía Tây Nam khu vực đồi Cao Các phía Tây thôn Yên Vỹ nước mưa thoát về suối suối Vạn Bảo sau đó thoát vào sông Hoạt.

- Lưu vực 4 (diện tích 796,3 ha): Gồm khu vực các thôn Khắc Dũng; Gia Miêu; Quảng Bình; Yên Vỹ; Hoàng Vân; và phần diện tích phía Nam núi Thiên Tôn nước mưa tập trung vào hệ thống mương tiêu chính của xã Hà Long sau đó thoát ra sông Long Khê rồi về sông Tống.

- Lưu vực 5 (200,9 ha): Gồm khu vực các thôn Nghĩa Đụng; Gia Miêu và Đại Sơn nước mưa thoát trực tiếp ra sông Long Khê rồi về sông Tống.

- Lưu vực 6 (796,4 ha): Phía Đông Bắc xã giáp với phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn nước mưa thoát trực tiếp ra suối Sông rồi về sông Tam Điệp.

1.9.8. Hiện trạng cấp nước: việc khai thác nguồn nước sinh hoạt của xã Hà Long chủ yếu là nguồn nước giếng khoan, giếng khơi và nguồn nước mưa. Chưa có công trình cấp nước sạch tập trung.

1.9.9. Hiện trạng cấp điện:

- Các nguồn cung cấp điện năng: Hiện tại trong giới hạn xã có tuyến đường dây cao áp 1.100KV và trung áp 35KV đi qua. Đường điện trung áp 35KV lộ LDA374-E9.4; Đường điện trung áp 22KV lộ LDA376-E9... được đấu nối từ trạm biến áp 110KV Hà Trung cấp điện cho các trạm biến áp xã Hà Long.

- Trạm biến áp: Trong khu vực có 10 trạm biến áp phụ tải cấp điện sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân trên địa bàn.

1.9.10. Hạ tầng viễn thông thụ động:

- Hạ tầng bưu chính: Trên địa bàn xã Hà Long hạ tầng bưu chính chủ yếu do Bưu điện tỉnh đầu tư xây dựng cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng, đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng và nhu cầu sử dụng dịch vụ của nhân dân.

- Hạ tầng viễn thông thụ động: Trong khu vực xã Hà Long có 02 vị trí xây dựng cột ăng ten thông tin di động và nhà trạm viễn thông.

1.9.11. Thoát nước thải, vệ sinh môi trường và nghĩa trang:

- Thoát nước thải: Hiện tại trong khu vực có các loại nước thải sau:

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư gồm 02 loại: Tại Khu dân cư hiện hữu nước thải sinh hoạt từ các hộ dân cư đã có nhà tắm, vệ sinh riêng. Nước thải sinh hoạt được xử lý qua các bể tự hoại, thấm ngầm tại chỗ hoặc chảy chung với hệ thống thoát nước mưa. Tại các khu dân cư mới Đã đầu tư hệ thống thu gom nước thải riêng, tuy nhiên chỉ mới được xử lý qua bể xử lý cục bộ trước khi xả vào hệ thống chung.

+ Các loại nước thải từ các công trình công cộng, trạm y tế được xử lý cục bộ tại các bể tự hoại, xả ra các mương tiêu, mương thoát nước chung.

+ Nước thải từ cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Có hệ thống xử lý đảm bảo tiêu chuẩn mới được xả thải vào hệ thống thoát nước chung.

- Chất thải rắn: Trong khu vực có các loại rác thải sau:

+ Rác thải sinh hoạt: Gồm rác thải trong các khu dân cư và rác thải trong các công trình công cộng. Rác trên địa bàn xã Hà Long được thu gom và vận chuyển về khu xử lý tập trung của huyện.

+ Rác thải từ cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Được thu gom riêng theo dự án và hợp đồng xử lý với đơn vị có chức năng xử lý rác thải.

+ Chất thải y tế: Triển khai Quyết định 3262/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch quản lý chất thải y tế tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay trên địa bàn tỉnh đã thành lập các cụm xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm bằng phương pháp công nghệ vi sóng kết hợp nghiền cắt. Chất thải rắn y tế lây nhiễm từ các bệnh viện, phòng khám tư nhân, trung tâm y tế xã trên địa bàn huyện Hà Trung được thu gom, vận chuyển về Cụm Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc để xử lý, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

+ Chất thải nguy hại: Nguồn chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn gồm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, sinh hoạt của cư dân và nguồn từ hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn.

Chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp được thu gom riêng theo dự án và hợp đồng xử lý với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại. Chất thải nguy hại từ hoạt động của cư dân chủ yếu là túi nilon trong sinh hoạt, các loại chai lọ, thuốc bảo vệ thực vật và các chất thải như dầu mỡ tại các cơ sở sản xuất, sửa chữa tư nhân nhỏ lẻ. Tuy số lượng hạn chế, nhưng vẫn chưa được thu gom, phân loại, xử lý riêng biệt đảm bảo môi trường.

- Quản lý nghĩa trang: nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn được bố trí tại 3 vị trí, với tổng diện tích khoảng 20,6 ha. Ngoài ra, cải tạo mở rộng nghĩa trang Bãi Tròn thôn Yên Vỹ xã Hà Long theo mô hình công viên nghĩa trang, từ quy mô 6,42 ha lên 11,6ha. Các khu vực này đều đảm bảo khoảng cách ly đối với các khu chức năng khác của đô thị. Các nghĩa trang, nghĩa địa nhỏ lẻ trên địa bàn đang được khoanh vùng, hạn chế hướng tới cấm chôn cất, để trồng cây xanh cách ly đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị.

2. Xã Hà Lĩnh

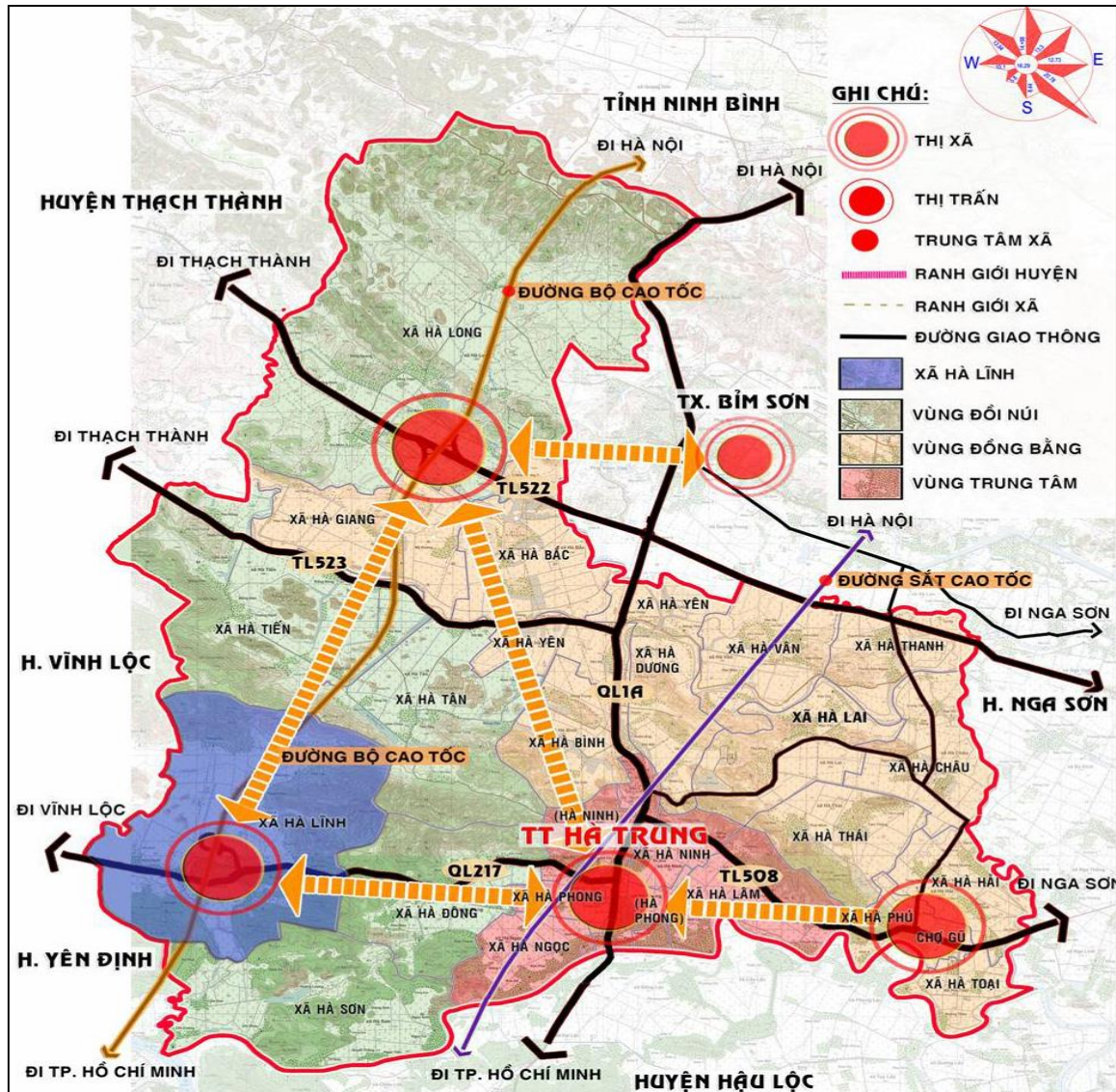
2.1. Lịch sử hình thành, phát triển

Hà Lĩnh nằm trong vùng kinh tế phía Nam huyện Hà Trung. Quá trình hình thành và phát triển, vùng đất xã Hà Lĩnh đã góp phần vào sự phát triển chung của huyện Hà Trung như hiện nay. Trên tuyến Quốc Lộ 217, xã Hà Lĩnh là cửa ngõ của huyện Hà Trung cũng như các huyện vùng đồng bằng ven biển kết nối với các huyện lân cận như Vĩnh Lộc, Yên Định và các huyện miền núi phía Tây Bắc tỉnh Thanh Hóa. Năm 2014, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê

duyet quy hoạch chung đô thị Hà Lĩnh đến năm 2025. Đây là cơ sở quan trọng đánh dấu sự hình thành đô thị Hà Lĩnh như hiện nay.

Ghi nhận những bước phát triển của đô thị Hà Lĩnh. Đứng trước những thời cơ mới, nổi bật nhất khi đô thị Hà Lĩnh còn là đầu mối giao thông vùng Đông Bắc tỉnh Thanh Hóa khi hình thành nút giao lên xuống giữa Quốc lộ 217 và đường bộ cao tốc Bắc Nam. Ngày 21/6/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 2146/QĐ-UBND phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Hà Lĩnh đến năm 2045. Đô thị Hà Lĩnh tiếp tục được mở rộng quy mô cả về thời gian và không gian phát triển đô thị. Ngoài việc tiếp tục phát triển các chức năng đô thị hiện có, đô thị Hà Lĩnh còn được bổ sung chức năng là đầu mối giao thông vùng Đông Bắc tỉnh Thanh Hóa gắn với dịch vụ kho vận, thương mại cấp vùng; Công nghiệp tiểu thủ công nghiệp (TTCN) gắn liền với các Cụm công nghiệp Hà Lĩnh. Đây là cơ hội lớn để xã Hà Lĩnh phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị theo đúng các định hướng phát triển chung của tỉnh, của huyện.

2.2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính



Vị trí xã Hà Lĩnh trong mối liên hệ vùng huyện

Là xã nằm ở phía Tây Nam huyện Hà Trung, xã Hà Lĩnh thuộc vùng kinh tế phía Nam huyện, cách về phía Tây trung tâm Huyện lỵ khoảng 9km, cách về phía Bắc trung tâm Tỉnh lỵ (thành phố Thanh Hóa) khoảng 25km.

Địa giới hành chính xác định như sau:

- Phía Bắc giáp xã Hà Tiến và xã Hà Tân;
- Phía Nam giáp xã Hà Sơn;
- Phía Đông giáp xã Hà Đông và xã Hà Tân;
- Phía Tây giáp huyện Vĩnh Lộc.

2.3. Đặc điểm, điều kiện tự nhiên

2.3.1. Địa hình địa mạo:

- Hà Lĩnh có địa hình lòng chảo tương đối phức tạp, bao bọc xung quanh là núi, các hướng đều có độ dốc lớn theo 2 hướng chủ yếu:
- Hướng dốc chính: là phía Bắc - Nam, hướng dốc bị chặn bởi núi Bảo Sơn và núi Ác Sơn, sông Bồng Khê nằm giữa núi Bảo Sơn và Ác Sơn.
- Hướng dốc phụ: từ phía Đông và phía Tây dốc về phía sông Bồng Khê.
- Nền địa chất đảm bảo cho việc kiến thiết, xây dựng các công trình, xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh tế- văn hóa - xã hội và phát triển công nông nghiệp.



Toàn cảnh xã Hà Lĩnh nhìn từ trên cao

2.3.3. Khí hậu thủy văn:

Hà Lĩnh nằm trong vùng khí hậu trung du miền núi tỉnh Thanh Hóa (tiểu vùng Ib) có các đặc trưng chủ yếu như:

- Nhiệt độ: trung bình vào mùa hè từ: 28 - 35o C, mùa đông từ : 14-22 oC; biên độ giao động nhiệt năm 10 - 120C, biên độ nhiệt ngày từ 6-7 oC.
- Lượng mưa: trung bình năm 1600 mm, lượng mưa tập trung vào tháng 6 đến tháng 10 chiếm đến 86% - 88% lượng mưa cả năm, tháng 9 có lượng mưa lớn nhất (gần 400 mm), tháng có lượng mưa ít nhất là tháng 1 và tháng 2.
- Độ ẩm không khí: độ ẩm không khí trung bình 85% - 86%
- Gió bão: tốc độ gió trung bình 1,5 - 1,8m/s, tốc độ gió mạnh nhất đo được trong bão lên tới 35 m/s - 40 m/s và trong gió mùa Đông Bắc là 25m/s.
- Thiên tai: bão lụt gây ngập úng, rét đậm kéo dài, ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng, hạn hán xảy ra, ảnh hưởng đến sản xuất.

2.3.4. Thủy lợi:

Hà lĩnh là vùng bán sơn địa nằm ngoài hệ thống thủy nông của nhà nước. Nguồn nước phục vụ tưới tiêu sản xuất chủ yếu phụ thuộc vào hệ thống hồ đập và nước tích tụ trong nội đồng.

- Hệ thống kênh tiêu: Hệ thống tiêu chính là sông Bồng Khê, kênh hẹp từ điểm Mèo ngồi giáp Vĩnh Lộc tới cống Bông.

- Hệ thống kênh tưới:

+ Kênh sau trạm bơm đồng Đoàn: kênh Bái Vạt

+ Kênh sau trạm bơm đồng Côi: trạm bơm đi Cồn Hoa, trạm bơm đi Trơ Nu.

- Các công trình thủy lợi đầu mối:

+ Trạm bơm: Toàn xã có 2 trạm bơm phục vụ công tác tưới tiêu sản xuất nông nghiệp gồm Trạm bơm Đồng Đoàn (Công suất 1000 m³/h); Trạm bơm Đồng Côi (Công suất 1000 m³/h). Tổng công suất của 2 trạm bơm là 2000 m³/h.

+ Hồ đập: Cả xã có 3 đập chính gồm Đập Cầu diện tích 19,26ha, tưới cho diện tích 92ha; được đầu tư nâng cấp năm 2020. Đập Ngang có diện tích hồ 5,5ha, tưới cho diện tích 120 ha; được đầu tư nâng cấp năm 2022. Đập Truong có diện tích hồ 1,45ha, tưới cho diện tích 18ha. Hiện nay đã xuống cấp.

- Hệ thống kênh mương tưới tiêu nội đồng: Hệ thống kênh mương tưới tiêu toàn xã tương đối hoàn chỉnh, tuy nhiên tỷ lệ mương đất lớn, tỷ lệ mương bê tông còn ít. Tổng chiều dài kênh mương nội đồng trong xã 30.322 m.



Sông Bồng Khê đã được mở rộng

2.3.5. Các nguồn tài nguyên của xã

- Tài nguyên đất đai: Tổng diện tích tự nhiên: 2.408,80 ha, trong đó:

+ Đất nông nghiệp: 1.981,09 ha (gồm: đất trồng lúa nước, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cỏ, đất trồng cây hàng năm ...).

+ Đất phi nông nghiệp: 398,23 ha (gồm: đất ở, đất chuyên dùng, đất nghĩa trang, nghĩa địa, đất sông suối hồ ao, mặt nước ...).

+ Đất chưa sử dụng: 28.32 ha (gồm: đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá).



Khu vực trồng cây ngắn ngày

Khu vực trồng lúa đặc sản “nếp hạt cau”

- Tài nguyên rừng:

Hà Lĩnh có diện tích đất rừng 1.150,85 ha, chiếm gần 47,8% diện tích tự nhiên, thực hiện chương trình dự án “phủ xanh đồi núi trọc” để phát triển trồng rừng, bảo vệ môi trường sinh thái ít bị ô nhiễm và phát triển kinh tế hộ gia đình, là tiềm năng tạo nên khu du lịch sinh thái.

Toàn xã hiện có 620,01ha rừng trồng sản xuất, được giao cho các hộ dân theo chương trình của dự án, đây là một tài nguyên rất quý giá, đem lại hiệu quả kinh tế cao cho nhiều hộ gia đình trong xã, cũng như công tác bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp và góp phần hạn chế lũ lụt, hạn hán trên địa bàn xã.

Diện tích 341,03ha rừng phòng hộ. Đây là khu vực chủ yếu để bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, sạt lở, lũ quét, lũ ống, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; dịch vụ môi trường rừng.

Một phần đất rừng đặc dụng diện tích 179,07 ha. Thuộc một phần Khu bảo tồn thiên nhiên rừng sến Tam Quy. Đây là cánh rừng quý trong Sách đỏ Việt Nam, có diện tích lớn nhất Đông Nam Á và cũng là nơi bảo tồn loài sến mật duy nhất ở nước ta. Là loài gỗ tốt nên không chỉ ở Việt Nam mà trên thế giới, sến đang bị đe dọa do khai thác quá mức, dẫn tới cạn kiệt. Để bảo tồn, năm 1986, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã ký quyết định thành lập khu bảo tồn quốc gia rừng sến Tam Quy, diện tích lúc đầu khoảng 350ha. Sau hàng chục năm bảo tồn, rừng sến Tam Quy đã mở rộng diện tích lên 520 ha và trở thành "lá phổi xanh" cho hàng ngàn hộ dân sống quanh rừng sến này. Không chỉ tạo không khí trong lành, rừng sến còn giúp nguồn nước ngầm quanh vùng luôn được trong mát và rất ít khi cạn, dù hạn hán kéo dài.

Ngoài những giá trị kể trên, Khu vực rừng sến Tam Quy còn có tiềm năng rất lớn để khai thác du lịch trải nghiệm. Bởi khu vực này có cảnh quan còn giữ được nguyên vẻ hoang sơ, xung quanh rừng sến có những ngôi làng sống xen kẽ; dưới chân đồi có hồ Đập Ngang, Hồ Đập Cầu.

- Tài nguyên nước: xã có nhiều khe suối, nên các hồ, đập nhỏ được xây dựng tạo nên các hồ chứa nước hỗ trợ cho sản xuất và bổ sung nguồn nước sinh hoạt đối với mùa khô. Tuy vậy cũng thường xuyên bị ngập cục bộ vào mùa mưa.



Cảnh quan thiên nhiên rừng Sến Tam Quy và mặt nước đập Cầu

- Khoáng sản: xã có đất đồi núi chiếm 50,42% tổng diện tích, các nguồn tài nguyên thiên nhiên chủ yếu là khoáng sản: Đá dùng làm vật liệu xây dựng, khoáng sản dùng làm phụ gia xi măng, đất san lấp mặt bằng xây dựng.

2.4. Tính chất, chức năng và vai trò

Là đô thị loại V phía Tây Nam huyện Hà Trung gắn với nút giao giữa Quốc lộ 217 và đường bộ cao tốc Bắc Nam. Các chức năng chính bao gồm:

- Đầu mối giao thông vùng Đông Bắc tỉnh Thanh Hóa gắn với dịch vụ kho vận, thương mại cấp vùng Tây Nam huyện;
- Dịch vụ du lịch văn hóa lịch sử và sinh thái;
- Công nghiệp tiểu thủ công nghiệp gắn liền với các Cụm CN Hà Lĩnh.

Cùng với thị trấn Hà Trung, đô thị Gũ, đô thị Ngọc Âu, đô thị Hà Lĩnh là trung tâm vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của khu vực phía Nam huyện

2.5. Diện tích tự nhiên, dân số

2.5.1. Diện tích tự nhiên:

Tổng diện tích tự nhiên xã Hà Lĩnh là 24,09 km². Cơ cấu đất đai như sau:

- Đất nông nghiệp có diện tích 20,42 km², chiếm 84,78%.
- Đất phi nông nghiệp có diện tích 3,38 km², chiếm 14,03%.
- Đất chưa sử dụng có diện tích 0,29 km², chiếm 1,19%.

Bảng thống kê diện tích đất đai xã Hà Lĩnh năm 2022

TT	Loại đất	Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)
I	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính	24,09	
1	Đất nông nghiệp	20,42	84,78
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	8,77	36,41
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	8,02	
	Đất trồng lúa	7,59	
	Đất trồng cây hàng năm khác	0,43	
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	0,75	
1.2	Đất lâm nghiệp	11,40	47,33
1.2.1	Đất rừng sản xuất	6,20	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	3,41	
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	1,79	
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	0,16	0,64
1.4	Đất làm muối	-	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,10	0,39
2	Đất phi nông nghiệp	3,38	14,03
2.1	Đất ở	0,90	3,73
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	0,90	
2.1.2	Đất ở tại đô thị	-	
2.2	Đất chuyên dùng	2,08	8,64
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,01	
2.2.2	Đất quốc phòng	-	
2.2.3	Đất an ninh	-	

2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	0,08	
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	0,25	
2.2.6	Đất có mục đích công cộng	1,74	
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	-	-
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,01	0,04
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	0,07	0,29
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	0,14	0,57
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	0,18	0,76
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	-	-
3	Đất chưa sử dụng	0,29	1,19
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	0,15	0,63
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	0,02	0,08
3.3	Núi đá không có rừng cây	0,11	0,48
II	Đất có mặt nước ven biển	-	-

2.5.2. Quy mô dân số, lao động:

Dân số trên địa bàn xã Hà Lĩnh năm 2022 là 8.598 người, trong đó dân số thường trú 8.524 người, dân số tạm trú 74 người. Có 10 thôn gồm các thôn: Thanh Xá 1; Thanh Xá 2; Thanh Xá 3; Tiên Hòa 1; Tiên Hòa 2; Tiên Hòa 3; Tiên Hòa 4; Bái Ân; Thọ Lộc; Tiên Sơn.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên và cơ học trên địa bàn năm 2020 là 1,53%; năm 2021 là 1,25%; đến năm 2022 đạt 1,9%. Trong đó tỷ lệ tăng dân số tự nhiên được duy trì tương đối ổn định ở mức lần lượt là 0,65%, 0,65% và 0,7%.

Năm 2022, tổng số lao động trên địa bàn xã Hà Lĩnh là 5.220 người, trong đó lĩnh vực nông nghiệp là 1.593 người, lĩnh vực phi nông nghiệp là 3.627 người. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn xã đạt 69,48%.

2.6. Tình hình phát triển kinh tế và cơ cấu theo lĩnh vực



Ảnh: Đô thị Hà Lĩnh đang trong quá trình phát triển

Hà Lĩnh được xác định là đô thị động lực vùng phía Tây Nam của huyện Hà Trung, có nhiều lợi thế phát triển, giữ 1 vị trí quan trọng trong nền kinh tế của huyện. Cùng với sự phát triển chung về mặt kinh tế của huyện, kinh tế của Hà Lĩnh cũng có sự đóng một phần to lớn. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất giai đoạn 2020-2022 đạt bình quân 16,3%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Cụ thể: Tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 15,4% xuống còn 12,6%; công nghiệp - xây dựng tăng từ 47,3% lên 49,3%; Dịch vụ thương mại tăng từ 37,3% thành 38,1%. Năm 2022 tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng so với cùng kỳ 1,5% và vượt so với kế hoạch đề ra 0,8%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 54,11 triệu/người/năm, gấp 1,05 lần thu nhập bình quân toàn huyện, tăng so với năm 2020 là 11,2 triệu (tăng khoảng 26%). Tổng giá trị sản xuất năm 2022 đạt 736,2 tỷ đồng, tăng 12,59% so với cùng kỳ.

Địa phương thực hiện tốt Luật ngân sách, cơ bản đảm bảo phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên địa bàn. Công tác phát triển và quản lý thu, chi ngân sách đảm bảo dự toán cấp trên giao hằng năm. Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2022 trong khu vực đạt 52,66 tỷ đồng, tổng chi ngân sách địa phương là 52,66 tỷ đồng. Nguồn vốn ngân sách chủ yếu được đầu tư cho xây dựng cơ sở vật chất, chính sách xã hội. Các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn khu vực được thực hiện từ nguồn vốn địa phương và xã hội hóa từ các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh.

2.6.1. Về sản xuất nông - lâm - thủy sản:

- Nông nghiệp: Tổng diện tích gieo trồng cả năm 1.237 ha, đạt 100% KH. Tổng sản lượng lương thực cả năm đạt 5.107 tấn, tăng 113% so KH, cây rau

màu các loại đều cho năng suất, sản lượng và giá trị cao so với cùng kỳ. Diện tích đất nông nghiệp tích tụ, tập trung 35 ha, đạt 233% (KH 15ha). Đặc biệt, năm đầu tiên triển khai khảo nghiệm giống lúa ST24, diện tích 35 ha, cho năng suất, hiệu quả cao kinh tế cao, tạo ra hướng đi mới cho phát triển nông nghiệp.

- Chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản: Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển ổn định, tổng đàn gia súc, gia cầm có 58 nghìn con. Thực hiện tốt công tác vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm; hướng dẫn nhân dân thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm; không có bệnh dịch lớn xảy ra. Thực hiện tốt công tác vệ sinh, tiêu độc, khử trùng, phòng chống bệnh dịch cho đàn gia súc gia cầm trên địa bàn xã. Nuôi trồng thủy sản sản lượng ước đạt 500 tấn.

- Lâm nghiệp: Triển khai kế hoạch trồng rừng tập trung, đã trồng mới được 51ha. Tổ chức Lễ phát động Tết trồng cây “Đời đời nhớ ơn Bác Hồ, xuân Nhân Dân 2022” đã trồng được 69 cây tại khu Công sở, khu TT-VH-TT xã và tuyến đường vào khu tái định cư; tỷ lệ che phủ rừng giữ ổn định 45% đạt 100% KH. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng; chỉ đạo tổ chức phát dọn, xử lý vật liệu cháy dưới tán rừng, hướng dẫn khai thác cây theo quy định. Thực hiện nghiêm túc trực chỉ huy PCCC, chuẩn bị tốt dụng cụ, phương tiện tham gia phòng chống cháy rừng theo phương châm 04 tại chỗ. Trong năm 2022, địa bàn xã không xảy ra cháy rừng.

2.6.2. Công nghiệp - Xây dựng:

Tổng giá trị sản xuất Công nghiệp và XD giai đoạn 2020-2022 đạt : 144,4 tỷ đồng, tăng so với kế hoạch là 0,8%.

- Công nghiệp: Các ngành nghề sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp duy trì và phát triển tốt như cơ khí gò hàn, mộc dân dụng, chế tác đá mỹ nghệ... tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho công nhân.

- Xây dựng: Tổng vốn đầu tư phát triển ước đạt 600 tỷ đồng, đạt 100% KH. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm và các công trình mặt bằng để đầu giá cấp QSDĐ, đến nay đã và đang thực hiện 10 dự án.

Tu sửa khu Công sở và Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao xã Hà Lĩnh; Nâng cấp trang thiết bị trường Tiểu học xã Hà Lĩnh; Đầu tư nâng cấp đường từ Quốc lộ 217 đi thôn Tiên Sơn (Giai đoạn 1 từ Cầu Hà Lĩnh đi Cống Chàng); Cải tạo đường giao thông từ Cống Chàng đi thôn Tiên Sơn; Đầu tư hạ tầng khu dân cư Đồng trước thôn Tiên Hoà 3; Xây dựng mới đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại xã Hà Lĩnh) - Cụm di tích Đền Hàn, Cô Bơ, xã Hà Sơn; Đầu tư xây dựng Đập dâng, giữ nước kênh Bồng Khê; Nâng cấp hồ Đập Ngang theo dự án WB8; Nâng cấp cải tạo đường từ Hàm chui dân sinh đi thôn Tiên Sơn; Đầu tư nhà lớp học 3 tầng và công trình phụ trợ trang thiết bị Trường Mầm non. Hướng dẫn cho 05 hộ cấp phép xây dựng gửi về UBND huyện và đã cấp phép được 01 hộ ở thôn Bái Ân.

- Hoạt động thương mại - dịch vụ:

Tổng giá trị ngành thương mại - dịch vụ giai đoạn 2020-2022 ước đạt 113 tỷ đồng, tăng so với kế hoạch là 0,8%. Năm 2022, tiếp tục mở rộng và phát triển đồng bộ hệ thống dịch vụ, kêu gọi đầu tư phát triển kinh doanh dịch vụ phù hợp tại điểm giao cao tốc Bắc Nam với Quốc lộ 217. Tăng cường kiểm tra các cơ sở kinh doanh, kiểm soát giá các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân; làm tốt công tác quản lý thị trường chống buôn lậu, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép, đảm bảo lợi ích cho người tiêu dùng. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các khâu cung ứng và quản lý dịch vụ theo hướng sản xuất theo “chuỗi giá trị”. Xây dựng một số sản phẩm nông nghiệp có thương hiệu theo chương trình xây dựng sản phẩm OCOP. Đã thành lập mới là 8 doanh nghiệp. Đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ xây dựng chợ, trung tâm thương mại mới theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Dịch vụ nông nghiệp: Hợp tác xã DVNN làm tốt công tác dịch vụ, hướng dẫn sản xuất, bao tiêu sản phẩm nông nghiệp cho nhân dân, bảo vệ hệ thống GTTL nội đồng, đảm bảo nước phục vụ sản xuất.

Dịch vụ thương mại: hoạt động thương mại, dịch vụ đã đi vào hoạt động ổn định cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn xã. Các ngành nghề, dịch vụ vận tải, làm đất, vật tư nông nghiệp, hoạt động thương mại trên địa bàn xã đã có bước chuyển biến đáng kể.

Dịch vụ tín dụng: phối hợp với các ngân hàng tạo điều kiện cho nhân dân vay vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Tổng số hộ vay vốn: 1.800 hộ (tăng 454 hộ so với năm 2021): Tổng dư nợ 187,6 tỷ đồng. Tăng 102,6 tỷ đồng với cùng kỳ. Phối hợp với các ngân hàng, quản lý vốn vay, hướng dẫn các hộ sử dụng đúng mục đích, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Thống kê giá trị sản xuất giai đoạn 2020 - 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
	Mức tăng trưởng kinh tế	%	15,6	16,0	16,5
	Tổng giá trị sản phẩm	Tỷ đồng	669,5	653,9	736,2
	Tỷ trọng các ngành kinh tế				
1	Nông, lâm, thủy sản	%	15,40	14,10	12,60
2	Công nghiệp, xây dựng	%	47,30	48,30	49,30
3	Ngành dịch vụ, thương mại	%	37,30	37,60	38,10

2.7. Công tác văn hóa - xã hội

2.7.1. Công tác giáo dục, đào tạo:

Trong những năm gần đây, cơ sở vật chất, thiết bị trường học được tăng cường cơ bản đã đáp ứng nhu cầu dạy và học. Các cấp học luôn hoàn thành nội dung, chương trình năm học theo mục tiêu đề ra. Hàng năm, luôn triển khai thực hiện tiếp tục đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục và xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

Năm học 2021 - 2022, duy trì đạt chuẩn Phổ cập Giáo dục. Hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100%. Tuyển sinh vào lớp 1 và lớp 6 đạt 100% kế hoạch, tỷ lệ tốt nghiệp THCS đạt 100%. Tỷ lệ học sinh hoàn thành và hoàn thành tốt các môn bậc Tiểu học đạt từ 91,4%, Học sinh Khá, giỏi bậc THCS đạt 63,22%. Chất lượng giáo dục mũi nhọn đạt kết quả: Có 29 giải văn hóa cấp huyện, 04 giải Văn hóa cấp Tỉnh. 01 Giải Khuyến khích Quốc gia cuộc thi về ATGT. Tham mưu cho cơ quan quản lý nhà nước ban hành Nghị quyết về nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện giai đoạn 2022 - 2025 tầm nhìn đến 2030.

2.7.2. Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân và các vấn đề xã hội:

Thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên, giữ vững, nâng cao chất lượng Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế giai đoạn 2011 - 2020 và xã phù hợp với trẻ em. Năm 2022 trạm y tế xã đã khám và điều trị cho 6.983 lượt người.

Công tác quản lý nhà nước về hành nghề y, dược tư nhân, VSATTP, vệ sinh môi trường được quan tâm; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu HVS đạt 89,6%; tỷ lệ người dân được dùng nước sạch đạt 90%; tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 95%; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,7%.

Công tác xóa đói giảm nghèo luôn được quan tâm thực hiện. Số hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trên địa bàn xã năm 2020 là 38 hộ, chiếm 1,46%. Năm 2021 thực hiện rà soát hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn mới (2021 - 2025) số hộ nghèo trên địa bàn tăng thành 90 hộ; chiếm 3,8%. Đến năm 2022, số hộ nghèo giảm còn 61 hộ, chiếm tỷ lệ 2,52% (bình quân chung toàn huyện năm 2022 là 2,95%).

2.7.3. Công tác văn hóa, thông tin tuyên truyền, thể dục thể thao:

Lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao phát triển sâu rộng; phong trào xây dựng đời sống văn hoá cơ sở đã tập trung vào xây dựng đơn vị văn hoá, gia đình văn hoá, xây dựng nếp sống văn minh được phát động thường xuyên; tổ chức thực hiện tốt phong trào "toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"; xây dựng "công dân kiểu mẫu, gia đình kiểu mẫu, thôn kiểu mẫu, làng xóm kiểu mẫu"; đến nay, tỷ lệ gia đình văn hóa của xã đã đạt 88,1%, 9/10 thôn được công nhận thôn văn hóa, 4/4 cơ quan, đơn vị duy trì đạt chuẩn văn hóa. Duy trì thực hiện tốt hương ước tại các đơn vị, thôn, làng trên địa bàn xã.

Lãnh đạo tập trung tuyên truyền công tác phòng chống dịch, các nhiệm vụ chính trị, sự kiện quan trọng, ngày lễ lớn của quê hương, đất nước, các quy định về ATGT, quản lý sử dụng pháo và vật liệu cháy nổ, VSMT, VSATTP. Chất lượng hoạt động của Trang thông tin điện tử xã được nâng cao; chuyển đổi số được triển khai toàn diện, đạt kết quả tích cực: cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động của chính quyền số, đẩy mạnh các hoạt động kinh tế số, thay đổi nhận thức và sinh hoạt của người dân trong xã hội số; đã thực hiện tổng số 305 lượt tin, bài trên hệ thống đài truyền thanh, cổng thông tin điện tử của xã. Treo 60 băng rôn, khẩu hiệu, 45 pano cỡ nhỏ, trang trí 2 cụm tin tấm lớn, trang trí trực quan, thấp điện sáng, điện trang trí khu vực Công sở, Trung tâm văn hóa, Đài tưởng niệm và các trục đường chính trong xã. Đang triển khai dự án Hệ thống loa truyền thanh thông minh.

Tham gia đầy đủ và đạt kết quả tốt các môn trong Đại hội thể dục thể thao, giải thể thao mừng Đảng mừng Xuân do huyện tổ chức. Các câu lạc bộ Văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả. Hoạt động thể dục, thể thao diễn ra sôi nổi ở các thôn, tỷ lệ người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên tại địa bàn đạt trên 50%.

Phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng NTM theo hướng đô thị được duy trì thực hiện tốt. Công tác bình xét các danh hiệu văn hóa được thực hiện đúng quy định, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 88,1%, 9/10 thôn được công nhận thôn văn hóa, 4/4 cơ quan, đơn vị duy trì đạt chuẩn văn hóa. Duy trì thực hiện tốt Hương ước tại các đơn vị.

2.8. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

2.8.1. Công tác Quốc phòng:

Duy trì và thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phòng chống cháy rừng, tìm kiếm cứu nạn, phối hợp với các lực lượng nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời xử lý các tình huống xảy ra, không để bị động, bất ngờ; bàn giao 12 công dân nhập ngũ hoàn thành chỉ tiêu huyện giao.

Tổ chức triển khai huấn luyện cho dân quân năm thức nhất, dân quân cơ động đạt 100% quân số; dân quân tại chỗ đạt 90% quân số; Tham gia Hội thao trung đội dân quân cơ động cấp huyện đạt giải nhất tập thể và giải nhất cá nhân đ/c Trung đội trưởng và tham gia Hội thao cấp tỉnh, đạt 02 giải cá nhân (01 giải ba và 01 giải khuyến khích). Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ diễn tập chiến đấu xã trong KVPT năm 2022 được UBND huyện khen thưởng (01 tập thể và 01 cá nhân). Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sơ tuyển NVQS, đảm bảo nguồn nhập ngũ cho công tác giao quân năm 2023 đạt chỉ tiêu huyện giao.

2.8.2. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội:

Phối hợp với Ban CHQS xã thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã. Công tác phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, tăng cường công tác tuần tra, canh gác, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã. Xây dựng, ban hành kịp thời các kế hoạch, phương

án đảm bảo tốt an ninh trật tự trên các lĩnh vực bảo vệ các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị quan trọng của quê hương, đất nước.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả 02 Dự án cơ sở GLQG về DC và Dự án sản xuất cấp và quản lý CCCD gắn chip điện tử; 02 Đề án “nâng cao hiệu quả công tác nghiệp vụ cơ bản của Công an tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2019-2024”; “ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt công tác giai đoạn 2019-2021, tầm nhìn đến năm 2030”. Triển khai cao điểm phòng chống tội phạm về ma túy và trộm cắp tài sản; Cao điểm phòng chống tội phạm cố ý gây thương tích và tội phạm giết người.

Thực hiện tốt công tác trực ban, tiếp dân; Quản lý, khai thác, vận hành có hiệu quả hệ thống DLQG về dân cư. Phối hợp với công an huyện trong công tác cấp mới căn cước công dân và cấp mã xác thực điện tử. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cao điểm tổng kiểm tra cư trú trên địa bàn theo kế hoạch. Cấp mới đăng ký, biển số, cấp đổi, cấp lại biển số xe. Tiếp tục thực hiện tốt các đợt cao điểm đấu tranh, tấn công trấn áp các loại tội phạm; kiện toàn, đẩy mạnh hoạt động các Tổ hòa giải ở cơ sở. Phát động sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ, tổ chức thành công “Ngày hội toàn dân Bảo vệ ANTQ” và Hội nghị “Công an lắng nghe ý kiến nhân dân”; lực lượng Công an thường xuyên phối hợp với MTTQ, các ban, ngành, đoàn thể tuyên truyền các phương pháp, thủ đoạn hoạt động phạm tội của các loại tội phạm và các hành vi VPPL. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy, thanh thiếu niên hư hỏng, người chấp hành án hình sự tại cộng đồng.

2.9. Cơ sở hạ tầng và phát triển đô thị

2.9.1. Nhà ở:

Nhà ở dạng đô thị chủ yếu tập trung trên tuyến đường Quốc lộ 217, đường 522B và các tuyến đường trục liên thôn, trục xã khu vực trung tâm xã, các khu dân cư mới. Dạng nhà này chủ yếu là nhà ở chia lô, diện tích từ 100-150m², tầng cao từ 2 tầng trở lên, vừa ở vừa kinh doanh.

Nhà ở dạng nông thôn là các dạng nhà ở thấp tầng, mái ngói, diện tích tích bình quân 200 - 300m²/hộ. Các khu dân cư thường tập trung liên kết giữa các thôn liên tiếp từ đầu xã đến cuối xã, không có khu dân cư biệt lập, các khu dân cư được kết nối liên hoàn với mạng giao thông liên thôn, liên xóm, liên gia.

Tổng số nhà ở trên địa bàn xã là 2.541 căn. Tổng diện tích sàn nhà ở toàn xã là khoảng 284.807,0 m². Số nhà ở kiên cố trên địa bàn là 2.426 căn, đạt tỷ lệ 95,47%; diện tích sàn nhà ở bình quân đạt 28,78 m² sàn/người.

2.9.2. Cơ sở Y tế:

Trạm Y tế xã với diện tích 2.800m². Xã đã đạt và duy trì tiêu chí Quốc gia về y tế. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ Y bác sĩ có chuyên môn đã cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn.

2.9.3. Cơ sở giáo dục:

Cơ sở vật chất giáo dục được quan tâm đầu tư, nâng cấp, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trên địa bàn. Hệ thống các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã gồm 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học và 01 trường trung học cơ sở. 100% các trường trên địa bàn đạt chuẩn quốc gia theo quy định. Tổng diện tích đất xây dựng trường học là 29.060,0 m².

2.9.4. Cơ sở vật chất Văn hóa – Thể thao:

Hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở đã được đầu tư xây dựng tương đối đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sử dụng. Các công trình văn hóa, thể dục thể thao quy mô cấp đô thị đã được đầu tư xây dựng như: Trung tâm Văn hoá TDTT xã, sân vận động xã. Tại các thôn khu thể thao và sân bóng đá đã được đầu tư từ hỗ trợ của xã và các nguồn vốn xã hội khác. Các nhà văn hóa thường kết hợp với sân thể thao, sân bóng đá được bố trí tại khu vực trung tâm các thôn. Tổng số nhà văn hóa cấp đơn vị ở trên địa bàn là 10 công trình với quy mô diện tích bình quân hơn 500m²/công trình. Số công trình thể thao cấp đơn vị ở là 10 công trình, diện tích bình quân đạt hơn 1.200m²/ công trình. Các sân thể thao bố trí các chức năng như bóng đá, cầu lông, bóng chuyền,...

2.9.5. Công trình di sản, văn hóa lịch sử và kiến trúc tiêu biểu:

Xã Hà Lĩnh có 3 di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng cấp tỉnh và các di tích lịch sử - văn hóa đình, đền khác. Đây là hệ thống công trình văn hóa lịch sử và kiến trúc tiêu biểu không chỉ trong phạm vi khu vực, mà có tầm quan trọng, ảnh hưởng trên địa bàn huyện Hà Trung. Hàng năm, địa phương luôn quan tâm, tập trung huy động các nguồn lực, làm tốt công tác trùng tu, tôn tạo, các di tích lịch sử văn hóa, các lễ hội truyền thống. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, quảng bá, khuyến khích phát triển mạnh các loại hình dịch vụ du lịch (đặc biệt là dịch vụ du lịch tâm linh), xây dựng các điểm du lịch trên địa bàn xã gắn với hệ thống các tuyến du lịch của huyện và khu vực.

Thông kê di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng trên địa bàn xã Hà Lĩnh

STT	Tên di tích	Số lượng (công trình)	Diện tích (m ²)	Xếp hạng Cấp
1	Đình làng Thanh Xá	1	2.800	Di tích cấp tỉnh
2	Đình làng Tiên Hòa	1	3.600	Di tích cấp tỉnh
3	Đình làng Bái Ân	1	1.900	Di tích cấp tỉnh

2.9.6. Hiện trạng hệ thống giao thông:

- Hệ thống đường đối ngoại.

+ Tuyến cao tốc Bắc Nam: Đoạn qua địa phận đô thị Hà Lĩnh dài khoảng 5,8km; Đoạn tuyến qua địa bàn tỉnh đạt tốc độ 80km/h, quy mô 4 làn xe.

+ Tuyến QL 217 chiều dài tuyến qua đô thị khoảng 6,0Km. Quy mô cấp đường quy hoạch được giữ nguyên đường cấp III đồng bằng, 04 làn xe cơ giới

+ Tuyến đường tỉnh 522B: chiều dài đoạn qua xã Hà Lĩnh 7,8km; đang được quản lý đường cấp VI: Bnền= 15,5m, mặt đường nhựa.

- Hệ thống đường đối nội:

+ Đường trục xã, liên xã được nhựa hoá và bê tông hoá tỷ lệ 100%.

+ Đường trục thôn, đường ngõ xóm đã bê tông hóa đạt 100%;

+ Đường nội đồng đã bê tông khoảng 60,0%, còn lại là đường cấp phối.

2.9.7. Hiện trạng thoát nước mưa:

Hiện trạng dọc theo các tuyến đường giao thông đã có hệ thống thoát nước mưa, nước mưa được thoát theo hệ thống mương, rãnh sau đó được thoát ra các kênh, ao hồ xung quanh. Hướng thoát nước chính là thoát về sông Bồng Khê sau đó tiêu qua cống Bông và thoát ra sông Lèn.

Hiện trạng thoát nước chính chia thành hai lưu vực:

- Lưu vực 1: Toàn bộ khu vực phía Tây sông Bồng Khê với diện tích khoảng 840 ha xã Hà Lĩnh và một phần diện tích của xã Vĩnh Thịnh và xã Vĩnh Minh huyện Vĩnh Lộc. Hướng dốc từ Tây sang Đông. Trục tiêu chính là hệ thống kênh mương: mương Nê, mương đường Máng và sông Bồng Khê.

- Lưu vực 2: Toàn bộ khu vực phía Đông sông Bồng Khê với diện tích khoảng 1.570 ha xã Hà Lĩnh. Hướng dốc từ Đông sang Tây. Trục tiêu chính là hệ thống mương tiêu của đập Cầu, đập Ngang, Đập Truong và sông Bồng Khê.

2.9.8. Hiện trạng cấp nước:

Hiện tại nguồn nước sạch cung cấp cho cư dân trên địa bàn lấy từ nhà máy nước Vĩnh Hùng công suất 2.800 m³/ng.đêm; Tuy nhiên tiêu chuẩn cấp nước sạch tập trung còn thấp do người dân vẫn còn dùng kết hợp nước sạch với nước mưa, nước giếng khoan có lợ lắng,...

2.9.9. Hiện trạng cấp điện:

- Các nguồn cung cấp điện năng: hiện tại có tuyến đường dây cao áp 220KV và trung áp 35/22KV đi qua; đường điện trung áp 35KV lộ LDA376-E9.4; đường điện trung áp 22KV lộ LDA471-E9.4-16 được đấu nối từ trạm biến áp 110KV Hà Trung cấp điện cho các trạm biến áp của xã và cấp điện cho trạm biến áp trung gian Vĩnh Lộc và cấp điện sinh hoạt, điện sản xuất công nghiệp.

- Trạm biến áp: Trên địa bàn xã có 18 trạm biến áp phụ tải cấp điện sinh hoạt và sản xuất. Các trạm biến áp có tổng công suất 4.930 KVA.

2.9.10. Hạ tầng viễn thông thụ động:

- Hạ tầng bưu chính: Trên địa bàn xã Hà Lĩnh hạ tầng bưu chính chủ yếu do Bưu điện tỉnh đầu tư xây dựng cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng, đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng phục vụ cấp ủy, chính quyền và nhu cầu sử dụng dịch vụ của nhân dân.

- Hạ tầng viễn thông thụ động: Trong khu vực xã Hà Lĩnh có 02 vị trí xây dựng cột ăng ten thông tin di động và nhà trạm viễn thông.

2.9.11 Hiện trạng thoát nước thải, vệ sinh môi trường và nghĩa trang:

- Thoát nước thải: Hiện tại trong khu vực có các loại nước thải sau:

+ Nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư gồm 02 loại: Tại Khu dân cư hiện hữu nước thải sinh hoạt từ các hộ dân cư đã có nhà tắm, vệ sinh riêng. Nước thải sinh hoạt được xử lý qua các bể tự hoại, thấm ngầm tại chỗ hoặc chảy chung với hệ thống thoát nước mưa. Tại các khu dân cư mới Đã đầu tư hệ thống thu gom nước thải riêng, xử lý qua bể trước khi xả vào hệ thống chung.

+ Các loại nước thải từ các công trình công cộng, trạm y tế được xử lý cục bộ tại các bể tự hoại, xả ra các mương tiêu, mương thoát nước chung.

+ Nước thải từ cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Có hệ thống xử lý đảm bảo tiêu chuẩn mới được xả thải vào hệ thống thoát nước chung.

- Chất thải rắn: trong khu vực có các loại rác thải sau:

+ Rác thải sinh hoạt trong các khu dân cư và rác thải trong các công trình công cộng được thu gom, vận chuyển về khu xử lý tập trung của huyện.

+ Rác thải từ cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: được thu gom riêng theo dự án và hợp đồng xử lý với đơn vị có chức năng xử lý rác thải.

+ Chất thải y tế: triển khai Quyết định 3262/QĐ-UBND ngày 30/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch quản lý chất thải y tế tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay trên địa bàn tỉnh đã thành lập các cụm xử lý chất thải rắn y tế lây nhiễm bằng phương pháp công nghệ vi sóng kết hợp nghiền cắt. Chất thải rắn y tế lây nhiễm từ các bệnh viện, phòng khám tư nhân, trung tâm y tế xã trên địa bàn huyện Hà Trung được thu gom, vận chuyển về Cụm Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc để xử lý, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

+ Chất thải nguy hại: Nguồn chất thải nguy hại phát sinh trên địa bàn gồm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, sinh hoạt của cư dân địa phương và nguồn từ hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp sản xuất công nghiệp

Đối với chất thải nguy hại từ hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp được thu gom riêng theo dự án và hợp đồng xử lý với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại. Đối với chất thải nguy hại từ hoạt động của cư dân chủ yếu là túi nilon trong sinh hoạt, các loại chai lọ, thuốc bảo vệ thực vật và các chất thải như dầu mỡ tại các cơ sở sản xuất, sửa chữa tư nhân nhỏ lẻ được thu gom, phân loại, xử lý riêng biệt đảm bảo môi trường.

- Nghĩa trang: xã đã bố trí 1 khu nghĩa trang nhân dân quy mô khoảng 11,0ha của đô thị tại khu vực eo núi Biêng Kha và núi Ngọc Sơn, đảm bảo khoảng cách ly đối với các khu chức năng của đô thị. Các khu nghĩa trang, nghĩa địa nhỏ lẻ trên địa bàn đang được khoanh vùng, hạn chế hướng tới cấm chôn cất, để trồng cây xanh cách ly đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan đô thị.

III. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH THEO CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THỊ TRẤN

1. Đánh giá theo 05 điều kiện thành lập tại Khoản 2, Điều 128 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương và Khoản 2, Điều 57 Luật Quy hoạch

1.1. Phù hợp với các quy hoạch có liên quan đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt (Khoản 2, Điều 57 Luật Quy hoạch): Thành lập các thị trấn Hà Long và Hà Lĩnh phù hợp với định hướng quy hoạch tỉnh, quy hoạch hệ thống đô thị tỉnh, vùng huyện; chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh và chương trình phát triển từng đô thị đã được phê duyệt, cụ thể:

- Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045³, Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị tỉnh Thanh Hóa⁴ và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa⁵ đã xác định đến năm 2025, toàn huyện Hà Trung có 03 thị trấn gồm: Hà Trung, Hà Long và Hà Lĩnh (đô thị loại V).

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045⁶, xác định giai đoạn 2020 - 2030 địa bàn huyện Hà Trung có 06 đô thị, gồm: TT Hà Trung, Hà Long, Hà Lĩnh, Gũ, Cừ và Ngọc Âu.

- Quy hoạch chung đô thị Hà Long⁷, đô thị Hà Lĩnh⁸ xác định phạm vi quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Hà Long và xã Hà Lĩnh.

- Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thanh Hóa giai đoạn đến năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2030⁹; Chương trình phát triển các đô thị Hà Long¹⁰, đô thị Hà Lĩnh¹¹, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045.

1.2. Bảo đảm lợi ích chung, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước:

Thành lập các thị trấn Hà Long và Hà Lĩnh không phải là trường hợp chia tách, không làm giảm tiềm năng, lợi thế của các địa phương nên đảm bảo lợi ích

³ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴ Quyết định số 3975/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁵ Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁶ Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁷ Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁸ Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁹ Quyết định số 1252/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹⁰ Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

¹¹ Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

chung, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của Nhân dân trên địa bàn; là cơ sở để tổ chức chính quyền đô thị thay cho chính quyền nông thôn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền cơ sở.

1.3. Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội:

Thành lập các thị trấn Hà Long và Hà Lĩnh là tiền đề để xác định địa bàn có vai trò quan trọng về đảm bảo an ninh trật tự, làm cơ sở kiện toàn lại tổ chức, tăng cường lực lượng công an chính quy, bảo vệ dân phố nên sẽ góp phần củng cố, đảm bảo yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

1.4. Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với lịch sử, truyền thống:

Thành lập các thị trấn Hà Long và Hà Lĩnh thể hiện nguyện vọng, sự đồng thuận của cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương, góp phần đảm bảo đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa.

1.5. Bảo đảm các tiêu chuẩn của thị trấn theo quy định tại Nghị quyết số của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC.

2. Đánh giá hiện trạng xã Hà Long, xã Hà Lĩnh theo tiêu chuẩn thành lập thị trấn tại Điều 9 Nghị quyết số 1211 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

2.1. Xã Hà Long:

a) Quy mô dân số:

- Quy mô dân số xã Hà Long: 10.679 người.
- Đánh giá: Đạt (quy định từ 8.000 người trở lên).

b) Diện tích tự nhiên:

- Diện tích tự nhiên xã Hà Long: 48,41 km².
- Đánh giá: Đạt (quy định từ 14 km² trở lên).

c) Được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V:

- Phạm vi địa giới hành chính xã Hà Long (khu vực dự kiến hình thành đô thị Hà Long) được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V tại Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Đánh giá: Đạt.

d) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế:

- Cân đối thu chi ngân sách:

- + Thu ngân sách năm 2022 xã Hà Long: 43,56 tỷ đồng.
- + Chi ngân sách năm 2022 xã Hà Long: 35,13 tỷ đồng.
- + Đánh giá: Đạt (quy định cân đối đủ trở lên).

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất:
- + Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 03 năm đạt 2,88%.
- + Tỷ lệ hộ nghèo của huyện: 2,95%.
- + Đánh giá: Đạt (quy định đạt từ bình quân của huyện trở xuống).
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:
- + Tổng số lao động của xã: 7.011 lao động.
- + Số lao động phi nông nghiệp: 4.726 lao động.
- + Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 67,41%.
- + Đánh giá: Đạt (quy định từ 65% trở lên).

Tổng hợp hiện trạng xã Hà Long theo tiêu chuẩn thành lập thị trấn

TT	Tiêu chuẩn	Quy định	Kết quả đạt được	Đánh giá
1	Quy mô dân số (người)	8.000	10.679	Đạt
2	Diện tích tự nhiên (km ²)	14	48,41	Đạt
3	Được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V	Loại IV, V	V	Đạt
4	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế			
-	Cân đối thu chi ngân sách	Cân đối	Cân đối	Đạt
-	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	Bằng hoặc thấp hơn trung bình của huyện (2,95%)	2,88	Đạt
-	Tỷ lệ lao động phi NN (%)	65% trở lên	67,41	Đạt

2.2. Xã Hà Lĩnh:

a) Quy mô dân số:

- Quy mô dân số xã Hà Lĩnh: 8.598 người.
- Đánh giá: Đạt (quy định từ 8.000 người trở lên).

b) Diện tích tự nhiên:

- Diện tích tự nhiên xã Hà Lĩnh: 24,09 km².

- Đánh giá: Đạt (quy định từ 14 km² trở lên)

c) Được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V:

- Phạm vi địa giới hành chính xã Hà Lĩnh (khu vực dự kiến hình thành đô thị Hà Lĩnh) được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V tại Quyết định số 2486/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Đánh giá: Đạt.

d) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế:

- Cân đối thu chi ngân sách:

+ Thu ngân sách năm 2022 xã Hà Lĩnh: 52,66 tỷ đồng.

+ Chi ngân sách năm 2022 xã Hà Lĩnh: 52,66 tỷ đồng.

+ Đánh giá: Đạt (quy định cân đối đủ trở lên).

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất:

+ Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 03 năm đạt 2,59%.

+ Tỷ lệ hộ nghèo của huyện: 2,95%.

+ Đánh giá: Đạt (quy định đạt từ bình quân của huyện trở xuống).

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

+ Tổng số lao động của xã: 5.220 lao động.

+ Số lao động phi nông nghiệp: 3.627 lao động.

+ Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 69,48%.

+ Đánh giá: Đạt (quy định từ 65% trở lên).

Tổng hợp hiện trạng xã Hà Lĩnh theo tiêu chuẩn thành lập thị trấn

TT	Tiêu chuẩn	Quy định	Kết quả đạt được	Đánh giá
1	Quy mô dân số (người)	8.000	8.598	Đạt
2	Diện tích tự nhiên (km ²)	14	24,09	Đạt
3	Được công nhận đạt tiêu chuẩn đô thị loại V	Loại IV, V	V	Đạt
4	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế			

-	Cân đối thu chi ngân sách	Cân đối	Cân đối	Đạt
-	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trung bình 03 năm gần nhất (%)	Bằng hoặc thấp hơn trung bình của huyện (2,95%)	2,59	Đạt
-	Tỷ lệ lao động phi NN (%)	65% trở lên	69,48	Đạt

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN HÀ LONG VÀ THỊ TRẤN HÀ LĨNH THUỘC HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

I. HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN

1. Huyện Hà Trung

- Diện tích tự nhiên: 243,94 km².
- Dân số: 131.568 người.
- Số lượng đơn vị hành chính cấp xã: 20 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Hà Trung và 19 xã: Hà Bắc, Hà Long, Hà Giang, Hà Tân, Hà Tiến, Hà Bình, Hà Vinh, Hà Hải, Yên Sơn, Hà Thái, Hà Lai, Hà Châu, Lĩnh Toại, Hoạt Giang, Yên Dương, Hà Ngọc, Hà Đông, Hà Sơn, Hà Lĩnh.
- Địa giới hành chính huyện Hà Trung: phía Đông giáp huyện Nga Sơn; phía Tây giáp huyện Thạch Thành và huyện Hoằng Hóa; phía Nam giáp huyện Hậu Lộc; phía Bắc giáp thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình và thị xã Bỉm Sơn.

2. Xã Hà Long

- Diện tích tự nhiên: 48,41 km².
- Dân số: 10.679 người.
- Có 09 thôn, gồm: Gia Miêu, Hoàng Vân, Yên Vỹ, Quảng Bình, Đồng Hậu, Đồng Toàn, Khắc Dững, Nghĩa Đụng, Đại Sơn.
- Địa giới hành chính: Đông giáp các phường Ngọc Trạo, Bắc Sơn thuộc thị xã Bỉm Sơn; Tây giáp xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành; Nam giáp các xã: Hà Bắc, Hà Giang; Bắc giáp thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

3. Xã Hà Lĩnh

- Diện tích tự nhiên: 24,09 km².
- Dân số: 8.598 người.
- Có 10 thôn gồm: Thanh Xá 1; Thanh Xá 2; Thanh Xá 3; Tiên Hòa 1; Tiên Hòa 2; Tiên Hòa 3; Tiên Hòa 4; Bái Ân; Thọ Lộc; Tiên Sơn.

- Địa giới hành chính: Đông giáp các xã: Hà Đông, Hà Tân; Tây giáp huyện Vĩnh Lộc; Nam giáp xã Hà Sơn; Bắc giáp xã Hà Tiến và xã Hà Tân.

II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN

1. Thành lập thị trấn Hà Long trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 48,41 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 10.679 người của xã Hà Long.

2. Thành lập thị trấn Hà Lĩnh trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 24,09 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 8.598 người của xã Hà Lĩnh.

III. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP THỊ TRẤN

1. Huyện Hà Trung

- Diện tích tự nhiên: 243,94 km².

- Dân số: 131.568 người.

- Số lượng đơn vị hành chính cấp xã: 20 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 03 thị trấn: Hà Trung, Hà Long, Hà Lĩnh và 17 xã: Hà Bắc, Hà Giang, Hà Tân, Hà Tiến, Hà Bình, Hà Vinh, Hà Hải, Yên Sơn, Hà Thái, Hà Lai, Hà Châu, Lĩnh Toại, Hoạt Giang, Yên Dương, Hà Ngọc, Hà Đông, Hà Sơn.

- Địa giới hành chính huyện Hà Trung: phía Đông giáp huyện Nga Sơn; phía Tây giáp huyện Thạch Thành và huyện Hoằng Hóa; phía Nam giáp huyện Hậu Lộc; phía Bắc giáp thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình và thị xã Bỉm Sơn.

2. Thị trấn Hà Long

- Diện tích tự nhiên: 48,41 km².

- Dân số: 10.679 người.

- Gồm có 09 tiểu khu: Gia Miêu, Hoàng Vân, Yên Vỹ, Quảng Bình, Đồng Hậu, Đồng Toàn, Khắc Dững, Nghĩa Đụng, Đại Sơn.

- Địa giới hành chính: Đông giáp các phường Ngọc Trạo, Bắc Sơn thuộc thị xã Bỉm Sơn; Tây giáp xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành; Nam giáp các xã: Hà Bắc, Hà Giang; Bắc giáp thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

3. Thị trấn Hà Lĩnh

- Diện tích tự nhiên: 24,09 km².

- Dân số: 8.598 người.

- Gồm có 10 tiểu khu : Thanh Xá 1; Thanh Xá 2; Thanh Xá 3; Tiên Hòa 1; Tiên Hòa 2; Tiên Hòa 3; Tiên Hòa 4; Bái Ân; Thọ Lộc; Tiên Sơn

- Địa giới hành chính: Đông giáp các xã: Hà Đông, Hà Tân; Tây giáp huyện Vĩnh Lộc; Nam giáp xã Hà Sơn; Bắc giáp xã Hà Tiến và xã Hà Tân.

Phần thứ tư

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN CÁC THỊ TRẤN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VIỆC THÀNH LẬP CÁC THỊ TRẤN

Thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh nhằm phát triển hệ thống đô thị, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và huyện Hà Trung, nhận được sự quan tâm, ủng hộ của các tầng lớp nhân dân, cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và nhà đầu tư; phù hợp chủ trương, chỉ đạo của trung ương, tiền đề tổ chức chính quyền đô thị, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tuy nhiên, thành lập các thị trấn sẽ ít nhiều gây ảnh hưởng đến sinh hoạt, sản xuất của một bộ phận dân cư, chuyển đổi giấy tờ; bước đầu khó khăn trong công tác quản lý, điều hành do chuyển đổi từ chính quyền nông thôn sang đô thị.

1. Tác động về tổ chức bộ máy, quản lý nhà nước

1.1. Mặt tích cực:

Thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của các xã không làm phát sinh tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp... góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành, thực thi nhiệm vụ, công vụ; là tiền đề tổ chức chính quyền đô thị - thị trấn thay cho chính quyền nông thôn - xã, thể hiện quá trình và mức độ đô thị hóa cao hơn, với những chức năng, nhiệm vụ có riêng biệt, phù hợp với đơn vị hành chính đang trong quá trình phát triển, đô thị hóa nhanh, nên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là trên các lĩnh vực về xây dựng, đô thị, quy hoạch, kiến trúc, đất đai, dân cư, cảnh quan, môi trường, dân cư, bảo đảm an ninh, trật tự - an toàn xã hội.

Tổ chức, hoạt động của các thôn hiện nay được kiện toàn thành các tổ dân phố cho phù hợp với đơn vị hành chính thị trấn; ổn định số lượng tổ dân phố (do đã thực hiện việc sáp nhập thôn, tổ dân phố theo đề án của tỉnh) không chia tách hay thành lập mới nên không làm tăng số lượng do thành lập thị trấn.

1.2. Mặt hạn chế: Chưa thấy tác động hạn chế do thành lập thị trấn.

2. Tác động đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

2.1. Mặt tích cực:

Thành lập thị trấn Hà Long, Hà Lĩnh không phải là trường hợp chia tách để thành lập đơn vị hành chính mới nên không làm phát sinh biên chế hay làm tăng số lượng cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp.

2.2. Mặt hạn chế:

Do chuyển từ chính quyền nông thôn sang chính quyền đô thị nên bước đầu đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay (ở xã) bước đầu lúng túng do sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ giữa hai mô hình quản lý (xã - thị trấn) nên cần có giải pháp đào tạo, bồi dưỡng đề trang bị kỹ năng, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ này, tập trung bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền đô thị; quản lý quy hoạch, đô thị, cơ sở hạ tầng, trật tự xây dựng, kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị, quản lý dân cư.

3. Tác động đến phát triển kinh tế, sản xuất kinh doanh

3.1. Mặt tích cực:

Thành lập thị trấn không làm chia nhỏ, phân tán nguồn lực đầu tư hay làm giảm tiềm năng lợi thế trong phát triển của địa phương. Đồng thời, việc không phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế nên không làm tăng kinh phí chi thường xuyên cho bộ máy hành chính; các nguồn lực này sẽ được đầu tư cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển sản xuất. Ngoài ra, các cơ chế chính sách trong thu hút đầu tư, môi trường sản xuất, kinh doanh đối với đơn vị hành chính thị trấn không có thay đổi bất lợi so với đơn vị hành chính xã. Mặt khác, từ đánh giá tổng kết công tác thành lập các đơn vị hành chính đô thị ở tỉnh được thành lập trong những năm gần đây, thì các đô thị này đều có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, giữ vị trí là trung tâm, động lực phát triển của khu vực hoặc vùng, tiểu vùng; đây là những minh chứng khẳng định việc thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh có tác động tích cực, không ảnh hưởng tới tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thu hút vốn đầu tư, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất.

Sau khi thành lập, tên gọi là thị trấn (thay cho xã) sẽ tạo sức hấp dẫn trong kêu gọi thu hút đầu tư, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ, góp phần tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao giá trị sản xuất, tạo ra việc làm, thu hút lao động, nâng cao đời sống nhân dân.

3.2. Mặt hạn chế:

- Thành lập thị trấn không hình thành các cơ chế, chính sách kinh tế bất lợi, hay tác động xấu đến các tiềm năng, nguồn lực phát triển, lực lượng lao động nên chưa thấy hạn chế của việc thành lập thị trấn tới phát triển kinh tế.

- Đối với nhu cầu nguồn vốn đầu tư là nhu cầu cần thiết, tất yếu và là quá trình lâu dài để đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, du lịch, dịch vụ; không do nguyên nhân từ thành lập thị trấn mà làm phát sinh vốn đầu tư. Đối với các dự án đầu tư trong thời gian tới sẽ được lập kế hoạch, phân kỳ đầu tư cụ thể, đảm bảo tính khả thi, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, chú trọng kêu gọi vốn đầu tư từ doanh nghiệp và xã hội hóa.

4. Tác động đến văn hóa, xã hội và đời sống Nhân dân

4.1. Mặt tích cực:

- Thành lập thị trấn không phải là chia tách nên không ảnh hưởng đến các thiết chế và đặc trưng văn hóa địa phương, phong tục tập quán, cũng như tác động xấu đến xã hội, làm xáo trộn đến đời sống nhân dân địa phương.

- Hiệu ứng của việc thành lập thị trấn và quá trình phát triển kinh tế, phát triển đô thị sẽ tạo điều kiện để đầu tư cơ sở hạ tầng, công trình công cộng, văn hóa phục vụ nhân dân, góp phần cho phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết việc làm, đời sống tinh thần của nhân dân được quan tâm và cải thiện ngày một tốt hơn, hình thành lối sống văn minh, hiện đại.

4.2. Mặt hạn chế:

- Tốc độ đô thị hóa nhanh, phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và sự gia tăng dân số cơ học sẽ tạo áp lực lên các lĩnh vực giáo dục, y tế, việc làm...; làm thay đổi lối sống và cách sống từ nông thôn sang thành thị. Cấp ủy, chính quyền địa phương sẽ phải nỗ lực và đề ra các giải pháp trong công tác quản lý để đáp ứng tốt nhất yêu cầu về giáo dục đào tạo, y tế, việc làm... của nhân dân; thường xuyên tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân, không ngừng phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa tốt đẹp của địa phương.

- Thành lập thị trấn nên địa chỉ của tổ chức, công dân, giấy tờ cá nhân sẽ thay đổi, ảnh hưởng đến liên lạc và giao dịch; từng bước phải được thay đổi cho phù hợp; chính quyền địa phương sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, tổ chức trong việc cấp đổi các giấy tờ này; đảm bảo tiết kiệm thời gian, kinh phí.

5. Tác động đến phát triển đô thị

5.1. Mặt tích cực:

Thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh phù hợp với các quy hoạch, định hướng phát triển hệ thống đô thị của huyện và của tỉnh; tăng tỷ lệ đô thị hóa; tạo điều kiện để rà soát, tổ chức hợp lý các khu chức năng, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, khuôn viên công cộng, cây xanh đô thị...; từ đó có tác động đến việc thu hút, lao động, thúc đẩy sản xuất kinh doanh dịch vụ, tạo ra sự cân đối trong việc phân bố dân cư trên địa bàn thị trấn sau khi thành lập.

5.2. Mặt hạn chế:

Đô thị Hà Long và Hà Lĩnh đang có bước phát triển trong lĩnh vực dịch vụ, cơ sở hạ tầng, khu dân cư nên công tác quản lý đô thị không theo kịp quá trình phát triển có thể dẫn đến thiếu đồng bộ, không thống nhất trong phát triển đô thị; các địa phương phải thực hiện nghiêm các quy hoạch đô thị; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý đô thị sau khi thành lập thị trấn.

6. Tác động đến vệ sinh môi trường

6.1. Mặt tích cực:

Hiện nay, công tác xử lý vệ sinh môi trường ở đô thị Hà Long và Hà Lĩnh cơ bản được bảo đảm bảo cho yêu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt nên việc nhập, thành lập thị trấn ít thấy tác động xấu đến vệ sinh môi trường.

6.2. Mặt hạn chế:

Sự gia tăng lao động công nghiệp đến địa phương làm tăng lượng nước thải, rác thải sinh hoạt; quá trình đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình dân dụng, sản xuất làm tăng lượng rác thải công nghiệp, bụi và tiếng ồn; những yếu tố này làm tăng nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; các địa phương phải tập trung thông tin, tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp tích cực tham gia bảo vệ môi trường; đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải tập trung, đảm bảo tất cả rác thải sinh hoạt, rác thải nguy hại tại các xã, thị trấn đều được thu gom, xử lý.

7. Tác động về quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

7.1. Mặt tích cực:

- Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên nguồn lực để phát triển đô thị đạt tiêu chuẩn, tiêu chí của thành lập thị trấn, đã một lần nữa khẳng định quan điểm, chủ trương trong việc tập trung phát triển kinh tế, phát triển đô thị gắn với tăng cường bảo đảm quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.

- Thành lập thị trấn là tiền đề để mở rộng, xác định địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự, làm cơ sở kiện toàn lại tổ chức của lực lượng quân sự, tăng số lượng công an chính quy, tổ chức lực lượng bảo vệ dân phố nên sẽ góp phần củng cố, đảm bảo yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

- Sau khi thành lập thị trấn, lực lượng công an chính quy tăng thêm số lượng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác bảo đảm an ninh trật tự; cùng với đảng bộ, chính quyền và nhân dân thị trấn thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý hộ tịch, dân cư, phòng chống các tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn.

7.2. Mặt hạn chế:

Sự gia tăng dân số cơ học, lao động đến địa phương; khách đến làm việc, giao dịch tại các nhà máy, nhà xưởng, hộ kinh doanh cá thể gây áp lực lên công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội. Cấp ủy, chính quyền các thị trấn sau khi thành lập cần chủ động xây dựng phương án, phối hợp đơn vị liên quan ứng phó với các tình huống ảnh hưởng đến an ninh trật tự; bố trí đủ quân số cán bộ, chiến sỹ của công an thị trấn, giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội.

II. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÁC THỊ TRẤN

1. Định hướng phát triển thị trấn Hà Long

1.1. Mục tiêu, định hướng phát triển

1.1.1. Mục tiêu chung:

Xây dựng thị trấn Hà Long thành đô thị dịch vụ, du lịch phía Tây Bắc huyện Hà Trung, gắn với các di tích lịch sử (quốc miếu nhà Nguyễn), khu công nghiệp và nút giao (giữa Quốc lộ 217B và đường cao tốc Bắc Nam), đầu mối giao thông vùng Đông Bắc tỉnh; gắn với các dịch vụ thương mại, logistic; dịch vụ du lịch văn hóa lịch sử và sinh thái gắn với bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử (Quốc Miếu nhà Nguyễn); công nghiệp gắn liền với khu công nghiệp Hà Long - Bim Sơn và các cụm công nghiệp; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp dịch vụ nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp; khẳng định vai trò đô thị trung tâm, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng phía Tây Bắc huyện.

1.1.2. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội đến năm 2025:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 17,2% trở lên;
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 62 triệu đồng trở lên;
- Phần đầu trong nhiệm kỳ thành lập mới được 17 doanh nghiệp trở lên;
- Tỷ lệ tăng thu ngân sách bình quân hàng năm từ 12% trở lên;
- Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 đạt 78 ha;
- Tỷ lệ đường giao thông trên địa bàn (không tính Quốc lộ, Tỉnh lộ và đường huyện) được cứng hóa đến năm 2025 đạt 100%;
- Tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm 0,65%;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 1%;
- Tỷ lệ hộ cận nghèo đến năm 2025 còn 1,5%;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt 95%;
- Tỷ lệ gia đình có nhà ở đạt chuẩn đến năm 2025 đạt 90%;
- Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hằng năm đạt 100%;
- Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa đến năm 2025 đạt 82% trở lên;
- 100% các trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 trở lên và được công nhận lại chuẩn Quốc gia sau 5 năm;
- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 đạt 30% trở lên;
- Tỷ lệ người dân được dùng nước hợp vệ sinh đạt 100%; đến năm 2025, tỷ lệ người dân được dùng nước sạch đạt 70% trở lên;
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom, xử lý đến năm 2025 đạt 90%;

- Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự hàng năm đạt 77% trở lên, công tác Quốc phòng an ninh được đảm bảo.

1.1.3. Định hướng phát triển không gian và cải tạo đô thị:

- Định hướng phát triển công nghiệp: Khu vực phía Đông Bắc giáp khu công nghiệp Bim Sơn thành lập và phát triển khu công nghiệp Hà Long theo định hướng quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng được duyệt. Khu vực phía Tây Nam đô thị, thành lập và phát triển các cụm công nghiệp Hà Long I, II, III. Các khu vực phát triển công nghiệp là động lực quan trọng cho sự phát triển toàn đô thị.

- Định hướng phát triển nông nghiệp: Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao kết hợp dịch vụ nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí cao cấp từ chân núi Thiên Tôn đến chân núi Khe Cái, khu đất thuộc đất Nông trường Hà Trung (phía Tây cao tốc). Khu vực trung tâm xã gắn với phát huy giá trị di tích Lăng miếu Triệu Tường; bảo tồn, phát triển giống lúa Nếp Cái Hoa Vàng - Quý Hương.

- Định hướng phát triển thương mại, dịch vụ và đô thị: Tập trung theo tuyến Quốc lộ 217B. Trung tâm đô thị là khu vực gần nút giao cao tốc. Lấy khu vực di tích lịch sử Lăng miếu Triệu Tường làm hạt nhân, phát triển thương mại, dịch vụ và đô thị về hai phía Quốc lộ 217B.

-Tập trung cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông, cấp thoát nước, điện chiếu sáng tại các khu dân cư hiện có theo tiêu chuẩn hạ tầng đô thị. Tăng cường công tác đầu tư xây dựng, phát triển các khu dân cư mới đồng bộ. Không ngừng nâng cao công tác quản lý về quy hoạch và xây dựng trên địa bàn đô thị.

1.1.4. Mục tiêu, lộ trình phát triển đô thị:

- Giai đoạn đến năm 2025: Xây dựng phát triển đô thị Hà Long theo quy hoạch chung được phê duyệt; Công nhận khu vực xã Hà Long đạt các tiêu chí đô thị loại V và thành lập thị trấn Hà Long trên cơ sở nguyên trạng xã Hà Long.

- Các giai đoạn 2026 - 2030; 2031 - 2045: Hoàn thiện các chỉ tiêu theo tiêu chí đô thị loại V và các chỉ tiêu xác định tại quy hoạch chung đô thị Hà Long.

Bảng chỉ tiêu phát triển đô thị theo giai đoạn quy hoạch

TT	Chỉ tiêu phát triển đô thị	Đơn vị	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045
Nhóm chỉ tiêu về nhà ở							
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt tối thiểu	m ² / người	27,5	28	28	30	32

2	Tỷ lệ nhà kiên cố đạt tối thiểu	%	93	95	95	100	100
Nhóm chỉ tiêu về giao thông							
3	Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng tối thiểu	%	19,2	19,5	20	20	22
4	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng tối thiểu	%	9	9	10	10	10
Nhóm chỉ tiêu về cấp nước sạch							
5	Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch tối thiểu	%	60	90	100	100	100
6	Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người /ng.đ	90	90	90	95	100
Nhóm chỉ tiêu về thoát nước							
7	Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước/diện tích lưu vực thoát nước	%	70	80	85	90	100
8	Lượng nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tối thiểu	%	5	10	15	20	25
9	Cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm	%	100	100	100	100	100
10	Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	95	100	100	100	100
11	Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch tối đa	%	20	15	15	10	10
Nhóm chỉ tiêu thu gom, xử lý chất thải rắn							
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt, khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt tối thiểu	%	90	90	95	100	100

13	Tỷ lệ chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	100	100	100
Nhóm chỉ tiêu về chiếu sáng đô thị							
14	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	100	100	100	100	100
15	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng	%	75	75	80	85	90
Nhóm chỉ tiêu về cây xanh đô thị							
16	Đất cây xanh đô thị	m ² / người	170	165	162	158	155
17	Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² / người	2,5	6	6	6	6

1.1.5. Các nhiệm vụ trọng tâm phát triển:

a) Xây dựng đồng bộ hệ thống các loại quy hoạch phát triển đô thị :

- Triển khai các quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan, ưu tiên lập quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Hà Long, Cụm công nghiệp Hà Long I, II, III, các quy hoạch chi tiết cho các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng, phát triển thương mại - dịch vụ và đất ở dân cư đô thị, làm cơ sở cho việc đầu tư xây dựng đô thị theo quy hoạch.

- Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để tăng khả năng cạnh tranh trong thu hút vốn đầu tư phát triển kinh tế, xã hội.

- Rà soát, ưu tiên quỹ đất lập quy hoạch và kế hoạch phát triển công nghiệp, TTCN, thương mại - dịch vụ trên địa bàn nhằm cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số cạnh tranh, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ trên địa bàn đô thị Hà Long.

- Tập trung thực hiện hiệu quả hoạt động tuyên truyền, quảng bá giới thiệu, xúc tiến đầu tư để giới thiệu về tiềm năng, lợi thế để thu hút sự quan tâm, tìm hiểu và nghiên cứu đầu tư của các doanh nghiệp, thành phần kinh tế.

b) Phát triển dân số và lao động :

Để khắc phục, cải thiện các chỉ tiêu còn yếu liên quan đến dân số (mức tăng dân số hàng năm, quy mô dân số, mật độ dân số, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp) cần tập trung thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển các ngành công

nghiệp sử dụng nhiều lao động và phát triển thương mại - dịch vụ, phát triển các khu dân cư mới, khu ở tái định cư có chất lượng cao trên địa bàn, đồng thời cải tạo nâng cấp hạ tầng các khu dân cư hiện hữu để thu hút lao động đến làm ăn, sinh sống đầy nhanh tốc độ tăng dân số cơ học và chuyển dịch cơ cấu lao động.

c) Từng bước bảo tồn tôn tạo, phát huy giá trị của các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn gắn với du lịch, dịch vụ:

Trên địa bàn xã Hà Long có nhiều di tích lịch sử cấp Quốc gia như Đình làng Gia Miêu, nhà thờ họ Nguyễn và đặc biệt là Khu Lăng miếu Triệu Tường; ngoài ra có cụm di tích cấp tỉnh: Đền Đức Ông, đền Nước, đền Rồng và các di tích khác như lăng Trường Nguyên, đền Hai Bà, đền Quan Hoàng Triệu Tường, đình thôn Nghĩa Đụng. Việc từng bước bảo tồn tôn tạo các di tích lịch sử, di tích văn hóa nhằm phát huy phát huy giá trị của các di sản đồng thời gắn với các hoạt động kinh tế, dịch vụ du lịch văn hóa lịch sử và sinh thái, tạo nguồn lực phát triển đô thị. Tăng cường các nguồn lực từ xã hội trong đầu tư xây dựng, khai thác các dịch vụ du lịch, sinh thái.

d) Đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị :

- Nhà ở dân cư đô thị: Xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ cho khu dân cư đô thị mới. Cải tạo đơn vị ở hiện trạng trong đó chú trọng xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, đảm bảo cây xanh theo chuẩn đô thị loại V. Chú ý đến việc tăng khả năng dung nạp của các đơn vị ở hiện trạng để tăng hiệu quả đầu tư hạ tầng, đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người lao động, khi khu công nghiệp phát triển.

- Công trình Y tế: Kêu gọi, thu hút vốn xã hội hóa, đầu tư xây mới bệnh viện đa khoa để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh trên địa bàn; Tiếp tục đầu tư nâng cấp trang thiết bị y tế cho trạm y tế xã hiện nay.

- Công trình Giáo dục - đào tạo: Tăng cường dịch vụ giáo dục cho trẻ em trên cơ sở cân bằng dựa trên các khu dân cư tập trung theo định hướng quy hoạch; Kêu gọi, thu hút vốn xã hội hóa, đầu tư xây mới trường liên cấp THCS, THPT chất lượng cao tại vị trí trung tâm đô thị Hà Long.

- Công trình công viên cây xanh, công trình không gian công cộng cấp đô thị: Cấp chính quyền đô thị xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể thao, công viên tại khu trung tâm thể dục - thể thao hiện nay. Từng thôn tập trung nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao, sân vận động đơn giản.

- Công sở hành chính, trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị: Nâng cấp, mở rộng, chỉnh trang khu hành chính - chính trị hiện nay.

- Công trình thương mại - dịch vụ: Xây dựng trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp dân cư theo định hướng mô hình đô thị đồng bộ và tập trung.

- Cảnh quan đô thị: Giữ gìn cảnh quan tự nhiên hệ sinh thái hồ Bến Quân; Tôn trọng không gian kiến trúc các khu vực dân cư hiện có đặc biệt chú ý đối với các công trình văn hoá, tín ngưỡng hiện có tại khu vực; Phát triển các khu công viên cây xanh, cảnh quan theo hướng đồng bộ, văn minh, hiện đại đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của cư dân đô thị. Tổ chức cảnh quan đảm bảo phát triển bền vững, phù hợp môi trường cảnh quan đô thị.

- Giao thông: Tiếp tục nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới hệ thống đầu mối giao thông đối ngoại đảm bảo quy mô cấp vùng và tiến tới cấp liên vùng, quốc gia. Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 217B, Đường tỉnh 522B; Các tuyến giao thông kết nối KCN tập trung với đường Quốc lộ 217B; Tuyến giao thông kết nối khu Nông nghiệp Công nghệ cao; các tuyến đường giao thông kết nối các tiêu khu trên địa bàn. Đầu tư xây dựng Bến xe hỗn hợp Hà Long theo quy hoạch.

- Cấp điện, chiếu sáng đô thị: Nguồn từ trạm biến áp 110kV Hà Trung công suất $S = 40\text{MVA}-110/35/22\text{kV}$; Tuyến đường dây trung áp 35KV và 22KV; Đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng các trục chính đảm bảo 95% các tuyến phố chính có hệ thống chiếu sáng, điện sinh hoạt và điện sản xuất.

- Hạ tầng viễn thông thụ động: Với nhu cầu dự báo nhu cầu thuê bao điện thoại cố định, Internet băng thông rộng cố định, truyền hình qua mạng viễn thông trong khu vực nghiên cứu cần đầu tư nâng cấp trạm truy nhập vệ tinh, đảm bảo 100% số hộ được sử dụng hạ tầng mạng internet băng thông rộng.

- Cấp nước đô thị: Đầu tư xây dựng mới nhà máy nước nằm phía Nam hồ Bến Quân phục vụ cho đô thị và cụm công nghiệp với công suất $Q = 2.500\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ khai thác nguồn nước mặt hồ Bến Quân, trong giai đoạn dài hạn bổ sung nguồn nước thô từ phương án cấp nước cho KCN Bim Sơn tại Quyết định 1013/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Thoát nước thải đô thị và vệ sinh môi trường: Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải cho khu vực dân cư và khu công cộng với tổng công suất $2.200\text{m}^3/\text{ng.đêm}$; kết hợp xây dựng các trạm bơm tách nước thải vận chuyển toàn bộ nước thải thu gom về trạm xử lý. Xây dựng 02 trạm xử lý nước thải cho khu công nghiệp với tổng công suất $11.500\text{m}^3/\text{ng.đêm}$ (nước thải cho cụm công nghiệp $1.500\text{m}^3/\text{ng.đêm}$; nước thải cho khu công nghiệp $10.000\text{m}^3/\text{ng.đêm}$)

- Nghĩa trang đô thị: Mở rộng nghĩa trang Bãi Tròn tiểu khu Yên Vỹ xã Hà Long theo mô hình công viên nghĩa trang, từ quy mô 6,42 ha lên 11,6ha.

- Hạ tầng khu công nghiệp: Từng bước thành lập, thu hút đầu tư vào các Cụm công nghiệp Hà Long 1, Hà Long 2, Hà Long 3. Thành lập khu công nghiệp Hà Long khoảng 494 ha.

1.2. Nhu cầu vốn phát triển thị trấn Hà Long

Thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh Thanh Hóa và HĐND huyện Hà Trung phê duyệt danh mục dự án, công trình đầu tư. Căn cứ nhu cầu, đăng kí đầu tư hiện nay của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội quan tâm. Vốn và nguồn vốn phát triển thị trấn Hà Long được cụ thể tại Chương trình phát triển đô thị Hà Long¹². Theo đó tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn là 3.567,93 tỷ đồng; giai đoạn 2026 - 2030 là 3.555,67 tỷ đồng, gồm:

Bảng danh mục dự án, công trình đầu tư giai đoạn 2021 - 2025

TT	Danh mục dự án đang thực hiện và ưu tiên đầu tư	Tổng số	Nguồn vốn			
			Cấp Tỉnh, TW	Cấp huyện	Cấp xã	Doanh nghiệp, xã hội
Nhu cầu vốn (Tỷ đồng)		3.567,93	247,32	225,47	36,25	3.055,89
Tỷ lệ (%)		99,91	6,94	6,32	1,01	85,64
A	Hạ tầng kỹ thuật	116,27	-	72,37	27,40	16,50
A1	Giao thông	63,17	-	53,17	10,00	-
1	Đường từ nút giao cao tốc đi đường tỉnh 522B	33,17	-	33,17	-	-
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường đô thị khác	30,00	-	20,00	10,00	-
A2	Cấp điện, chiếu sáng đô thị	26,20	-	15,00	11,20	-
1	Hệ thống điện chiếu sáng, trang trí đường Quốc lộ 217B	15,00	-	15,00	-	-
2	Hệ thống điện chiếu sáng, trang trí tuyến đường đô thị	11,20	-	-	11,20	-
A3	Hạ tầng viễn thông thụ động	2,00	-	-	-	2,00
	Nâng cấp hạ tầng viễn thông (Hệ thống chuyển mạch, cáp quang, Internet ADSL, cột phát sóng, ...)	2,00	-	-	-	2,00
A4	Cấp, thoát nước	20,90	-	4,20	4,20	12,50
1	Hệ thống phân phối nước và	12,50	-	-	-	12,50

¹² Tại Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh.

	nhà máy nước sạch					
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến thoát nước đô thị	8,40	-	4,20	4,20	-
A5	Chất thải rắn, vệ sinh môi trường và nghĩa trang đô thị	4,00	-	-	2,00	2,00
1	Tường bao, dải cây xanh cách ly một số nghĩa trang nhỏ	2,00	-	-	2,00	-
2	Đầu tư hệ thống thu gom chất thải rắn	2,00	-	-	-	2,00
B	Hạ tầng kinh tế - xã hội	3.448,66	247,32	153,11	8,85	3.039,39
B1	Công trình văn hóa - thể dục thể thao, Công viên cây xanh	271,31	197,32	19,99	-	54,00
1	Tu bổ, tôn tạo Lăng Trường Nguyên-Thiên Tôn (DT-03)	120,00	80,00	-	-	40,00
2	Nhà thờ họ Nguyễn	5,00	-	-	-	5,00
3	Đất tôn giáo (giáo họ Dũng Lược)	5,00	-	-	-	5,00
4	Bãi đỗ xe khu Lăng Miếu Triệu Tường	17,91	17,91	-	-	-
5	Tu bổ, tôn tạo di tích LSVH đình Gia Miêu Chuyển tiếp 2	12,00	8,00	4,00	-	-
6	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lăng miếu Triệu Tường (DT-01; DT-02) Chuyển tiếp 2	107,40	91,41	15,99	-	-
7	Đầu tư, nâng cấp một số nhà văn hóa khu phố	4,00	-	-	-	4,00
B2	Công trình giáo dục - đào tạo	16,14	-	15,00	1,14	-
1	Xây dựng mới một số phòng học, nâng cấp các phòng học cũ, tu sửa công trình phụ trợ trường tiểu học Hà Long 1	15,00	-	15,00	-	-
2	Cải tạo, chỉnh trang trường mầm non Hà Long (GD-05)	1,14	-	-	1,14	-
B3	Công trình y tế	7,00	-	4,67	2,33	-

	Xây mới và đầu tư trang thiết bị trạm y tế xã	7,00	-	4,67	2,33	-
B4	Công sở hành chính	-	-	-	-	-
B5	Khu dân cư đô thị	161,81	-	113,45	5,37	42,98
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư mới xã Hà Long	40,50	-	40,50	-	-
2	Khu xen cư và tái định cư phía Nam khu lăng miếu Triệu Tường	40,00	-	40,00	-	-
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồi, xã Hà Long	8,78	-	8,78	-	-
4	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồi, xã Hà Long, huyện Hà Trung (Chuyển tiếp 2)	18,80	-	18,80	-	-
5	Sắp xếp, cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư hiện hữu đô thị	53,73	-	5,37	5,37	42,98
B6	Công nghiệp, TTCN, làng nghề	1.790,38	-	-	-	1.790,38
1	Đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Hà Long I (CCN-01)	605,88	-	-	-	605,88
4	Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Hà Long (KCN-01)	800,44	-	-	-	800,44
5	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Bắc khu A - khu công nghiệp Bim Sơn (trên địa bàn xã Hà Long)	235,95	-	-	-	235,95
6	Đầu tư khu sản xuất nông nghiệp CNC (NNC-01)	148,10	-	-	-	148,10
B7	Thương mại, dịch vụ, công trình khác	1.140,20	-	-	-	1.140,20
1	QH đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khu đồng Lô 2, Lô 2 ngoài, Lô 2 trong, Lô 1	106,43	-	-	-	106,43
2	QH đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khu đồng Đàm Trung	38,88	-	-	-	38,88

3	Khu nhà máy Cty TNHH MTV DLH Thanh Hóa	22,84	-	-	-	22,84
4	Khu sản xuất kinh doanh Đại Dương	4,37	-	-	-	4,37
5	Nhà máy chế biến Dừa	24,30	-	-	-	24,30
6	Khu thương mại dịch vụ Hà Long (khu đồng Lô 1, Lô 3, Lô 4)	116,15	-	-	-	116,15
7	Khu biệt thự nghỉ dưỡng	160,38	-	-	-	160,38
8	Khu Shohouse liền kề	34,02	-	-	-	34,02
9	Khu công viên chủ đề	75,60	-	-	-	75,60
10	Khu Thương mại dịch vụ (thuộc khu dân cư TDC và nhà ở xã hội TMDV Hà Long)	48,11	-	-	-	48,11
11	Khu thương mại dịch vụ đồng Bầy Thửa	16,04	-	-	-	16,04
12	Khu dịch vụ thương mại Hà Long (đồng Đông Ngang)	9,72	-	-	-	9,72
13	Đầu tư xây dựng quần thể sân golf Hà Long (DVTT-01)	221,76	-	-	-	221,76
14	Đầu tư khu hỗn hợp (DVTM, SXKD, ...) số 01 (HH-01)	46,07				46,07
18	Đầu tư khu dịch vụ nghỉ dưỡng (DVDL-01)	76,32	-	-	-	76,32
19	Đầu tư khu trang trại kết hợp dịch vụ du lịch (RSXT-02)	139,20	-	-	-	139,20
B8	Hạ tầng kỹ thuật đầu mối, công trình khác	61,83	50,00	-	-	11,83
1	Xây dựng tuyến 35KV lộ 376, nâng cấp lộ 475 trạm 110 KV Bim Sơn (E9.23) chống quá tải cho trạm 110 KV	50,00	50,00	-	-	-
2	Đầu tư Chợ (DVTM-05)	11,83	-	-	-	11,83

Bảng danh mục dự án, công trình đầu tư giai đoạn 2026 - 2030

TT	Danh mục dự án ưu tiên đầu tư	Tổng số	Nguồn vốn			
			Cấp Tỉnh, TW	Cấp huyện	Cấp xã	Doanh nghiệp, xã hội
	Nhu cầu vốn (Tỷ đồng)	3.555,67	320,54	62,47	60,51	2.554,15
	Tỷ lệ (%)	100,00	9,02	17,45	1,70	71,83
A	Hạ tầng kỹ thuật	489,07	254,27	163,94	54,37	16,50
A1	Giao thông	450,97	254,27	159,74	36,97	-
1	Dự án đầu tư tuyến nối từ QL.217B vào khu Nông nghiệp công nghệ cao và sân Golf Hà Long;	77,39	77,39	-	-	-
2	Đường từ nút giao cao tốc đi khu CN Hà Long	92,86	92,86	-	-	-
3	Đường Đồng Toàn đi Đại Sơn (nối 2 đầu QL.217B)	112,76	-	112,76	-	-
4	Nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 217B qua đô thị (Mặt cắt 46m theo quy hoạch chung đô thị)	80,92	26,97	26,97	26,97	-
5	Đường vành đai phía Nam KCN Hà Long	57,04	57,04	-	-	-
6	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường đô thị khác	30,00	-	20,00	10,00	-
A2	Cấp điện, chiếu sáng đô thị	11,20	-	-	11,20	-
	Hệ thống điện chiếu sáng, trang trí tuyến đường đô thị	11,20	-	-	11,20	-
A3	Hạ tầng viễn thông thụ động	2,00	-	-	-	2,00
	Nâng cấp hạ tầng viễn thông (Hệ thống chuyển mạch, cáp quang, Internet ADSL, cột phát sóng, ...)	2,00	-	-	-	2,00
A4	Cấp, thoát nước	20,90	-	4,20	4,20	12,50

1	Hệ thống phân phối nước và nhà máy nước sạch	12,50	-	-	-	12,50
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến thoát nước đô thị	8,40	-	4,20	4,20	-
A5	Chất thải rắn, vệ sinh môi trường và nghĩa trang đô thị	4,00	-	-	2,00	2,00
1	Tường bao, dải cây xanh cách ly một số nghĩa trang nhỏ	2,00	-	-	2,00	-
2	Đầu tư hệ thống thu gom chất thải rắn	2,00	-	-	-	2,00
B	Hạ tầng kinh tế - xã hội	3.066,59	66,27	456,54	6,13	2.537,65
B1	Công trình văn hóa - thể dục thể thao, Công viên cây xanh	122,60	66,27	19,33	-	37,00
1	Tu bổ, tôn tạo di tích LSVH đình Gia Miêu Chuyển tiếp 2	8,00	5,33	2,67	-	-
2	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lăng miếu Triệu Tường (DT-01; DT-02) Chuyển tiếp 2	71,60	60,94	10,66	-	-
3	Mở rộng đền Rồng Đền Nước	21,00	-	3,00	-	18,00
4	Tu bổ, tôn tạo đền Đức Ông	18,00	-	3,00	-	15,00
5	Đầu tư, nâng cấp một số nhà văn hóa khu phố	4,00	-	-	-	4,00
B2	Công trình giáo dục - đào tạo	0,76	-	-	0,76	-
	Cải tạo, chỉnh trang trường mầm non Hà Long (GD-05)	0,76	-	-	0,76	-
B3	Công trình y tế	-	-	-	-	-
B4	Công sở hành chính	1,39	-	1,39	-	-
	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an	1,39	-	1,39	-	-
B5	Khu dân cư đô thị	484,18	-		5,37	42,98

				435,82		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tại xã Hà Long, huyện Hà Trung (Vị trí 3)	70,00	-	70,00	-	-
2	Hạ tầng khu dân cư mới (DCM-01)	52,65	-	52,65	-	-
3	Khu dân cư mới (DCM-03, DCM-04, DCM-05)	97,20	-	97,20	-	-
4	Hạ tầng khu dân cư mới, tái định cư, nhà ở xã hội và dịch vụ thương mại	210,60	-	210,60	-	-
5	Sắp xếp, cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư hiện hữu đô thị	53,73	-	5,37	5,37	42,98
B6	Công nghiệp, TTCN, làng nghề	1.465,48	-	-	-	1.465,48
1	Đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Hà Long II (CCN-02)	359,64	-	-	-	359,64
2	Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Hà Long (KCN-01)	800,44	-	-	-	800,44
3	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Bắc khu A - khu công nghiệp Bim Sơn (trên địa bàn xã Hà Long)	157,30	-	-	-	157,30
4	Đầu tư khu sản xuất nông nghiệp CNC (NNC-01)	148,10	-	-	-	148,10
B7	Thương mại, dịch vụ, công trình khác	955,84	-	-	-	955,84
1	QH đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khu đồng Lô 2, Lô 2 ngoài, Lô 2 trong, Lô 1	70,96	-	-	-	70,96
2	QH đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp khu đồng	25,92	-	-	-	25,92

	Đầm Trung					
3	Khu nhà máy Cty TNHH MTV DLH Thanh Hóa	15,23	-	-	-	15,23
4	Khu sản xuất kinh doanh Đại Dương	2,92	-	-	-	2,92
5	Nhà máy chế biến Dừa	16,20	-	-	-	16,20
6	Khu thương mại dịch vụ Hà Long (khu đồng Lô 1, Lô 3, Lô 4)	77,44	-	-	-	77,44
7	Khu biệt thự nghỉ dưỡng	106,92	-	-	-	106,92
8	Khu Shohouse liền kề	22,68	-	-	-	22,68
9	Khu công viên chủ đề	50,40	-	-	-	50,40
10	Khu Thương mại dịch vụ (thuộc khu dân cư TDC và nhà ở xã hội TMDV Hà Long)	32,08	-	-	-	32,08
11	Khu thương mại dịch vụ đồng Bảy Thửa	10,69	-	-	-	10,69
12	Khu dịch vụ thương mại Hà Long (đồng Đông Ngang)	6,48	-	-	-	6,48
13	Đầu tư xây dựng quần thể sân golf Hà Long (DVTT-01)	221,76	-	-	-	221,76
14	Đầu tư khu hỗn hợp (DVTM, SXKD, ...) số 01 (HH-01)	30,71				30,71
15	Đầu tư khu hỗn hợp (DVTM, SXKD, ...) số 03 (HH-03)	49,95				49,95
16	Đầu tư khu dịch vụ nghỉ dưỡng (DVDL-01)	76,32	-	-	-	76,32
17	Đầu tư khu trang trại kết hợp dịch vụ du lịch (RSXT-02)	139,20	-	-	-	139,20
B8	Hạ tầng kỹ thuật đầu mối, công trình khác	36,34	-	-	-	36,34

	Đầu tư Bến xe hỗn hợp Hà Long (HTKT-01)	24,51	-	-	-	24,51
--	---	-------	---	---	---	-------

2. Định hướng phát triển thị trấn Hà Lĩnh

2.1. Mục tiêu, định hướng phát triển đô thị

2.1.1. Mục tiêu chung:

- Là đô thị phía Tây Nam huyện Hà Trung gắn với nút giao giữa Quốc lộ 217 và đường bộ cao tốc Bắc Nam; đầu mối giao thông vùng Đông Bắc tỉnh gắn với dịch vụ kho vận, thương mại cấp vùng; dịch vụ du lịch văn hóa lịch sử và sinh thái; công nghiệp tiểu thủ công nghiệp gắn liền với các CCN Hà Lĩnh.

- Khẳng định vai trò đô thị trung tâm, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng phía Tây Nam huyện Hà Trung.

2.1.2. Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 16,5% trở lên ;
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 65 triệu đồng;
- Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao khoảng 61ha.
- Số doanh nghiệp thành lập mới đến năm 2025 là 12 doanh nghiệp;
- Tỷ lệ tăng thu ngân sách hàng năm vượt chỉ tiêu huyện giao 10%;
- Tỷ lệ thôn đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2025 đạt 80%;
- Tỷ lệ cứng hóa đường giao thông trên địa bàn (không tính QL, tỉnh lộ và đường huyện) năm 2025 đạt 100%;
- Tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm 0,6- 0,7%;
- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2025 giảm còn dưới 2%;
- Tỷ lệ dân số tham gia BHYT trên tổng số dân số năm 2025 đạt 98%;
- Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt trên 97 %;
- Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được tiêm phòng hàng năm 100%;
- Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa năm 2025 đạt 92%;
- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 giữ ổn định 45%;
- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2025 đạt 100%, trong đó tỷ lệ dân số được dùng nước sạch tập trung 60%;
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2025 đạt 95%;
- Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT đạt trên 90%.

2.1.3. Định hướng phát triển không gian đô thị:

- Định hướng phát triển chức năng dịch vụ kho vận, thương mại cấp vùng: Phát triển chủ yếu tại phía Đông thị trấn, tại khu vực giao tuyến Quốc lộ 217 và Tỉnh lộ 522B. Phát triển trung tâm thương mại đầu mối chính của vùng, có chức năng là trung tâm phát luồng hàng hoá và đầu mối các hoạt động thương mại và dịch vụ xã hội chính cho huyện, với các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại dịch vụ du lịch, dịch vụ vận tải, kho bãi và các cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Dịch vụ du lịch văn hóa lịch sử và sinh thái gắn với phát triển nông nghiệp: Khoanh vùng bảo vệ di tích không làm ảnh hưởng đến quy hoạch bảo tồn di tích. Phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng khu vực Đồng Cánh Gió. Ổn định không gian cho phát triển nông nghiệp (trồng lúa Nếp Hạt Cau), tạo không gian đệm, tạo cảnh quan cho di tích và đảm bảo tầm nhìn đối với khu di tích. Đối với các khu vực danh lam thắng cảnh khu rừng Sến Tam Quy, các hồ đập (Đập Cầu, Đập Ngang, Đập Chuông) cần được bảo tồn, tôn tạo để phát huy các yếu tố đặc trưng của cảnh quan đô thị gắn liền với các danh thắng này.

- Định hướng về phát triển công nghiệp TTCN gắn liền với các cụm công nghiệp Hà Lĩnh về phía Tây đô thị, là động lực quan trọng phát triển toàn đô thị.

- Tập trung cải tạo, chỉnh trang, bổ sung hệ thống cơ sở hạ tầng, sân chơi, vườn hoa cây xanh, từng bước nâng cấp đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị, đảm bảo quy mô theo quy chuẩn. Tăng cường công tác đầu tư xây dựng, phát triển các khu dân cư mới đồng bộ. Không ngừng nâng cao công tác quản lý về quy hoạch, xây dựng trên địa bàn đô thị.

2.1.4. Mục tiêu, lộ trình phát triển đô thị:

- Giai đoạn đến năm 2025: Xây dựng phát triển đô thị Hà Lĩnh theo quy hoạch chung được phê duyệt; Công nhận khu vực xã Hà Lĩnh đạt các tiêu chí đô thị loại V và thành lập thị trấn Hà Lĩnh trên cơ sở nguyên trạng xã Hà Lĩnh.

- Các giai đoạn 2026 - 2030; 2031 - 2045: Hoàn thiện các chỉ tiêu theo tiêu chí đô thị loại V và các chỉ tiêu xác định tại quy hoạch chung đô thị Hà Lĩnh.

Một số chỉ tiêu phát triển đô thị

TT	Chỉ tiêu phát triển đô thị	Đơn vị	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045
Nhóm chỉ tiêu về nhà ở							

1	Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt tối thiểu	m ² / người	28	28	30	31	32
2	Tỷ lệ nhà kiên cố đạt tối thiểu	%	95	95	95	100	100
Nhóm chỉ tiêu về giao thông							
3	Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng tối thiểu	%	45	40	40	40	40
4	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng tối thiểu	%	9	9	10	10	10
Nhóm chỉ tiêu về cấp nước sạch							
5	Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch tối thiểu	%	100	100	100	100	100
6	Tiêu chuẩn cấp nước	lít/người /ng.đ	80	90	90	95	100
Nhóm chỉ tiêu về thoát nước							
7	Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước/ diện tích lưu vực thoát nước	%	70	80	85	90	100
8	Lượng nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tối thiểu	%	5	10	15	20	25
9	Cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm	%	100	100	100	100	100
10	Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	95	100	100	100	100
11	Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch tối đa	%	15	15	10	10	10
Nhóm chỉ tiêu thu gom, xử lý chất thải rắn							

12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt, khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt tối thiểu	%	90	90	95	100	100
13	Tỷ lệ chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	100	100	100
Nhóm chỉ tiêu về chiếu sáng đô thị							
14	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	100	100	100	100	100
15	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng	%	75	75	80	85	90
Nhóm chỉ tiêu về cây xanh đô thị							
16	Đất cây xanh toàn đô thị	m ² /người	585	585	583	580	580
17	Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² /người	3	6	6	6	6

2.1.5. Các nhiệm vụ trọng tâm phát triển đô thị:

a) Xây dựng đồng bộ các loại quy hoạch phát triển đô thị.

Triển khai các quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan, ưu tiên lập quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Hà Lĩnh, các quy hoạch chi tiết cho các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng, phát triển thương mại - dịch vụ và đất ở dân cư đô thị, làm cơ sở cho việc đầu tư xây dựng đô thị theo quy hoạch trong tương lai.

b) Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để tăng khả năng cạnh tranh trong thu hút vốn đầu tư phát triển kinh tế, xã hội.

Rà soát, ưu tiên quỹ đất lập quy hoạch và kế hoạch phát triển công nghiệp, TTCN, thương mại - dịch vụ trên địa bàn nhằm cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số cạnh tranh, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ trên địa bàn đô thị Hà Lĩnh.

Tập trung thực hiện hiệu quả hoạt động tuyên truyền, quảng bá giới thiệu, xúc tiến đầu tư để giới thiệu về tiềm năng, lợi thế để thu hút sự quan tâm, tìm hiểu, nghiên cứu đầu tư của các doanh nghiệp, thành phần kinh tế trong xã hội.

c) Phát triển dân số và lao động :

Để khắc phục, cải thiện các chỉ tiêu còn yếu liên quan đến dân số (mức tăng dân số hàng năm, quy mô dân số, mật độ dân số, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp) cần tập trung thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động và phát triển thương mại - dịch vụ, phát triển các khu dân cư mới, khu ở tái định cư có chất lượng cao trên địa bàn, đồng thời cải tạo nâng cấp hạ tầng các khu dân cư hiện hữu để thu hút lao động đến làm ăn, sinh sống đẩy nhanh tốc độ tăng dân số cơ học và chuyển dịch cơ cấu lao động.

d) Phát triển dịch vụ du lịch văn hóa lịch sử và sinh thái gắn với phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn:

Từng bước bảo tồn tôn tạo các di tích lịch sử, di tích văn hóa trên địa bàn đã được công nhận gồm các đình làng Thanh Xá, Tiên Hòa, Bái Ân gắn với xây dựng, tôn tạo Chùa Cao trên đỉnh núi Tiên Hòa nhằm giữ gìn, phát huy giá trị di sản, gắn với phát triển du lịch, dịch vụ và các hoạt động cộng đồng của cư dân đô thị. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, tổ chức hội thảo, tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử đối với khu vực khảo cổ di tích Cồn cổ ngựa. Đây là khu vực khảo cổ học tuy chưa được công nhận nhưng là địa điểm thu hút các nhà khoa học, các nhà khảo cổ và khách du lịch đến với khu vực. Ngoài ra khu vực Đồng Cánh Gió; rừng Sến Tam Quy, hồ Đập Ngang, hồ Đập Cầu cũng là những địa điểm cần tập trung nghiên cứu, khai thác làm hạt nhân để phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

e) Đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị.

- Nhà ở dân cư đô thị: Tập trung xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ cho khu dân cư đô thị mới. Đồng thời cải tạo đơn vị ở hiện trạng trong đó chú trọng xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, đảm bảo cây xanh theo chuẩn đô thị loại V. Đầu tư hạ tầng, đáp ứng nhu cầu cung cấp nhà ở cho người lao động.

- Công trình Y tế: Kêu gọi, thu hút vốn xã hội hóa, đầu tư xây mới bệnh viện đa khoa để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh trên địa bàn; Tiếp tục đầu tư nâng cấp trang thiết bị y tế cho trạm y tế xã hiện nay.

- Công trình Giáo dục - đào tạo: Tăng cường dịch vụ giáo dục cho trẻ em trên cơ sở cân bằng dựa trên các khu dân cư tập trung theo định hướng quy hoạch; Kêu gọi, thu hút vốn xã hội hóa, đầu tư xây mới trường liên cấp THCS, THPT chất lượng cao tại vị trí phía Nam đô thị Hà Lĩnh.

- Công trình Văn hoá - TDTT, công viên cây xanh, công trình không gian công cộng cấp đô thị: Cấp chính quyền đô thị xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể thao, công viên tại khu trung tâm hiện nay. Từng thôn tập trung nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao, sân vận động đơn giản.

- Công sở hành chính, trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị: Nâng cấp, mở rộng, chỉnh trang khu hành chính - chính trị hiện nay.

- Công trình thương mại - dịch vụ: Xây dựng trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp dân cư theo định hướng mô hình đô thị đồng bộ và tập trung.

- Cảnh quan đô thị: Giữ gìn cảnh quan tự nhiên hệ sinh thái sông Bông Khê; Tôn trọng không gian kiến trúc các khu vực dân cư hiện có đặc biệt chú ý đối với các công trình văn hoá, tín ngưỡng hiện có tại khu vực; Phát triển các khu công viên cây xanh, cảnh quan theo hướng đồng bộ, văn minh, hiện đại đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của cư dân đô thị. Tổ chức cảnh quan đảm bảo phát triển bền vững, phù hợp môi trường cảnh quan đô thị.

- Giao thông: Tiếp tục nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới hệ thống đầu mối giao thông đối ngoại đảm bảo quy mô cấp vùng và tiến tới cấp liên vùng, quốc gia. Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 217, Đường tỉnh 522B.

Tập trung đầu tư xây dựng và hoàn thiện tuyến Đường từ nút giao cao tốc xã Hà Lĩnh đi đền Hàm Sơn Cô Bơ (đường tỉnh 522B kéo dài).

- Cấp điện, chiếu sáng đô thị: Nguồn từ trạm biến áp 110kV Hà Trung công suất $S = 40\text{MVA}$ -110/35/22kV; tuyến đường dây trung áp 35KV và 22KV; Đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng các trục chính đảm bảo 95% các tuyến phố chính có hệ thống chiếu sáng, điện sinh hoạt và điện sản xuất công nghiệp.

- Hạ tầng viễn thông thụ động: Với nhu cầu dự báo nhu cầu thuê bao điện thoại cố định, Internet băng thông rộng cố định, truyền hình qua mạng viễn thông trong khu vực nghiên cứu cần đầu tư nâng cấp trạm truy nhập vệ tinh, đảm bảo 80% số hộ được sử dụng hạ tầng mạng internet băng thông rộng.

- Cấp nước đô thị: Nguồn nước sạch cho đô thị được lấy từ nhà máy nước Vĩnh Hùng; xây dựng mới trạm bơm tăng áp công suất 2.900m³/ ngày đêm tại khu vực phía Nam QL217 thuộc làng Bái Ân giáp với xã Vĩnh Minh.

- Thoát nước thải đô thị và vệ sinh môi trường:

+ Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải TXLNT1 cho khu vực dân cư và khu công cộng với tổng công suất 1.200m³/ng.đêm; kết hợp xây dựng các 2 trạm bơm tách nước thải vận chuyển toàn bộ nước thải thu gom về trạm xử lý.

+ Xây dựng 01 trạm xử lý nước thải cho CCN công suất 1.800m³/ng.đêm.

- Nghĩa trang đô thị: Xây dựng mới nghĩa trang đô thị Hà Lĩnh theo mô hình công viên nghĩa trang tại khe núi Biềng Kha và Ngọc Sơn quy mô 11ha.
- Hạ tầng công nghiệp: Mở rộng diện tích CCN Hà Lĩnh II thành 55,8ha.

1.2. Nhu cầu vốn phát triển thị trấn Hà Lĩnh

Thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh Thanh Hóa và HĐND huyện Hà Trung phê duyệt danh mục dự án, công trình đầu tư. Căn cứ nhu cầu, đăng kí đầu tư hiện nay của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội quan tâm. Vốn và nguồn vốn phát triển thị trấn Hà Lĩnh được cụ thể tại Chương trình phát triển đô thị Hà Lĩnh¹³. Theo đó tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn là 1.267,95 tỷ đồng; giai đoạn 2026 - 2030 là 1.019,38 tỷ đồng, gồm:

Bảng danh mục dự án, công trình đầu tư giai đoạn 2021 - 2025

TT	Danh mục dự án đang thực hiện và ưu tiên đầu tư	Tổng số	Nguồn vốn			
			Cấp Tỉnh, TW	Cấp Huyện	Cấp xã	Doanh nghiệp, xã hội
Nhu cầu vốn (tỷ đồng)		1.267,95	38,43	417,61	92,48	719,43
Tỷ lệ (%)		100,00	3,04	32,94	7,29	56,73
A	Hạ tầng kỹ thuật	260,00	38,43	176,91	39,17	5,50
A1	Giao thông	175,80	18,43	142,98	14,40	-
1	Đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại Hà Lĩnh) - cụm di tích đền Hàn Sơn, đền Cô Bơ xã Hà Sơn	55,28	18,43	36,85	-	-
2	Tuyến đường Trung tâm đô thị từ Quốc lộ 217 đi Tiên Sơn xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung	53,06	-	53,06	-	-
3	Đường giao thông từ đường cả đi Vĩnh Thịnh	53,06		53,06		
4	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường đô thị khác	14,40	-	-	14,40	-
A2	Cấp điện, chiếu sáng đô thị	16,20	-	10,60	5,60	-
1	Hệ thống điện chiếu sáng, trang trí đường QL217	5,00		5,00		-
2	Hệ thống điện chiếu sáng, trang	11,20	-	5,60	5,60	-

¹³ Tại Quyết định số 2080/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh.

	trí các tuyến đường đô thị					
A3	Hạ tầng viễn thông thụ động	2,00	-	-	-	2,00
	Nâng cấp hạ tầng viễn thông (Hệ thống chuyển mạch, cáp quang, Internet ADSL, cột phát sóng, ...)	2,00	-	-	-	2,00
A4	Cấp, thoát nước	60,00	20,00	23,33	16,67	-
1	Cải tạo, nâng cấp rãnh thoát nước, bó vỉa và lát đá vỉa hè QL217 trên địa bàn Hà Lĩnh	40,00	20,00	10,00	10,00	
2	Cải tạo một số tuyến thoát nước đô thị	20,00	-	13,33	6,67	-
A5	Chất thải rắn, vệ sinh môi trường và nghĩa trang đô thị	6,00	-	-	2,50	3,50
1	Đầu tư hệ thống thu gom chất thải rắn	3,00	-	-	1,00	2,00
2	Tường bao, dải cây xanh cách ly một số nghĩa trang nhỏ lẻ	3,00	-	-	1,50	1,50
B	Hạ tầng kinh tế - xã hội	1.007,95	-	240,70	53,32	713,93
B1	Công trình văn hóa - thể dục thể thao, Công viên cây xanh	55,00	-	30,00	9,00	16,00
1	Tu bổ, tôn tạo Chùa Cao (TGDT-01)	30,00		30,00		
2	Bru điện văn hoá xã Hà Lĩnh	5,00			5,00	
3	Tu bổ, tôn tạo Đình Thanh Xá (DT-03)	10,00	-	-	2,00	8,00
4	Tu bổ, tôn tạo Đình Bái Ân	10,00	-	-	2,00	8,00
B2	Công trình giáo dục - đào tạo	-	-	-	-	-
B3	Công trình y tế	-	-	-	-	-
B4	Công sở hành chính	-	-	-	-	-
B5	Khu dân cư đô thị	285,21	-	156,37	14,32	114,53
1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung để phục vụ Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn - Quốc lộ 45 thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông Chuyển tiếp 1017 - 2020	1,25	-	1,25	-	-
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định	42,30	-	42,30	-	-

	cư và khu dân cư mới xã Hà Lĩnh					
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư mới phía Tây đường Sơn - Lĩnh, xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung	51,00	-	51,00	-	-
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới tại xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung (Vị trí 1)	40,00	-	40,00	-	-
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đất ở khu dân cư Đồng Trước Thôn 1, xã Hà Lĩnh	7,50		7,50		
6	Sắp xếp, cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư hiện hữu	143,16	-	14,32	14,32	114,53
B6	Công nghiệp, TTCN, làng nghề	277,50	-	-	-	277,50
	Đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Hà Lĩnh II	277,50	-	-	-	277,50
B7	Thương mại, dịch vụ, du lịch công trình khác	304,24	-	-	-	304,24
1	Khu DVTM Thanh Xá 1 gần với Chợ Thanh Xá	100,00				100,00
2	Khu thương mại nằm trên QL217 tại thôn Tiên Hòa 2	23,31	-	-	-	23,31
3	Khu thương mại Gìn	7,22	-	-	-	7,22
4	Khu thương mại dịch vụ Hà Lĩnh	104,90	-	-	-	104,90
5	Khu dịch vụ thương mại Hà Lĩnh (Mạnh Phú)	6,66	-	-	-	6,66
6	Đầu tư khu hỗn hợp (DVTM, SXKD, ...) số 01 (HH-01, HH-02, HH-03)	62,16				62,16
B8	Hạ tầng kỹ thuật đầu mối, công trình khác	86,00	-	54,33	30,00	1,67
1	Đập dâng giữ nước sông Bồng Khê	5,00	-	3,33	-	1,67
2	Sửa chữa nâng cao an toàn chứa nước hồ Đập Cầu	21,00	-	21,00	-	-
3	Đầu tư tuyến mương sau đập Cầu đến trạm bơm Sa Đu	10,00			10,00	

4	Nạo vét, kè mái sông Bồng Khê	50,00		30,00	20,00	
---	-------------------------------	-------	--	-------	-------	--

Bảng danh mục dự án, công trình đầu tư giai đoạn 2026 - 2030

TT	Danh mục dự án ưu tiên đầu tư	Tổng số	Nguồn vốn			
			Cấp Tỉnh, TW	Cấp Huyện	Cấp xã	Doanh nghiệp và xã hội
Nhu cầu vốn (tỷ đồng)		1.019,38	9,60	252,67	52,58	704,53
Tỷ lệ (%)		100,00	0,95	24,79	5,15	69,11
A	Hạ tầng kỹ thuật	164,66	9,60	116,60	33,47	5,00
A1	Giao thông	107,26	-	92,86	14,40	-
1	Tuyến đường Trung tâm đô thị từ Quốc lộ 217 đi Tiên Sơn xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung	35,38	-	35,38	-	-
2	Đường giao thông từ đường cả đi Vĩnh Thịnh	35,38		35,38		
3	Đường giao thông từ Đường tỉnh lộ 522B đi nhà văn hóa khu tái định cư	22,11		22,11		
4	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường đô thị khác	14,40	-	-	14,40	-
A2	Cấp điện, chiếu sáng đô thị	30,40	9,60	10,40	10,40	-
1	Hệ thống điện chiếu sáng, trang trí đường Tỉnh lộ 522B	19,20	9,60	4,80	4,80	-
2	Hệ thống điện chiếu sáng, trang trí các tuyến đường đô thị	11,20	-	5,60	5,60	-
A3	Hạ tầng viễn thông thụ động	2,00	-	-	-	2,00
	Nâng cấp hạ tầng viễn thông (Hệ thống chuyển mạch, cáp quang, Internet ADSL, cột phát sóng, ...)	2,00	-	-	-	2,00
A4	Cấp, thoát nước	20,00	-	13,33	6,67	-
	Cải tạo một số tuyến thoát nước	20,00	-	13,33	6,67	-

	đô thị					
A5	Chất thải rắn, vệ sinh môi trường và nghĩa trang đô thị	5,00	-	-	2,00	3,00
1	Đầu tư hệ thống thu gom chất thải rắn	3,00	-	-	1,00	2,00
2	Tường bao, dải cây xanh cách ly một số nghĩa trang nhỏ lẻ	2,00	-	-	1,00	1,00
B	Hạ tầng kinh tế - xã hội	854,72	-	136,07	19,12	699,53
B1	Công trình văn hóa - thể dục thể thao, Công viên cây xanh	44,00	-	-	4,80	39,20
1	Tu bổ, tôn tạo Đình Thanh Xá (DT-03)	10,00	-	-	2,00	8,00
2	Tu bổ, tôn tạo Đình Bái Ân	10,00	-	-	2,00	8,00
3	Tu bổ, tôn tạo khu Nghè thôn Tiên Hòa 2	20,00				20,00
4	Đầu tư, cải tạo một số nhà văn hóa khu phố	4,00	-	-	0,80	3,20
B2	Công trình giáo dục - đào tạo	-	-	-	-	-
B3	Công trình y tế	-	-	-	-	-
B4	Công sở hành chính	3,00	-	3,00	-	-
1	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an	3,00	-	3,00	-	-
B5	Khu dân cư đô thị	211,92	-	83,07	14,32	114,53
1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và khu dân cư mới xã Hà Lĩnh	28,20	-	28,20	-	-
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và dân cư mới phía Tây đường Sơn - Lĩnh, xã Hà Lĩnh, huyện Hà Trung	34,00	-	34,00	-	-
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồng Trước dọc Quốc lộ 217 thôn 2, xã Hà Lĩnh	3,06	-	3,06	-	-
4	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồng Cồn Quy thôn 8 và Trung tâm xã Hà Lĩnh (Chuyển tiếp 1)	3,50	-	3,50	-	-

5	Sắp xếp, cải tạo, nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư hiện hữu đô thị	143,16	-	14,32	14,32	114,53
B6	Công nghiệp, TTCN, làng nghề	143,19	-	-	-	143,19
	Tiếp tục đầu tư, mở rộng quy mô hạ tầng cụm công nghiệp Hà Lĩnh II theo QHC được duyệt	143,19	-	-	-	143,19
B7	Thương mại, dịch vụ, du lịch công trình khác	389,43	-	-	-	389,43
1	Khu thương mại nằm trên QL217 tại thôn Tiên Hòa 2	15,54	-	-	-	15,54
2	Khu thương mại Gìn	4,81	-	-	-	4,81
3	Khu thương mại dịch vụ Hà Lĩnh	69,93	-	-	-	69,93
4	Khu dịch vụ thương mại Hà Lĩnh (Mạnh Phú)	4,44	-	-	-	4,44
5	Đầu tư khu dịch vụ du lịch ven sông Bồng Khê (DL-02)	39,60	-	-	-	39,60
6	Đầu tư khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Đồng Cánh Gió (DL-01)	213,67	-	-	-	213,67
7	Đầu tư khu hỗn hợp (DVTM, SXKD, ...) số 01 (HH-01, HH-02, HH-03)	41,44				41,44
B8	Hạ tầng kỹ thuật đầu mối, công trình khác	63,18	-	50,00	-	13,18
1	Nâng cấp hồ Đập Ngang	50,00		50,00		
2	Đầu tư Bến xe hỗn hợp (HTKT-01)	13,18	-	-	-	13,18

3. Giải pháp huy động nguồn lực phát triển các thị trấn

3.1. Giải pháp chung

3.1.1. Hoàn chỉnh hệ thống các loại quy hoạch phát triển đô thị; nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước theo quy hoạch được duyệt:

Triển khai các quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan, ưu tiên lập quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Hà Long, Cụm công nghiệp Hà Long, các quy hoạch chi tiết cho các dự án xây dựng hạ

tăng kỹ thuật, công trình công cộng, phát triển thương mại - dịch vụ và đất ở dân cư đô thị, làm cơ sở cho việc đầu tư xây dựng đô thị theo quy hoạch.

3.1.2. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển:

- Thu hút mạnh và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư để phát triển hạ tầng đô thị, tránh lãng phí. Đối với các tuyến đường xây dựng mới hoặc mở rộng cần đi kèm với các dự án phát triển dọc hai bên đường, dùng nguồn kinh phí thu được từ bán đấu giá các quỹ đất để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hệ thống các công trình phúc lợi công cộng (nâng cấp hạ tầng trong các khu dân cư hiện hữu, phát triển trường học, cây xanh đô thị).

- Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước: Chủ động nắm bắt các chủ trương, chính sách mới của Nhà nước, phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành của Trung ương và tỉnh, lồng ghép đưa các dự án, công trình trọng điểm của huyện vào các chương trình mục tiêu, dự án chuyên ngành của Tỉnh và Trung ương, ... để tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên. Khai thác có hiệu quả các nguồn vốn trên địa bàn huyện cho phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Đối với nguồn vốn của doanh nghiệp, tư nhân: Tạo môi trường ổn định, thông thoáng cho các nhà đầu tư đầu tư kinh doanh hạ tầng đô thị. Thực hiện các biện pháp để đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong đầu tư phát triển; huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế, có hiệu quả quỹ đất đô thị, chú trọng phát triển thị trường bất động sản có sự quản lý của Nhà nước. Hình thành và quản lý sử dụng quỹ phát triển đất theo quy định của pháp luật, huy động nguồn lực từ việc sử dụng đất và giá trị quyền sử dụng đất.

- Đối với nguồn vốn dân cư: Đẩy mạnh công tác xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư phát triển trong các lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, nhà ở... theo phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”. Xác định việc sử dụng ngân sách Nhà nước đầu tư phát triển đô thị đúng chỗ, hiệu quả, có tác dụng làm hạt nhân kích thích thu hút đầu tư từ nguồn ngoài ngân sách Nhà nước. Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị theo hình thức BOT, PPP. Cải cách gọn nhẹ thủ tục hành chính trong đầu tư phát triển đô thị, đặc biệt đối với các dự án từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, nhà ở... nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

- Đối với nguồn vốn đầu tư nước ngoài: Quản lý chặt chẽ và sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát nguồn vốn. Ưu tiên vốn ngân sách đầu tư vào các công trình trọng điểm thuộc kết cấu hạ tầng kỹ thuật khung để tạo động lực phát triển kinh tế - xã

hội tại các đô thị. Đối với vốn ngoài ngân sách, ưu tiên đầu tư phát triển các dịch vụ công cộng như cấp nước sạch, xử lý môi trường, chiếu sáng đô thị, nhà ở...

3.1.3. Tăng cường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị:

Chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khung (giao thông, điện, nước, thoát nước, vệ sinh môi trường...); phát triển kết hợp chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng xã hội (nhà ở, công trình công cộng, công viên, cây xanh) góp phần hoàn thiện không gian cảnh quan đô thị; chú ý xây dựng kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo tương ứng với quy mô dân số từng đô thị.

3.1.4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển đô thị:

Nghiên cứu, điều chỉnh chuyển dịch cơ cấu lao động theo tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Nâng cao trình độ lao động, đặc biệt đối với người nông dân bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp. Có cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp tham gia trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Có chính sách thu hút và đãi ngộ thích hợp, tạo điều kiện để tiếp nhận các nhà quản lý giỏi, các chuyên môn giỏi, công nhân có tay nghề cao, lao động có kinh nghiệm... đến sinh sống và làm việc tại khu vực.

Tăng cường liên kết với các cơ sở đào tạo nghề trong nước để mở rộng quy mô đào tạo, khuyến khích các doanh nghiệp cùng tham gia đào tạo công nhân có tay nghề cao gắn với bố trí việc làm sau đào tạo, ưu tiên đào tạo những ngành nghề mà nền kinh tế có nhu cầu trong lĩnh vực dịch vụ thương mại, công nghiệp, TTCN, nông nghiệp công nghệ cao.

3.1.5. Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để giải phóng sức sản xuất, ưu tiên phát triển thương mại - dịch vụ và công nghiệp, bảo tồn, phát huy giá trị các di sản, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Về thương mại - dịch vụ: Ưu tiên thu hút đầu tư hệ thống hạ tầng thương mại - dịch vụ như trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng, nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, khu vui chơi giải trí, trung tâm tổ chức sự kiện ... Đa dạng các loại hình kinh doanh thương mại dịch vụ, ưu tiên phát triển các loại dịch vụ, dịch vụ mới thu hút nhiều lao động và có thu nhập cao.

- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Tập trung tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về đất đai, vốn đầu tư, lao động, thị trường tiêu thụ để tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các cơ sở công nghiệp hiện hoạt động ổn định và hiệu quả.

- Về nông nghiệp: Tập trung đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao nhằm tạo ra khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn, có chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm để cung cấp cho thị trường và hướng tới xuất khẩu.

- Về bảo tồn, phát huy giá trị di sản: Huy động các nguồn lực trong xã hội trong công tác phát triển văn hóa. Phục dựng, bảo tồn tôn tạo các di tích lịch sử, di tích văn hóa nhằm phát huy các giá trị di sản gắn liền với phát triển dịch vụ, du lịch. Ưu tiên nguồn vốn từ ngân sách trong thực hiện nhiệm vụ phục dựng, bảo tồn các di sản; các nguồn vốn khác đầu tư phát triển các dịch vụ, du lịch.

3.1.6. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân.

Phát triển toàn diện, đồng bộ lĩnh vực văn hóa, quan tâm xây dựng môi trường văn hoá đô thị văn minh. Thực hiện tốt phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”, khu phố văn hóa, cơ quan văn hóa, gia đình văn hóa. Nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và trách nhiệm công dân trong việc xây dựng, bảo vệ và góp phần quản lý, phát triển đô thị văn minh, bền vững.

Tiếp tục phân cấp, phân công nhiệm vụ cụ thể trong công tác đầu tư, hoàn thiện các thiết chế văn hóa trên địa bàn. Trong đó cấp xã, huyện tập trung đầu tư, kêu gọi đầu tư các thiết chế văn hóa cấp đô thị; từng thôn, từng khu vực tập trung hoàn thiện các thiết chế văn hóa cấp khu ở.

3.2. Giải pháp đối với nhóm tiêu chuẩn chưa đạt tiêu chí đô thị loại V

3.2.1. Đối với đô thị Hà Long:

Đô thị Hà Long có 8 tiêu chuẩn chưa đạt điểm theo quy định, gồm: (1) Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở) (Đại học, cao đẳng, THCN và DN, THPT); (2) Công trình đầu mối giao thông (Cảng hàng không, sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe ô tô) (Cấp); (3) Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngàydêm); (4) Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%); (5) Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị; (6) Tỷ lệ giữa số lượng các tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số các tuyến phố trong đô thị (tính từ đường phân khu vực trở lên) (%); (7) Công trình xanh được cấp giấy chứng nhận (công trình); (8) Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh (khu).

Giải pháp:

- Nhóm các tiêu chuẩn về giao thông gồm: Đầu mối giao thông (Cảng hàng không, sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe ô tô); Mật độ đường giao thông (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7,0\text{m}$):

Tuy mật độ đường giao thông thuộc nhóm tiêu chuẩn đã có điểm do áp dụng yếu tố đặc thù là đô thị thuộc vùng miền núi. Nhưng về cơ bản vẫn xác định đẩy mạnh việc mở rộng quy mô, nâng cấp chất lượng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị tại địa phương, cụ thể như sau:

+ Đối với các dự án giao thông mới: Quy hoạch đồng bộ và triển khai quy hoạch với mặt cắt có bề rộng phần xe chạy tối thiểu 7,0m. Một số tuyến đã và đang triển khai gồm tuyến đường từ nút giao cao tốc đi đường tỉnh 522B; tuyến nối từ QL.217B vào khu Nông nghiệp công nghệ cao và sân Golf Hà Long; tuyến đường từ nút giao cao tốc đi khu CN Hà Long. Đến năm 2030 có các tuyến Đường QL.217B tránh khu trung tâm đô thị.

+ Đối với các tuyến đường hiện trạng: Tiến hành rà soát, nâng cấp các tuyến đường hiện trạng như tuyến đường Đồng Toàn đi Đại Sơn (tuyến trục Đông Tây đô thị); đường vành đai phía Nam KCN Hà Long nhằm kết nối các khu vực đô thị. Đồng thời nâng cấp tuyến giao thông chính qua khu vực trung tâm đô thị (Quốc lộ 217B hiện nay) với mặt cắt theo quy hoạch được duyệt.

+ Đối với công trình đầu mối giao thông: Khu vực nút giao Cao tốc Bắc - Nam và đường Quốc lộ 217B đã cơ bản hoàn thành. Hiện nay, nhiều nhà đầu tư quan tâm và đề nghị thực hiện dự án Bến xe hỗn hợp tại đô thị. Địa phương đang hỗ trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết để triển khai dự án, sớm đi vào hoạt động đáp ứng yêu cầu phát triển của đô thị, nhu cầu giao thương trên địa bàn, đồng thời đảm bảo tiêu chuẩn về đầu mối giao thông theo quy định.

- Tiêu chuẩn về Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngày đêm):

Xác định sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là tiêu chuẩn thiết yếu, quan trọng đối với đô thị. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã ban hành Chương trình hành động về xây dựng, phát triển đô thị Hà Long trong đó dự án cấp nước sạch tập trung thuộc danh mục ưu tiên đầu tư giai đoạn đầu. Trên cơ sở đó, UBND huyện, Đảng ủy xã, UBND xã đã xây dựng các kế hoạch cụ thể nhằm hiện thực hóa Chương trình này. Hiện nay, Địa phương đang hỗ trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết để triển khai dự án. Phấn đấu đến năm 2025 nhà máy nước sạch đi vào hoạt động đáp ứng yêu cầu phát triển của đô thị, đồng thời đảm bảo tiêu chuẩn về Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung.

- Tiêu chuẩn tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt chuẩn kỹ thuật (%).

Trước mắt, để xử lý tốt các vấn đề về xử lý nước thải đô thị. Đối với các khu dân cư, khu đô thị, dự án mới sẽ kiên quyết yêu cầu các nhà đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, trạm xử lý nước thải riêng biệt trước khi nghiệm thu để hoạt động. Đề xuất các loại trạm xử lý nước thải với quy mô vừa và nhỏ như cụm bể xử lý nước thải tại chỗ chế tạo bằng nhựa Composite BASTAFAT-F hoặc trạm xử lý nước thải hợp khối bằng nhựa tổng hợp Composite – AFSB-F hay Bê tông cốt thép – AFSB-C. Đối với các khu dân cư hiện trạng, giám sát, yêu cầu hạn chế, hướng tới nghiêm cấm các xây dựng công trình sản xuất, chăn nuôi trong khu vực ở. Khuyến khích các hộ gia đình đầu tư hệ thống thu gom và

xây dựng bể xử lý tự hoại, giảm thiểu xả nước thải trực tiếp ra môi trường. Phần đầu đến trước năm 2030, tối thiểu 10% nước thải đô thị được xử lý.

Giai đoạn dài hạn, sẽ đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý tập trung cho toàn đô thị, bảo môi trường đô thị, đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại V.

- Tiêu chuẩn về Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị: Tiếp tục quan tâm, đầu tư nâng cấp trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo trên địa bàn. Hiện nay, UBND huyện đã đưa dự án cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị (trường liên cấp THCS&THPT) vào danh mục các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 làm cơ sở kêu gọi đầu tư đáp ứng nhu cầu giáo dục - đào tạo ngày càng cao của Nhân dân trong, ngoài khu vực.

- Nhóm tiêu chuẩn về Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị và Tỷ lệ giữa số lượng các tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số các tuyến phố trong đô thị (tính từ đường phân khu vực trở lên) (%).

Ngày 13/10/2023, UBND tỉnh Thanh Hóa có Quyết định số 3746/QĐ-UBND ban hành quy Quy định quản lý theo đề án Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045. Trên cơ sở đó, địa phương đang tiến hành lập và đề nghị UBND tỉnh xem xét, ban hành Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị làm cơ sở quản lý kiến trúc, quy hoạch đảm bảo đô thị phát triển hài hòa, bền vững. Trong những năm gần đây địa phương đã tích cực tổ chức tuyên truyền nếp sống văn hóa mới để tiến tới xây dựng các tuyến phố văn minh đô thị; đồng thời tổ chức các cuộc hội nghị chuyên đề về nếp sống văn hóa văn minh đô thị gắn với xây dựng tuyến phố văn minh đô thị và ban hành nhiều văn bản quy định về xây dựng tuyến phố văn minh, khu phố văn minh đô thị, cũng như các quy định liên quan đến văn minh đô thị. Trên cơ sở đó, sẽ ban hành bộ tiêu chuẩn về tuyến phố văn minh đô thị làm cơ sở xây dựng và công nhận các tuyến phố văn minh đô thị tại địa phương.

- Nhóm tiêu chuẩn về Công trình xanh được cấp giấy chứng nhận (công trình); Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh (khu): Địa phương xác định việc xây dựng các công trình xanh, khu đô thị, khu dân cư theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao nhằm mục tiêu xây dựng đô thị thông minh, hiện đại, văn minh. Đây là công việc phải được quan tâm, ưu tiên phát triển.

Giai đoạn trước mắt, sẽ chủ động xây dựng các cơ chế khuyến khích, kêu gọi, ưu tiên các cơ quan, doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn và cộng đồng cùng chung tay xây dựng đô thị theo mô hình xanh, thông minh. Chủ động tiếp cận, cử cán bộ các cơ quan, cùng cộng đồng, doanh nghiệp trên địa bàn tham gia học hỏi, nâng cao trình độ, nghiệp vụ về quản lý quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị theo mô hình xanh, sinh thái, thông minh, công trình xanh. Hỗ trợ tối

đa, hướng dẫn về thủ tục pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện. Giai đoạn dài hạn, phải đề xuất các tiêu chí, mục tiêu cụ thể, bắt buộc, cũng như quản lý chặt chẽ trong công tác quy hoạch, xây dựng nhằm phát triển đô thị theo mô hình xanh, sinh thái, thông minh, công trình xanh.

3.1.2. Đối với đô thị Hà Lĩnh:

Đô thị Hà Lĩnh có 8 tiêu chuẩn chưa đạt điểm theo quy định đối với đô thị loại V, gồm: (1) Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở) (Đại học, cao đẳng, THCN và DN, THPT); (2) Công trình đầu mối giao thông (Cảng hàng không, sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe ô tô) (cấp); (3) Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%); (4) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%); (5) Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị; (6) Tỷ lệ giữa số lượng các tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số các tuyến phố trong đô thị (tính từ đường phân khu vực trở lên) (%) ; (7) Công trình xanh được cấp giấy chứng nhận (công trình); (8) Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh (khu).

Giải pháp:

- Tiêu chuẩn về Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở) (Đại học, cao đẳng, THCN và DN, THPT): Tiếp tục quan tâm, đầu tư nâng cấp trang thiết bị nhằm nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo trên địa bàn. Hiện nay, UBND huyện đã đưa dự án cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị (trường liên cấp THCS&THPT) vào danh mục các dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2026 - 2030 làm cơ sở kêu gọi đầu tư đáp ứng nhu cầu giáo dục - đào tạo.

- Tiêu chuẩn về công trình Đầu mối giao thông (Cảng hàng không, sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe ô tô): Khu vực nút giao Cao tốc Bắc – Nam và đường Quốc lộ 217 đã cơ bản hoàn thành. Hiện nay, nhiều nhà đầu tư quan tâm và đề nghị thực hiện dự án Bến xe hỗn hợp tại đô thị. Địa phương đang hỗ trợ, hướng dẫn các thủ tục cần thiết để triển khai dự án, sớm đi vào hoạt động đáp ứng yêu cầu phát triển của đô thị, nhu cầu giao thương trên địa bàn, đồng thời đảm bảo tiêu chuẩn về đầu mối giao thông theo quy định.

- Tiêu chuẩn tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt chuẩn kỹ thuật (%): Trước mắt, để xử lý tốt các vấn đề về xử lý nước thải đô thị. Đối với các khu dân cư, khu đô thị, dự án mới sẽ kiên quyết yêu cầu các nhà đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, trạm xử lý nước thải riêng biệt trước khi nghiệm thu để hoạt động. Đề xuất các loại trạm xử lý nước thải với quy mô vừa và nhỏ như cụm bể xử lý nước thải tại chỗ chế tạo bằng nhựa Composite BASTAFAT-F hoặc trạm xử lý nước thải hợp khối bằng nhựa tổng hợp Composite - AFSB-F hay Bê tông cốt thép - AFSB-C. Đối với các khu dân cư hiện trạng, giám sát, yêu cầu hạn

chế, hướng tới nghiêm cấm các xây dựng công trình sản xuất, chăn nuôi trong khu vực ở. Khuyến khích các hộ gia đình đầu tư hệ thống thu gom và xây dựng bể xử lý tự hoại, giảm thiểu xả nước thải trực tiếp ra môi trường. Phấn đấu đến trước năm 2030, tối thiểu 10% nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật. Giai đoạn dài hạn, Chương trình phát triển đô thị đã xác định lộ trình trong giai đoạn 2030 - 2035 sẽ đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý tập trung, đảm bảo môi trường đô thị, đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại V.

- Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%): Hiện nay chất thải nguy hại trên địa bàn chủ yếu phát sinh từ sinh hoạt và lao động hàng ngày của người dân trong xã, tỷ lệ chất thải nguy hại trên địa bàn khá thấp (chủ yếu là túi nilon trong sinh hoạt, các loại chai lọ, thuốc bảo vệ thực vật và các chất thải như dầu mỡ tại các cơ sở sản xuất, sửa chữa tư nhân nhỏ lẻ) tuy nhiên vẫn chưa được phân loại tại nguồn, xử lý riêng biệt đảm bảo môi trường. Trong thời gian tới khi CCN Hà Lĩnh II đi vào hoạt động, chính quyền địa phương sẽ đồng hành cùng với nhà đầu tư để đấu nối, ký hợp đồng với đơn vị thu gom và xử lý chất thải nguy hại để xử lý một cách triệt để. Bên cạnh đó các cấp chính quyền địa phương sẽ tiếp tục tuyên truyền, phổ biến đến rộng rãi người dân về công tác thu gom, phân loại rác thải nguy hại tại nguồn, đồng thời hạn chế các hoạt động xả chất thải nguy hại đến môi trường.

- Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: Trên cơ sở Quy hoạch chung được duyệt. Hiện nay, địa phương đang tiến hành lập và đề nghị UBND tỉnh xem xét, ban hành Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị làm cơ sở quản lý kiến trúc, quy hoạch.

- Tỷ lệ giữa số lượng các tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số các tuyến phố trong đô thị (tính từ đường phân khu vực trở lên) (%): Trong những năm gần đây địa phương đã tích cực tổ chức tuyên truyền nếp sống văn hóa mới để tiến tới xây dựng các tuyến phố văn minh đô thị; đồng thời tổ chức các cuộc hội nghị chuyên đề về nếp sống văn hóa văn minh đô thị gắn với xây dựng tuyến phố văn minh đô thị và ban hành nhiều văn bản quy định về xây dựng tuyến phố văn minh, khu phố văn minh đô thị, cũng như các quy định liên quan đến văn minh đô thị. Trên cơ sở đó, sẽ ban hành bộ tiêu chuẩn về tuyến phố văn minh đô thị làm cơ sở xây dựng và công nhận các tuyến phố văn minh đô thị.

- Nhóm tiêu chuẩn về công trình xanh được cấp giấy chứng nhận (công trình) và tiêu chuẩn Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh (khu): Đây là công việc phải được quan tâm, ưu tiên phát triển trong giai đoạn tới. Giai đoạn trước mắt, sẽ chủ động xây dựng các cơ chế khuyến khích, kêu gọi, ưu tiên các cơ quan, doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn và cộng đồng cùng chung tay xây dựng đô thị theo mô hình xanh, thông minh. Chủ động tiếp cận, cử cán bộ các cơ

quan, cùng cộng đồng, doanh nghiệp tham gia học hỏi, nâng cao trình độ, nghiệp vụ về quản lý quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị theo mô hình xanh, sinh thái, thông minh, công trình xanh. Hỗ trợ tối đa, hướng dẫn về thủ tục pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện. Giai đoạn dài hạn, sẽ đề xuất các tiêu chí, mục tiêu cụ thể, bắt buộc, cũng như quản lý chặt chẽ trong công tác quy hoạch, xây dựng nhằm phát triển đô thị theo mô hình xanh, sinh thái, thông minh.

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC BỘ MÁY ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

1. Giải pháp tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức thị trấn

1.1. Tổ chức chính quyền địa phương

- Đại biểu Hội đồng nhân dân xã thành đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn Hà Long, Hà Lĩnh và hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026.

- Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của các thị trấn cơ bản giữ nguyên bộ máy và cán bộ, công chức của các xã như hiện nay.

Do quá chuyển từ tổ chức chính nông thôn sang chính quyền đô thị, một số chức danh sau khi thành lập thị trấn phải bố trí lại cho phù hợp với chức năng đơn vị hành chính đô thị (chức danh phụ trách lĩnh vực nông nghiệp); tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho đại biểu HĐND, cho cán bộ, công chức thị trấn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền đô thị; riêng Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND và công chức địa chính - xây dựng của thị trấn tập trung bồi dưỡng thêm các nội dung chuyên sâu về quản lý, quy hoạch đô thị, môi trường, dân cư.

1.2. Tổ chức các đơn vị sự nghiệp

- Tổ chức các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trạm y tế ở thị trấn thực hiện trên cơ sở nguyên trạng tổ chức hiện nay của các đơn vị.

- Số lượng viên chức các trường học, trạm y tế trên địa bàn thị trấn thực hiện trên cơ sở nguyên trạng số lượng viên chức hiện nay của các đơn vị.

1.3. Số lượng người hoạt động không chuyên trách và chủ tịch hội

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách thị trấn và ở các tiểu khu bố trí theo quy định tại Nghị quyết số 232 của Hội đồng nhân dân tỉnh (không quá 10 người ở thị trấn và không quá 03 người ở tiểu khu).

- Các tổ chức hội bố trí theo quy định điều lệ tổ chức; thực hiện việc kiêm nhiệm giữa người hoạt động không chuyên trách cấp xã và chủ tịch hội để giảm số lượng người hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước.

1.4. Tổ chức và hoạt động của các tiểu khu

Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập thị trấn, UBND huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa xem xét, quyết định chuyển các thôn hiện nay thành các tiểu khu (tổ dân phố).

3. Kết quả rà soát hiện trạng các đơn vị hành chính các cấp thuộc huyện Hà Trung chưa đảm bảo tiêu chuẩn trong giai đoạn 2023 - 2025

3.1. Hiện trạng đơn vị hành chính

3.1.1. Huyện Hà Trung:

Theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; huyện Hà Trung đạt 54,21% tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và đạt 109,64% tiêu chuẩn quy mô dân số.

3.1.2. Các xã, thị trấn thuộc huyện Hà Trung:

a) Đối với 03 thị trấn: thị trấn Hà Trung đạt tiêu chuẩn quy mô dân số và đạt 36,55% tiêu chuẩn diện tích; các thị trấn Hà Long, thị trấn Hà Lĩnh đều đạt tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định.

TT	Đơn vị	Diện tích (km ²)	Dân số (người)	Đánh giá so với tiêu chuẩn
1	Thị trấn Hà Trung	5,12	11.133	36,55% DT; 139,16% DS
2	Thị trấn Hà Long	48,41	10.679	345,79% DT; 133,49% DS
3	Thị trấn Hà Lĩnh	24,09	8.598	172,06% DT; 107,48% DS

b) Đối với 17 xã còn lại: Có 05 xã đạt dưới 70% hai tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số hoặc đạt đồng thời dưới 20% tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và dưới 300% tiêu chuẩn quy mô dân số theo Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; cụ thể:

TT	Đơn vị	Diện tích (km ²)	Dân số (Người)	Đánh giá
1	Xã Hà Giang	8,86	4.537	29,54% DT; 56,71% DS
2	Xã Hà Ngọc	4,12	4.156	13,72% DT; 51,95% DS
3	Xã Hà Hải	5,03	4.474	16,78% DT; 55,93% DS
4	Xã Hà Thái	6,00	4.328	20,01% DT; 54,1% DS
5	Xã Hà Lai	6,88	4.884	22,92% DT; 61,05% DS

3.2. Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã của huyện Hà Trung

UBND tỉnh Thanh Hóa đã xây dựng Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2023 - 2025 (Phương án số 269/PA-UBND ngày 27/10/2023). Trong đó 05 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Hà Trung chưa đạt chuẩn nêu trên thực hiện như sau:

3.2.1. Nhập toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Hà Thái (có diện tích tự nhiên là 6,00 km², đạt 20,01% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.328 người, đạt 54,10% so với tiêu chuẩn) và toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số của xã Hà Lai (có diện tích tự nhiên là 6,88 km², đạt 22,92% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số là 4.884 người, đạt 61,05% so với tiêu chuẩn).

a) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC:

Sau Cách mạng tháng 08/1945, xã Hà Thái và xã Hà Lai thuộc xã Phi Lai, sau đó xã Phi Lai được chia thành các xã nhỏ: Hà Thái, Hà Lai. Vì vậy, nhập xã Hà Thái, Hà Lai là phù hợp với truyền thống lịch sử, phong tục, tập quán, đặc điểm dân cư; hệ thống giao thông kết nối bảo đảm tạo điều kiện thuận lợi cho lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, quản lý của chính quyền địa phương và sinh hoạt, giao dịch hành chính, học tập, khám chữa bệnh của Nhân dân.

b) Kết quả sau khi sắp xếp, đơn vị hành chính mới có:

- Diện tích tự nhiên: 12,88 km² (đạt 42,93% so với tiêu chuẩn).
- Quy mô dân số: 9.212 người (đạt 115,15% so với tiêu chuẩn).
- Các đơn vị hành chính liền kề: các xã: Hà Châu, Hà Hải, Hà Bình, Lĩnh Toại, Yên Sơn, Hoạt Giang và thị trấn Hà Trung thuộc huyện Hà Trung.
- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC: Trụ sở xã Hà Lai hiện nay.

3.2.2. Chưa đề nghị sắp xếp đối với 03 ĐVHC cấp xã do có các yếu tố đặc thù không thuộc diện bắt buộc sắp xếp trong giai đoạn 2023 - 2025:

a) Xã Hà Hải: Lý do không thực hiện sắp xếp:

Quy hoạch xây dựng đô thị Gũ, huyện Hà Trung đến năm 2040¹⁴: xác định phạm vi quy hoạch đô thị Gũ gồm các xã: Hà Hải, Hà Châu, Lĩnh Toại. Xã Hà Hải là đơn vị hành chính nông thôn quy hoạch phát triển thành đơn vị hành chính đô thị; thuộc trường hợp không bắt buộc sắp xếp ĐVHC (quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15).

¹⁴ Phê duyệt tại Quyết định số 4784/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

b) Xã Hà Giang: Lý do không thực hiện sắp xếp:

(1) Khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các ĐVHC liền kề:

Xã Hà Giang khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với đơn vị hành chính liền kề, do bị chia cắt với xã Hà Bắc bởi đường cao tốc Bắc - Nam; chia cắt với xã Hà Tiến bởi sông Hoạt và không có đường giao thông kết nối trung tâm hai xã. Xã thuộc trường hợp không bắt buộc sắp xếp do khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các đơn vị hành chính liền kề (quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15).

(2) Không đảm bảo nguyên tắc về sự phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị khi sắp xếp các đơn vị hành chính liền kề khác:

Xã Hà Giang giáp xã Hà Long là xã thuộc phạm vi quy hoạch đô thị (hiện đang lập đề án thành lập thị trấn Hà Long); nên sắp xếp xã Hà Giang và xã Hà Long sẽ không đảm bảo nguyên tắc về sự phù hợp với quy hoạch đô thị đã được phê duyệt (quy định tại Khoản 3, Điều 2 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15).

c) Xã Hà Ngọc: Lý do không thực hiện sắp xếp:

(1) Khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với các ĐVHC liền kề:

Xã Hà Ngọc khó tổ chức giao thông kết nối thuận lợi với đơn vị hành chính liền kề, do bị chia cắt với xã Hà Sơn, Hà Đông (là các xã thuộc khu vực miền núi, khó tổ chức giao thông, có đồng bào công giáo sinh sống) bởi dãy núi Chum Vàng. Xã thuộc trường hợp không bắt buộc sắp xếp do khó tổ chức giao thông kết nối với các đơn vị hành chính liền kề (quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15).

(2) Có đặc điểm về truyền thống lịch sử riêng biệt:

Xã Hà Ngọc được công nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân năm 1998. Xã Hà Ngọc thuộc trường hợp không bắt buộc sắp xếp do có đặc điểm về truyền thống lịch sử riêng biệt với ĐVHC liền kề (quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15).

(3) Không đảm bảo nguyên tắc về sự phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị khi sắp xếp các đơn vị hành chính liền kề khác:

Xã Hà Ngọc giáp thị trấn Hà Trung nhưng không thuộc phạm vi quy hoạch thị trấn Hà Trung; nên sắp xếp xã Hà Ngọc và thị trấn Hà Trung sẽ không đảm bảo nguyên tắc về sự phù hợp với quy hoạch đô thị đã được phê duyệt (quy định tại Khoản 3, Điều 2 Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15).

IV. GIẢI PHÁP BỐ TRÍ TRỤ SỞ LÀM VIỆC VÀ CHUYỂN ĐỔI GIẤY TỜ CỦA TỔ CHỨC, CÔNG DÂN

1. Giải pháp bố trí, sử dụng trụ sở làm việc

1.1. Thị trấn Hà Long:

Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể chính trị - xã hội của xã Hà Long hiện nay.



Ảnh: Công sở thị trấn Hà Long sau khi thành lập

1.2. Thị trấn Hà Lĩnh:

Giữ nguyên trụ sở làm việc của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể chính trị - xã hội của xã Hà Lĩnh hiện nay.

2. Giải pháp chuyển đổi một số giấy tờ cơ bản của công dân

Để tạo điều kiện cho người dân thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan, sau khi thành lập, UBND thị trấn (đơn vị hành chính mới) phối hợp với cơ quan công an và đơn vị có liên quan lập kế hoạch tiến hành thực hiện chuyển đổi giấy tờ cho người dân; phân công người phụ trách địa bàn, lịch làm việc với công dân theo từng tiểu khu; trong đó ưu tiên thực hiện đối với những trường hợp người dân có nhu cầu chuyển đổi ngay, cấp bách. Đối với các loại giấy tờ còn lại, UBND thị trấn có thông báo, hướng dẫn để người dân nếu có nhu cầu chuyển đổi đến làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Phần thứ năm**KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa trong thời gian qua đã có những tác động nhiều mặt đến các xã Hà Long và Hà Lĩnh, làm cho việc tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền địa phương theo mô hình xã như hiện nay không còn phù hợp, cần thiết phải tổ chức chính quyền đô thị để đáp ứng yêu cầu phát triển và tốc độ đô thị hóa diễn ra trên địa bàn.

Thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh sẽ tạo điều kiện khai thác tốt hơn tiềm năng của các địa phương; tổ chức lại dân cư, sắp xếp hợp lý nguồn lao động; tạo ra động lực mới cho sự phát triển; tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước; góp phần vào việc nâng cao tỷ lệ đô thị hóa của huyện Hà Trung nói riêng và tỉnh Thanh Hóa nói chung./.

UBND TỈNH THANH HÓA

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

TÓM TẮT ĐỀ ÁN

**Thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh
thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa**

*(Tài liệu phục vụ lấy ý kiến cử tri kèm theo Công văn số:/UBND-THKH
ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

I. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ TRẤN HÀ LONG, HÀ LĨNH

1.1. Huyện Hà Trung là địa phương có lịch sử hình thành lâu đời, giàu truyền thống cách mạng; cách về phía Bắc thành phố Thanh Hóa khoảng 25 km, thuộc vùng trung tâm động lực Thạch Thành - Bim Sơn; có lợi thế nổi trội về giao thông như đường cao tốc Bắc - Nam với 02 nút giao trên địa bàn huyện, Quốc lộ 1A, 217, 217B, đường sắt và đường sắt cao tốc (quy hoạch) Bắc - Nam. Cùng với thị xã Bim Sơn, huyện Hà Trung được xác định là trung tâm vùng phía Bắc của tỉnh Thanh Hóa với các chức năng chủ yếu: công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ; văn hóa - thể dục thể thao, du lịch văn hóa tâm linh, đầu mối giao thông quan trọng vùng động lực phía Bắc của tỉnh nói riêng, của tỉnh Thanh Hóa với vùng Bắc Trung Bộ và Nam Bắc Bộ nói chung.

Tuy nhiên, hiện nay huyện Hà Trung vẫn chưa phát huy được hết các tiềm năng, lợi thế nêu trên. Một trong những nguyên nhân, bất cập là hệ thống đô thị trên địa bàn vẫn còn hạn chế, chưa có nhiều trung tâm kinh tế, trung tâm đô thị tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội. Toàn huyện hiện chỉ có 01 đô thị huyện lỵ, tỷ lệ đô thị hóa thấp. Vì vậy, thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh là để phát huy tiềm năng, vị trí, vị thế; lan tỏa quá trình phát triển, quá trình đô thị hóa của huyện; hình thành các trung tâm, đô thị động lực góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hà Trung.

1.2. Xã Hà Long là vùng đất có nhiều giá trị lịch sử - văn hóa, là nơi phát tích của các vua, chúa và vương triều Nguyễn nên có nhiều cơ hội để hình thành đô thị du lịch văn hóa lịch sử, sinh thái gắn với bảo tồn tôn tạo di tích lịch sử Quốc Miếu nhà Nguyễn. Bên cạnh đó, xã Hà Long có một nút giao cao tốc Bắc - Nam và Quốc lộ 217B (là một trong bảy nút giao đường cao tốc qua địa phận tỉnh Thanh Hóa), đồng thời, xã cũng được quy hoạch phát triển dịch vụ cao cấp (du lịch, nghỉ dưỡng, sân golf...). Vì vậy, xã Hà Long có lợi thế vừa là cửa ngõ phía Tây Bắc của huyện Hà Trung; vừa là điểm kết nối các huyện vùng đồng bằng ven biển như Nga Sơn, Bim Sơn, Hậu Lộc; các huyện miền núi như Thạch Thành, Cẩm Thủy, Bá Thước đi các tỉnh lân cận và các đô thị lớn như Thủ đô

Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; là lợi thế để địa phương phát triển đô thị theo hướng dịch vụ thương mại, logistic. Mặt khác, xã Hà Long tiếp giáp trực tiếp với một trong bốn đô thị động lực của tỉnh, đây là cơ sở quan trọng để hình thành đô thị công nghiệp trong tương lai với sự lan tỏa mạnh mẽ của đô thị công nghiệp thị xã Bỉm Sơn, cụm công nghiệp Hà Long - Bỉm Sơn.

Xã Hà Lĩnh ở phía Tây Nam, cách trung tâm huyện lỵ Hà Trung khoảng 09 km, thuộc vùng kinh tế phía Nam huyện, có đường cao tốc Bắc - Nam với một nút giao và Quốc lộ 217 chạy qua, xã Hà Lĩnh được xác định là đầu mối giao thông vùng Đông Bắc tỉnh Thanh Hóa gắn với dịch vụ kho vận, thương mại cấp vùng; dịch vụ du lịch văn hóa lịch sử, tâm linh, thắng cảnh và sinh thái; công nghiệp tiểu thủ công nghiệp gắn liền với các cụm công nghiệp Hà Lĩnh I, II; trung tâm động lực khu vực vùng phía Nam của huyện Hà Trung.

1.3. Phát huy những tiềm năng, lợi thế và đề định hướng cho phát triển đô thị, quy hoạch chung xây dựng đô thị Hà Long và đô thị Hà Lĩnh đã được UBND tỉnh phê duyệt từ năm 2015 và điều chỉnh, mở rộng năm 2021, làm tiền đề cho phát triển đô thị trên địa bàn các xã trong thời gian qua.

Thực hiện các quy hoạch đô thị đã được phê duyệt, cùng với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và đầu tư của tỉnh, của huyện, sự nỗ lực của cấp ủy, chính quyền và nhân dân nên các xã Hà Long và Hà Lĩnh đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, tạo tiền đề cho sự phát triển toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, kết cấu hạ tầng kỹ thuật được hoàn thiện, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn được giữ vững. Cùng với quá trình phát triển kinh tế xã hội, lề lối sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn các xã cũng đã có nhiều thay đổi tích cực theo hướng đô thị; các khu dân cư kết hợp thương mại dịch vụ, điểm dân cư từng bước được xây dựng; hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngày một hoàn thiện, tiến tới đồng bộ; đường giao thông cơ bản được rải nhựa và bê tông hóa; tất cả các hộ gia đình đều được sử dụng điện lưới, nước hợp vệ sinh; tuyến đường chính được chiếu sáng; rác thải được thu gom và xử lý; góp phần đưa các xã đạt chuẩn nông thôn mới và đạt các tiêu chí đô thị loại V.

Những thay đổi về kinh tế - xã hội, quá trình phát triển dịch vụ, thương mại và đô thị hoá đã làm thay đổi quá trình tổ chức dân cư theo hướng tập trung với mật độ cao, hình thành lối sống đô thị trong nhân dân; tổ chức sản xuất có sự chuyên môn hóa, lao động dịch chuyển từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp; công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, quy hoạch, xây dựng, phòng chống tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự, bảo vệ môi trường... của chính quyền nông thôn hiện nay gặp nhiều khó khăn; cần phải có chính quyền đô thị với cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp để thay thế cho chính quyền nông thôn như hiện nay. Vì vậy, thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh trên cơ sở nguyên trạng diện tích tự nhiên và nhân khẩu của các xã là tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô

hình tổ chức bộ máy quản lý đô thị, nhằm đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn; không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế, góp phần đảm bảo tiêu chuẩn của đơn vị hành chính theo quy định.

II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG XÃ HÀ LONG VÀ XÃ HÀ LĨNH THEO ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THỊ TRẤN

1. Điều kiện thành lập thị trấn

Căn cứ quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Quy hoạch, thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh đã đảm bảo 5/5 điều kiện thành lập đơn vị hành chính, gồm: (1) Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, quy hoạch, chương trình phát triển đô thị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; (2) Bảo đảm lợi ích chung, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở; (3) Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; (4) Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa địa phương; (5) Bảo đảm các tiêu chuẩn của thị trấn theo quy định tại Nghị quyết số của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC

2. Tiêu chuẩn thành lập thị trấn

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016, Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; trên cơ sở rà soát, đánh giá thực trạng phát triển, xã Hà Long và xã Hà Lĩnh đạt 4/4 tiêu chuẩn thành lập thị trấn, gồm: (1) Quy mô dân số; (2) Diện tích tự nhiên; (3) Đã được công nhận đô thị loại V; (4) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

III. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ TRẤN

- Thành lập thị trấn Hà Long trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 48,41 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 10.679 người của xã Hà Long.

- Thành lập thị trấn Hà Lĩnh trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 24,09 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 8.598 người của xã Hà Lĩnh.

Sau khi thành lập thị trấn, huyện Hà Trung có 20 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, gồm 03 thị trấn: Hà Trung, Hà Long, Hà Lĩnh và 17 xã: Hà Bắc, Hà Giang, Hà Tân, Hà Tiến, Hà Bình, Hà Vinh, Hà Hải, Yên Sơn, Hà Thái, Hà Lai, Hà Châu, Lĩnh Toại, Hoạt Giang, Yên Dương, Hà Ngọc, Hà Đông, Hà Sơn.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa trong thời gian qua đã có những tác động nhiều mặt đến các xã Hà Long và Hà Lĩnh, làm cho việc tổ chức, quản lý, điều hành của chính quyền địa phương theo mô hình xã như hiện nay không còn phù hợp, cần thiết phải tổ chức chính quyền đô thị để đáp ứng yêu cầu phát triển và tốc độ đô thị hóa diễn ra trên địa bàn.

Thành lập thị trấn Hà Long và thị trấn Hà Lĩnh sẽ tạo điều kiện khai thác tốt hơn tiềm năng của các địa phương; tổ chức lại dân cư, sắp xếp hợp lý nguồn lao động; tạo ra động lực mới cho sự phát triển; tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước; góp phần vào việc nâng cao tỷ lệ đô thị hóa của huyện Hà Trung nói riêng và tỉnh Thanh Hóa nói chung./.

UBND TỈNH THANH HÓA